

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHSP NGHỆ THUẬT TW

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2490/QĐ-ĐHSPNTTW

Hà Nội, ngày 08 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo
ngành Thanh nhạc trình độ đại học của Trường ĐHSP Nghệ thuật TW
theo Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐHSP NGHỆ THUẬT TW

Căn cứ Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 26/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ
v/v thành lập Trường ĐHSP Nghệ thuật TW;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ
tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và
Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và
Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm
định và ban hành chương trình chương trình đào tạo các trình độ của Giáo dục đại
học;

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-HĐT ngày 27/10/2022 của Hội đồng Trường
ĐHSP Nghệ thuật TW về việc ban hành quy chế Tổ chức và hoạt động Trường ĐHSP
Nghệ thuật TW và Nghị quyết số 08/NQ-ĐHSPNTTW-HĐT ngày 05/6/2023 về việc
sửa đổi, bổ sung Quy chế Tổ chức và hoạt động Trường ĐHSP Nghệ thuật TW;

Căn cứ Kết luận của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo ngành Thanh
nhạc trình độ đại học;

Căn cứ đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chương trình đào tạo ngành Thanh nhạc trình độ đại học của
Trường ĐHSP Nghệ thuật TW theo Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT.

(Chương trình đào tạo kèm theo quyết định này)

Điều 2. Chương trình đào tạo tại Điều 1 áp dụng cho các khóa tuyển sinh từ
năm 2023.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo, các phòng chức năng, các đơn vị
hữu quan của Trường ĐHSP Nghệ thuật TW chịu trách nhiệm thi hành Quyết định
này.

Nơi nhận:

- HĐT (để bc);
- Ban Giám hiệu (để bc);
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu VT; ĐT (06).

KT-HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG PHỤ TRÁCH
ĐẠI HỌC
SƯ PHẠM
NGHỆ THUẬT
TRUNG ƯƠNG
PGS. TS. Lê Vinh Hưng

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH: THANH NHẠC

Mã số: 7210205

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Tên ngành đào tạo:
- + **Tiếng Việt:** Thanh nhạc
- + Tiếng Anh: Vocal music
- Mã số ngành đào tạo: **7210205**
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Thời gian đào tạo: 04 năm
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: Cử nhân Thanh nhạc
 - + Tiếng Anh: Bachelor of vocal music
- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương
- Căn cứ pháp lý xây dựng chương trình đào tạo:
 - + Căn cứ Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 06 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;
 - + Căn cứ Thông tư 17/2017/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo
 - + Căn cứ Quyết định số 1364/QĐ-ĐHSPNTTW ngày 29 tháng 9 năm 2021 về việc ban hành Hướng dẫn xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường ĐHSP Nghệ thuật Trung ương;
 - + Căn cứ Khung trình độ Quốc gia Việt Nam

PHẦN II: MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu chung

Trang bị cho sinh viên những kiến thức âm nhạc, kỹ thuật thanh nhạc cơ bản, nâng cao phát triển và hoàn thiện giọng hát, bước đầu có định hướng chuyên sâu, rèn luyện kỹ năng nghiên cứu và thực hành.

Sản phẩm của chương trình đào tạo cử nhân ngành Thanh nhạc có kiến thức toàn diện ở trình độ đại học, có phẩm chất chính trị và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp chuyên nghiệp, có kiến thức và năng lực để có thể nghiên cứu cũng như giải quyết được các vấn đề cơ bản trong lĩnh vực Thanh nhạc.

Về phẩm chất đạo đức nghề nghiệp Người học sau khi tốt nghiệp có đầy đủ có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức trách nhiệm với công việc, có kiến thức, năng lực chuyên môn đáp ứng được chất lượng chương trình độ đào tạo. Có lập trường tư tưởng vững vàng, nắm những đường lối và chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước. Có đạo đức nghề nghiệp, yêu nghề, có sức khỏe, tham gia tốt vào sự nghiệp biểu diễn nghệ thuật, góp phần xây dựng và phát triển nền nghệ thuật âm nhạc tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Kiến thức

Vận dụng được khối kiến thức chung trong giải quyết các vấn đề của cuộc sống, học tập và lao động nghề nghiệp. Có kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực Thanh nhạc và giáo dục âm nhạc, có năng lực sư phạm để giải quyết nhiệm vụ giáo dục nghệ thuật, đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp đổi mới giáo dục, đào tạo trong xu thế hội nhập. Người học lĩnh hội kiến thức về chuyên môn và nghiệp vụ và kiến thức về các nghiệp vụ hỗ trợ như: Khối kiến thức chung; Khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành; Khối kiến thức cơ sở ngành; Khối kiến thức chuyên ngành; Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp; Kiến thức tốt nghiệp... Nhằm tích lũy kiến thức nền tảng giáo dục âm nhạc, Vận dụng các kiến thức cơ bản của nhóm ngành trên cơ sở đó vận dụng vào học tập, biểu diễn, nghiên cứu khoa học, giáo dục âm nhạc, giảng dạy ở các cơ sở đào tạo nghệ thuật; cung cấp nguồn diễn viên cho các đoàn nghệ thuật, các trung tâm văn hóa; có khả năng quản lý hoạt động nghệ thuật chuyên và không chuyên. Có khả năng quản lý công tác dạy học môn chuyên ngành và Âm nhạc ở các trường chuyên nghiệp và cơ quan quản lý giáo dục.

Có thể áp dụng các khối kiến thức cơ sở ngành trong hoạt động biểu diễn, và tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp và bán chuyên nghiệp.

Sử dụng được kiến thức cơ bản toàn diện, phấn đấu để trở thành một ca sĩ chuyên nghiệp, có tố chất của một người giảng viên giảng dạy chuyên ngành thanh nhạc, có năng lực tổ chức các hoạt động biểu diễn nghệ thuật.

2.2. Kỹ năng

Hình thành năng lực thực hành cơ bản và phương pháp theo yêu cầu của chương trình đào tạo đại học Thanh nhạc. Biết xây dựng kế hoạch giảng dạy, tổ chức quản lý hoạt động nghệ thuật chuyên và không chuyên. Phát hiện và bồi dưỡng, đào tạo, phát triển cho

những nhân tố có năng khiếu âm nhạc, ca hát. Cập nhật kiến thức, tổng hợp tài liệu, xây dựng nguồn tài liệu tham khảo. đáp ứng nhu cầu đổi mới của toàn xã hội. Có khả năng thành lập nhóm, xây dựng và triển khai kế hoạch làm việc của nhóm, chấp nhận sự khác biệt vì mục tiêu chung. Thay đổi nhóm để thích ứng với hoàn cảnh.

PHẦN III. CHUẨN ĐẦU VÀO VÀ THÔNG TIN TUYỂN SINH

1. Chuẩn đầu vào

- Thí sinh đã tốt nghiệp THPT và theo quy định của Bộ GD&ĐT;
- Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT và theo quy định của Bộ GD&ĐT;
- Có năng khiếu âm nhạc. Có giọng hát.
- Có đủ sức khỏe để học tập và làm việc;
- Không trong thời gian bị truy tố hoặc thi hành án hình sự.

2. Thông tin tuyển sinh

- Hình thức tuyển sinh: Tổ chức thi tuyển và xét tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT, theo đề án của trường ĐHSP Nghệ thuật TW, theo tổ hợp môn
 - + Ngữ văn
 - + Kiến thức Âm nhạc tổng hợp - Xướng âm
 - + Thanh nhạc.
- Dự kiến qui mô tuyển sinh: theo chỉ tiêu hàng năm của trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW (khoảng 100 sinh viên/ năm)

4. Thời gian thiết kế/điều chỉnh chương trình đào tạo: 2023

PHẦN IV: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mã CDR	Chi tiết
	CDR - Kiến thức
KT1	<i>Khối kiến thức chung:</i> Hiểu biết và có khả năng vận dụng kiến thức cơ bản về lý luận chính trị vào phân tích và giải quyết các vấn đề trong thực tiễn cuộc sống; làm cơ sở cho nền tảng tư tưởng, phục vụ cho hoạt động nghiên cứu và thực hành khối kiến thức chuyên ngành; Vận dụng kiến thức Pháp luật đại cương, giáo dục thể chất trong giải quyết các vấn đề của cuộc sống, học tập và lao động nghề nghiệp.

KT2	<i>Khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành</i> 1. Áp dụng các kiến thức về quá trình lịch sử, các thành tố của văn hóa Việt Nam trong học tập, nghiên cứu, biểu diễn và giảng dạy thanh nhạc. 2. Phân tích, tổng hợp các kiến thức đã học của nhóm ngành vào quá trình hình thành, phát triển của lịch sử âm nhạc và văn minh thế giới, nghệ thuật học, mỹ học, phương pháp nghiên cứu khoa học trong học tập, nghiên cứu, biểu diễn và giảng dạy thanh nhạc.
KT3	<i>Khối kiến thức cơ sở ngành:</i> 1. Vận dụng kiến thức khoa học cơ bản về âm nhạc ở trình độ đại học Thanh nhạc vào học tập, nghiên cứu khoa học giáo dục âm nhạc cũng như quản lý công tác dạy học thanh nhạc ở các cơ sở. 2. Áp dụng kiến thức khoa học, kiến thức cơ sở ngành, lý luận dạy học, phương pháp dạy học thanh nhạc trên cơ sở để phát huy sáng tạo trong biểu diễn, nghiên cứu khoa học, giảng dạy chuyên ngành thanh nhạc, tổ chức các hoạt động biểu diễn nghệ thuật. Phát hiện, bồi dưỡng, tạo điều kiện phát triển cho những nhân tố có năng khiếu âm nhạc, ca hát. 3. Xây dựng thế giới quan, nhân sinh quan, lý tưởng nghề nghiệp, thị hiếu thẩm mỹ âm nhạc thông qua các chương trình biểu diễn nghệ thuật từ đó góp phần định hướng trong việc hoàn thiện nhân cách theo xu thế tích cực.

KT4	<i>Khối kiến thức chuyên ngành</i> 1. Giúp cho người học nắm được các kiến thức cơ bản về Thanh nhạc, nâng cao và hoàn thiện về kỹ thuật xử lý tác phẩm, phân tích cấu trúc tác phẩm, tốc độ, tính chất của tác phẩm, tìm hiểu và phân tích nội dung tác phẩm. Nâng cao kỹ thuật xử lý ngôn ngữ trong tác phẩm, nâng cao cách phát âm tiếng Ý, Đức, Nga...chuẩn xác, nâng cao kỹ thuật nhả chữ, đóng chữ chuẩn xác. 2. Hoàn thiện xử lý tác phẩm với sự nhuần nhuyễn của các kỹ thuật Thanh nhạc với các phong cách âm nhạc của các tác giả, phong cách âm nhạc của các nhạc sĩ tiền cổ điển, phong cách âm nhạc của các nhạc sĩ lãng mạn. 3. Nâng cao về biểu hiện nghệ thuật trong tác phẩm, nâng cao phong cách biểu diễn tác phẩm với các kỹ thuật Thanh nhạc đã học, nghiên cứu nội dung tác phẩm, rèn luyện khả năng sáng tạo trong biểu diễn. 4. Hoàn thiện xử lý sắc thái tình cảm một cách thuần thực, kỹ thuật nhuần nhuyễn qua các tác phẩm thanh nhạc với các phong cách khác nhau, cách thể hiện biểu diễn sân khấu với sự sáng tạo của từng cá nhân
------------	--

KT5	<i>Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp</i> 1. Áp dụng được các kiến thức đã tích lũy trong quá trình học tập để hoàn thành các đợt thực tập nghề nghiệp 1, 2, chương trình tốt nghiệp. 2. Khẳng định được vai trò của cuộc sống trong sáng tạo nghệ thuật. Rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và quan sát thực tiễn, trên cơ sở đó phát huy khả năng biểu diễn. 3. Tổng hợp các kiến thức để đạt hiệu quả nhất chương trình thực tập nghề nghiệp 1, 2 và chương trình tốt nghiệp. 4. Thiết kế hoặc đề xuất được nội dung trong chương trình thực tập và tốt nghiệp.
------------	---

	CDR - Kỹ năng
--	----------------------

KN1	<i>Kỹ năng cứng</i> 1. Kỹ năng nghề nghiệp: Thành thực các kỹ năng nghề nghiệp hiểu và vận dụng được các kiến thức âm nhạc. Giọng hát đạt được kỹ thuật thanh nhạc để trình diễn được các thể loại như: ca khúc nghệ thuật, nhạc kịch cổ điển. 2. Kỹ năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề: Chuẩn hoá khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề: Phát hiện vấn đề nghiên cứu, phân tích và đề xuất được giải pháp phù hợp với thực tiễn nghề nghiệp. 3. Kỹ năng nghiên cứu và khám phá kiến thức. Chuẩn hoá khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức: Cập nhật kiến thức, tổng hợp tài liệu, xây dựng nguồn tài liệu tham khảo, hỗ trợ cho chuyên ngành. 4. Kỹ năng xây dựng mục tiêu, lập kế hoạch dạy học, giáo dục 5. Kỹ năng tổ chức và triển khai kế hoạch dạy học, giáo dục 6. Kỹ năng đánh giá kết quả học tập của người học, đánh giá cải tiến việc dạy học, giáo dục: 7. Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, phát triển chuyên môn, nghề nghiệp
KN2	<i>Kỹ năng mềm</i> 1. Các kỹ năng cá nhân: Thành thực các kỹ năng cá nhân, thu thập và tổng hợp tài liệu, quản lý thời gian, thích ứng với sự thay đổi. 2. Phối hợp làm việc theo nhóm: Xây dựng và triển khai kế hoạch làm việc của nhóm, chấp nhận sự khác biệt vì mục tiêu chung. Thay đổi nhóm để thích ứng với hoàn cảnh. 3. Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm 4. Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.
KN3	<i>Kỹ năng giao tiếp:</i> 1. Thực hiện thuyết trình, giao tiếp giữa các cá nhân, nhóm. 2. Phối hợp tổ chức được các hoạt động xã hội đa dạng, phù hợp đặc điểm lứa tuổi, mục tiêu dạy học, giáo dục. 3. Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải đáp tới người khác; truyền tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể phức tạp.

KN4	<i>Các kỹ năng mềm khác</i> 1. Sử dụng ngoại ngữ: Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam 1. Sử dụng được tin học văn phòng cơ bản và tin học chuyên ngành.
	CĐR - Mức tự chủ và trách nhiệm
TC1	<i>Phẩm chất đạo đức cá nhân</i> - Tác phong chuyên nghiệp, có ý thức trách nhiệm, đưa ra ý kiến, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; tự tin, chủ động, linh hoạt, say mê công việc. Có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, có ý thức kỷ luật, có phẩm chất chính trị, đạo đức của người nghệ sĩ. Bồi dưỡng phẩm chất chính trị, năng lực thẩm mỹ, đạo đức nhà giáo, nghệ sĩ.
TC2	<i>Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp</i> -Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau. Làm việc độc lập, tự định hướng, nghiên cứu, có ý thức trách nhiệm, tự tin, chủ động, linh hoạt, tâm huyết và say mê lao động sáng tạo nghệ thuật. -Có khả năng đưa ra được sáng kiến, kết luận, chịu trách nhiệm cá nhân các về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.
TC3	<i>Phẩm chất đạo đức xã hội</i> -Có khả năng tự định hướng tuyên truyền và giáo dục tư tưởng cho nhân dân thực hiện tốt đường lối và chủ trương của Đảng, pháp luật, chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực Văn hóa nghệ thuật.

PHẦN V. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA NGƯỜI HỌC SAU KHI TỐT NGHIỆP

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo Đại học Thanh nhạc:

- Hướng biểu diễn: Có đầy đủ trình độ và kỹ năng trở thành nghệ sĩ biểu diễn độc lập, nghệ sĩ chuyên nghiệp tại các đoàn nghệ thuật, nhà hát trên toàn quốc.
- Hướng sư phạm: Giảng dạy ở các cơ sở đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp, Giáo viên âm nhạc trong các trường Trung cấp, Cao đẳng, Đại học, các trường phổ thông. từ tiểu học đến THPT.

- Hướng nghiên cứu: Làm công tác nghiên cứu tại các cơ quan nghiên cứu khoa học về âm nhạc. Cán bộ ngành Quản lý văn hoá của trung tâm, sở ban ngành của các tỉnh, Thành phố: các biên tập viên âm nhạc của đài Phát thanh- Truyền hình...

PHẦN VI. KHẢ NĂNG HỌC TẬP, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ CỦA NGƯỜI HỌC SAU KHI TỐT NGHIỆP

- Có khả năng tự học, tự nghiên cứu đảm bảo kiến thức về chuyên môn và nghiệp vụ để học lên bậc thạc sĩ, tiến sĩ các chuyên ngành thuộc lĩnh vực Thanh nhạc trong và ngoài nước.

- Có thể thực hiện được các đề tài nghiên cứu về lĩnh vực thanh nhạc ở các cấp khác nhau.

- Có năng lực để tổ chức hoạt động nghề nghiệp, đáp ứng đòi hỏi trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

PHẦN VII: MA TRẬN CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.

Các học phần trong Chương trình đào tạo	Chuẩn đầu ra											
	Kiến thức					Kỹ năng				Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
	Từ 1 đến 5					Từ 1 đến 4				Từ 1 đến 3		
	KT 1	KT 2	KT 3	KT 4	KT 5	KN 1	KN 2	KN 3	KN 4	TC 1	TC 2	TC 3
1. Khối kiến thức chung												
Triết học Mác - Lênin	3					4				3		
Kinh tế chính trị Mác -Lênin	3					4				3		
Chủ nghĩa xã hội khoa học	3					4				3		
Tư tưởng Hồ Chí Minh	3					4				4		
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	3					4				4		
Tin học cơ bản	1	2	3			1	2	3	4	1	2	3
Tiếng Anh 1	1	2	3			1	2	3		1	2	3
Tiếng Anh 2	1	2	3			1	2	3		1	2	3
Giáo dục thể chất 1	3					4	2	5		2	2	2

Giáo dục thể chất 2	3					4	2	5		2	2	2
Pháp luật đại cương	3					4				4		4
Giáo dục quốc phòng		2									2	
2. Khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành												
2.1. Các học phần bắt buộc												
Phương pháp nghiên cứu khoa học		3					4				4	
Mỹ học												
Cơ sở văn hoá Việt Nam		2				2		3				3
Đường lối VHVN của ĐCS Việt Nam		2				2		3				3
Tiếng Anh chuyên ngành	1	2	3			1	2	3	4	1	2	3
Kỹ năng khởi nghiệp		3				4				4		
2.2. Các học phần tự chọn												
Đại cương các loại hình nghệ thuật	2	3				2				4	3	4
Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo		3				4				4		

Tâm lý học nghệ thuật		3				4				4		
Tiếng Việt thực hành	1	2				1	2			1	2	3
3. Khối kiến thức cơ sở ngành												
3.1. Các học phần bắt buộc												
Lịch sử âm nhạc thế giới 1	2	3	3			2			5	4	3	4
Lịch sử âm nhạc thế giới 2	2	3	3			2				4	3	4
Âm nhạc Việt Nam	2	3	3			2			5	4	3	4
Lý thuyết âm nhạc 1	2		3	3		2	5		5	4	3	4
Lý thuyết âm nhạc 2	2		3	3		2	5		5	4	3	4
Phân tích tác phẩm 1		3	3	3	2	2		2	5	2	3	4
Hoà thanh 1		3	3	3	2	2		2	5	2	3	4
Ký xướng âm 1	2		3		3	2	5	5		4	3	4
Ký xướng âm 2	2		3		3	2	5	5		4	3	4
Ký xướng âm 3	2		3		3	2	5	5		4	3	4
Ký xướng âm 4	2		3		3	2	5	5		4	3	4
Giáo dục học		3				4					4	

2.2. Các học phần tự chọn												
Sáng tác	2	3				2				4	3	4
Giới thiệu nhạc cụ	2	3		3		2	2	5		4	3	4
Dân ca	2			3		2	5			4	3	4
Trải nghiệm các hoạt động âm nhạc	3	3	3			3	3	3	5	4	3	4
Chuyên soạn cho hợp xướng	2	3	3	3		2	5		5	4	3	4
4. Khối kiến thức chuyên ngành												
4.1. Các học phần bắt buộc												
Thanh nhạc 1.1 Vocal music 1.1		2	2	2		2	2	2	2	2	2	2
Thanh nhạc 1.2 Vocal music 1.2		2	2	2		2	2	2	2	3	3	3
Thanh nhạc 2.1 Vocal music 2.1		3	3	3		3	3	3	3	3	3	3
Thanh nhạc 2.2 Vocal music 2.2		3	3	3		3	3	3	3	4	4	4
Thanh nhạc 3.1 Vocal music 3.1		4	4	4		4	4	4	4	4	4	4
Thanh nhạc 3.2 Vocal music 3.2		4	4	4		4	4	4	4	4	4	4

Thanh nhạc 4.1 Vocal music 4.1		4	4	4		5	5	5	5	5	5	4
Thanh nhạc 4.2 Vocal music 4.2		4	4	4		5	5	5	5	5	5	4
Piano 1		2	2	2		2	2	2	2	2	2	2
Piano 2		2	2	2		2	2	2	2	2	2	2
Piano 3		3	3	3		3	3	3	3	3	3	3
Hợp xướng 1	2	3	3	3	3	2	5		5	4	3	4
Hợp xướng 2	2	3	3	3	3	2	5		5	4	3	4
Phát âm tiếng Ý và một số ngôn ngữ khác Italian and some foreign languages		4	4	4			4	4	4	4	4	4
Lịch sử và PP Sư phạm Thanh nhạc History and pedagogical methods of singing		4	4	4			4	4	4	4	4	4
Các môn tự chọn <i>Optional subjects</i>												
Kỹ thuật diễn viên Techniques of performer		4	4	4			4	4	4	4	4	4
Thực hành biểu diễn		4	4	4			4	4	4	4	4	4

Performance practice												
Đệm đàn 1 Accompanying instrument 1		3	3	3			3	3	3	3	3	3
Đệm đàn 2 Accompanying instrument 2		4	4	4			4	4	4	4	4	4
Chỉ huy hợp xướng	2	3	3	3	3	2	5		5	4	3	4
Chuyên đề		4	4	4			4	4	4	4	4	4
Khối kiến thức thực tập												
Thực tập nghề nghiệp 1 Career Practice 1		4	4	4			4	4	4	4	4	4
Thực tập nghề nghiệp 2 Career Practice 2		4	4	4			5	5	5	5	5	4
Khối kiến thức cuối khóa												
Chương trình biểu diễn nghệ thuật				5			5	5	5	5	5	5

PHẦN VIII: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 132 tín chỉ (chưa tính học phần Giáo dục Quốc phòng)

1.1. Khối kiến thức chung (M1): 27 tín chỉ

1.2. Khối kiến thức cơ bản chung của khối ngành (M2): 18 tín chỉ

- Bắt buộc: 14 tín chỉ

- Tự chọn: 4 tín chỉ/ 8 tín chỉ

1.3. Khối kiến thức cơ sở ngành (M3): 30 tín chỉ

- Bắt buộc: 26 tín chỉ

- Tự chọn: 4 tín chỉ/10 tín chỉ

1.4. Khối kiến thức chuyên ngành (M4): 36 tín chỉ

- Bắt buộc: 31 tín chỉ

- Tự chọn: 5 tín chỉ/ 13 tín chỉ

1.5. Khối kiến thức thực tế, thực tập nghề nghiệp (M5): 7 tín chỉ

1.6. Khối kiến thức cuối khóa (M6): 14 tín chỉ

II. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				Giảng lý thuyết	Hướng dẫn học tập	Tự học/Tự nghiên cứu...	
I	M1	Khối kiến thức chung	27				
1	POL2009	Triết học Mác - Lênin	3	39	12	99	Không
2	POL2010	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	26	8	66	Triết học Mác - Lênin
3	POL2011	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	26	8	66	Kinh tế chính trị Mác-Lênin

4	POL2003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	26	8	66	Chủ nghĩa xã hội khoa học
5	POL2012	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	26	8	66	Tư tưởng Hồ Chí Minh
6	INF2001	Tin học cơ bản	2	26	8	66	Không
7	CFL2001	Tiếng Anh 1	4	52	16	132	Không
8	CFL2002	Tiếng Anh 2	3	39	12	99	Tiếng Anh 1
9	PPE2010	Giáo dục thể chất 1 Physical Education 1	2	4	46	50	Không
10	PPE2011	Giáo dục thể chất 2 Physical Education 2 (Cầu lông, Võ thuật, Khiêu vũ)	3	6	69	75	Giáo dục thể chất 1
11	POL2007	Pháp luật đại cương	2	26	8	66	Không
12	GDQP	Giáo dục quốc phòng					Không
II	M2	Khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành	18				
II.1		Các môn học bắt buộc	14				
13	PPE2008	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	26	8	66	Không
14	MUS2002	Mỹ học	2	26	8	66	Triết học Mác - Lênin
15	CLM2001	Cơ sở văn hoá Việt Nam Fundamentals of Vietnamese Culture	3	39	12	99	Không

16	CLM2010	Đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng cộng sản Việt Nam	2	26	8	66	Không
17	CFL2005	Tiếng Anh chuyên ngành	2	26	8	66	Tiếng Anh 2
18	PPE2030	Kỹ năng khởi ngiệp	3	15	30	90	Không
II.2		<i>Các học phần tự chọn</i>	<i>4/8</i>				
19	MUS2003	Đại cương các loại hình nghệ thuật	2	26	8	66	Không
20	PPE2003	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo	2	26	8	66	Không
21	PPE2004	Tâm lý học nghệ thuật	2	26	8	66	Không
22	CFL2008	Tiếng Việt thực hành Vietnamese Praticce	2	26	4	66	Không
III	M3	Khối kiến thức cơ sở ngành Fundemental subjects	30				
III. 1		<i>Các môn học bắt buộc Compulsory subjects</i>	<i>26</i>				
23	MUS2060	Lịch sử âm nhạc thế giới 1 History of the world music 1	2	26	8	66	Không

24	MUS2061	Lịch sử âm nhạc thế giới 2 History of the world music 2	2	26	8	66	Lịch sử âm nhạc thế giới 1
25	MUS2056	Âm nhạc Việt Nam	2	26	8	66	Lịch sử âm nhạc thế giới 2
26	MUS2008	Lý thuyết âm nhạc 1 Music theory 1	3	39	12	99	Không
27	MUS2009	Lý thuyết âm nhạc 2 Music theory 2	2	26	8	66	Lý thuyết âm nhạc 1
28	MUS2024	Phân tích tác phẩm 1 Music work analysis 1	2	26	8	66	Hòa thanh 1
29	MUS2062	Hòa thanh 1 Harmony	2	26	8	66	Lý thuyết âm nhạc 2
30	MUS2017	Ký xướng âm 1 Tonic Sol-fa notation 1	2	10	40	50	Không
31	MUS2018	Ký xướng âm 2 Tonic Sol-fa notation 2	2	10	40	50	Ký xướng âm 1
32	MUS2019	Ký xướng âm 3 Tonic Sol-fa notation 3	2	10	40	50	Ký xướng âm 2
33	MUS2020	Ký xướng âm 4 Tonic Sol-fa notation 4	2	10	40	50	Ký xướng âm 3
34	PPE2002	Giáo dục học Pedagogy	3	39	12	99	Tâm lý học

III. 2		Các môn học tự chọn Optional subjects	4/10				
35	MUS2012	Sáng tác Composition	2	26	8	66	Phân tích tác phẩm 1
36	MUS2030	Giới thiệu nhạc cụ Introduction to Musical Instruments	2	26	8	66	Không
37	VMU2001	Dân ca Singing folk songs	2	10	40	50	Không
38	MUS2084	Trải nghiệm các hoạt động âm nhạc Activities outside the classroom	2	10	40	50	Phương pháp dạy học âm nhạc 2
39	MUS2074	Chuyển soạn cho Hợp xướng Choir Arrangements	2	26	8	66	Hòa thanh 2
IV	M4	Khối kiến thức chuyên ngành Speciality subjects	36				
IV. 1		Các môn học bắt buộc Compulsory subjects	31				
40	VMU2031	Thanh nhạc 1.1 Vocal music 1.1	2	4	26	70	Không
41	VMU2032	Thanh nhạc 1.2 Vocal music 1.2	2	4	26	70	Thanh nhạc 1.1
42	VMU2033	Thanh nhạc 2.1 Vocal music 2.1	2	4	26	70	Thanh nhạc 1.2

43	VMU2034	Thanh nhạc 2.2 Vocal music 2.2	2	4	26	70	Thanh nhạc 2.1
44	VMU2035	Thanh nhạc 3.1 Vocal music 3.1	2	4	26	70	Thanh nhạc 2.2
45	VMU2036	Thanh nhạc 3.2 Vocal music 3.2	2	4	26	70	Thanh nhạc 3.1
46	VMU2037	Thanh nhạc 4.1 Vocal music 4.1	2	4	26	70	Thanh nhạc 3.2
47	VMU2038	Thanh nhạc 4.2 Vocal music 4.2	2	4	26	70	Thanh nhạc 4.1
48	PIA2030	Piano 1	2	4	26	70	Không
49	PIA2031	Piano 2	2	4	26	70	Piano 1
50	PIA2032	Piano 3	2	4	26	70	Piano 2
51	MUS2080	Hợp xướng 1	2	10	40	50	Ký xướng âm 1
52	MUS2081	Hợp xướng 2	2	10	40	50	Hợp xướng 1
53	VMU2030	Phát âm tiếng Ý	2	10	24	66	Không
54	VMU2022	Lịch sử và phương pháp sư phạm thanh nhạc	3	30	21	99	Không
IV. 2		Các môn tự chọn	5/13				
55	VMU2010	Kỹ thuật diễn viên Techniques of performer	2	10	40	50	Không

56	VMU2025	Thực hành biểu diễn Performance practice	3	30	45	75	Không
57	IMU 2006	Đệm đàn 1 Accompanying instrument 1	2	10	40	50	Không
58	IMU 2007	Đệm đàn 2 Accompanying instrument 2	2	10	40	50	Đệm đàn 1
59	MUS2075	Chỉ huy hợp xướng Choral conducting	2	10	40	50	Hợp xướng 2
60	VMU2013	Chuyên đề Other themes	2	20	14	66	Không
V	M5	Khối kiến thức thực tập	7				
61	VMU2039	Thực tập nghề nghiệp 1 Carreer Practice 1	3	6	39	105	Không
62	VMU2040	Thực tập nghề nghiệp 2 Carreer Practice 2	4	8	52	140	Thực tập nghề nghiệp 1
VI	M6	Khối kiến thức cuối khóa	14				
63	VMU2016	Chương trình biểu diễn nghệ thuật	14				Các học phần theo quy định
Tổng			132				

3. Tóm tắt nội dung các học phần

I. Khối kiến thức chung (M1): 21 tín chỉ

1. POL2009. Triết học Mac- Lênin (3 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: *Không*

+ Tóm tắt nội dung học phần

Môn Triết học Mác - Lênin bao gồm ba chương. Ngoài việc giới thiệu khái lược về chủ nghĩa Mác - Lênin và một số vấn đề về đối tượng học tập, mục đích và yêu cầu về phương pháp học tập, nghiên cứu của môn học. Còn cung cấp cho người học thế giới quan và phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác - Lênin. Những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

2. POL2010. Kinh tế chính trị Mác-Lênin (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: POL2009. Triết học Mác - Lênin

+ Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung chương trình gồm 6 chương: Trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

3. POL201. Chủ nghĩa xã hội khoa học (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: POL2010. Kinh tế chính trị Mác-Lênin

+ Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học (quá trình hình thành, phát triển của Chủ nghĩa xã hội khoa học); từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo mục tiêu môn học.

4. POL2003. Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: POL201. Chủ nghĩa xã hội khoa học

+ Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 6 chương cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân

tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người. Giới thiệu cho sinh viên một số vấn đề về vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp xây dựng nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh hiện nay. Giới thiệu cho sinh viên một số vấn đề về vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp xây dựng nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh hiện nay.

5. POL2012. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (2 tín chỉ)

+ *Học phần tiên quyết: POL2003. Tư tưởng Hồ Chí Minh*

+ *Tóm tắt nội dung học phần*

Nội dung môn học gồm 4 chương: Chương mở đầu, Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Chương 1, những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945). Chương 2, Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975). Chương 3, Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 – 2018). Khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

6. INF2001. Tin học cơ bản, 2 tín chỉ

+ *Học phần tiên quyết: Không*

+ *Tóm tắt nội dung học phần*

Môn học bao gồm các phần sau:

Phần 1. Một số kiến thức cơ bản về tin học và máy tính, bao gồm: Thông tin, lưu trữ và xử lý thông tin trên máy tính; Hệ điều hành; một số trình tiện ích, ...

Phần 2. Hệ soạn thảo văn bản MicrosoftWord: Bao gồm các kiến thức giúp sinh viên thực hiện các thao tác xử lý văn bản bằng công cụ hỗ trợ văn phòng MS Word như xây dựng văn bản, định dạng văn bản, chèn các đối tượng vào văn bản v.v...

Phần 3. Bảng tính điện tử MicrosoftExcel: Giúp sinh viên thực hiện các kỹ năng trên bảng tính như nhập dữ liệu cho bảng tính, trình bày bảng tính, xây

dụng công thức, sử dụng một số hàm thông dụng để tính toán, các hàm đặc biệt khác và xử lý, tổng hợp dữ liệu trên bảng tính...

Phần 4. Trình chiếu MicrosoftPower Point: Giúp sinh viên thực hiện làm quen với các công cụ trên slides, tạo hiệu ứng cho slides, quản lý slides, kỹ thuật trình chiếu nhằm tạo ra một bài trình chiếu sinh động.

7. CFL2001. Tiếng Anh 1 . 4 tín chỉ

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung học phần tiếng Anh 1 gồm 14 chủ đề: (1) Hello everybody; (2) Meeting people; (3) The world of work; (4) Take it easy; (5) Where do you live?; (6) Can you speak English?; (7) Then and now (8) A date to remember; (9) Food you like (10) Bigger and better (11) Looking good; (12) Life ‘s an adventure; (13) Storytime; (14) Have you ever? Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản của Tiếng Anh về ngữ âm, từ vựng và cấu trúc ngữ pháp. Về kiến thức ngữ pháp, học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức bao gồm: Cấu tạo và cách sử dụng của thì hiện tại đơn với động từ “to be” và động từ thường; cấu trúc “have got/ has got”; “have to/ has to”, động từ khuyết thiếu “can” và “could”, cấu trúc ‘there is/there are’, thì quá khứ đơn với động từ “to be” và động từ thường, danh từ đếm được và không đếm được, cách dùng của tính từ và trạng từ, cấu tạo và cách dùng của thì hiện tại tiếp diễn; cách diễn đạt hành động trong tương lai gần với “be going to”; các cấp so sánh của tính từ; thì hiện tại hoàn thành, tính từ sở hữu; danh từ đếm được và không đếm được; đại từ sở hữu. Về kiến thức ngữ âm và từ vựng, học xong học phần sinh viên có khả năng phát âm đúng số đếm, số điện thoại và các từ vựng thuộc chủ đề quê quán, quốc tịch, gia đình, hoạt động vui chơi giải trí, thức ăn và đồ uống, trang phục, cảm xúc, đồ vật trong gia đình, từ chỉ nghề nghiệp, màu sắc và thời tiết. Về kỹ năng thực hành tiếng, học phần rèn luyện cho sinh viên khả năng nghe, nói, đọc và viết theo các chủ đề: giới thiệu bản thân, gia đình, sở thích, hoạt động giải trí, phát minh, công việc, ...

8. CFL2002. Tiếng Anh 2. 3 tín chỉ

+ Học phần tiên quyết: CFL2001. Tiếng Anh 1

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Nội dung học phần tiếng Anh 2 gồm 12 chủ đề: (1) Unit1: Getting to know you; (2) Unit 2: The way we live; (3) Unit 3: What happened next?; (4) Unit 4: The market

place; (5) Unit 5: What do you want to do?; (6) Unit 6: Places and things; (7) Unit 7: Fame; (8) Unit 8: Do's and don't; (9) Unit 9: Going places; (10) Unit 10: Things that changed the world; (11) Unit 11: What if ...?; Unit 12: Trying your best.. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản của Tiếng Anh về ngữ âm, từ vựng và cấu trúc ngữ pháp. Về kiến thức ngữ pháp, học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức bao gồm: thì hiện tại đơn, thì hiện tại tiếp diễn, thì hiện tại hoàn thành, thì quá khứ đơn, thì quá khứ tiếp diễn, từ chỉ số lượng, quán từ xác định, các cấu trúc diễn đạt tương lai, cấu trúc so sánh của tính từ, cấu trúc “have to, should, must”, mệnh đề thời gian bắt đầu bằng các từ “as soon as, when, while, until”, dạng bị động, câu điều kiện loại 2. Về kiến thức ngữ âm và từ vựng, học xong học phần sinh viên có khả năng phát âm đúng các từ vựng thuộc các chủ đề: thức ăn đồ uống, địa điểm, mua sắm. Sinh viên nhớ và vận dụng được các từ kết hợp với chủ đề cuộc sống hàng ngày, tính từ đồng nghĩa và trái nghĩa, động từ kết hợp với danh từ, cụm động từ và thành ngữ. Về kỹ năng thực hành tiếng, học phần rèn luyện cho sinh viên khả năng nghe, nói, đọc và viết về các chủ đề trong cuộc sống hàng ngày. Đối với kỹ năng đọc, rèn luyện cho sinh viên khả năng đọc lướt, đọc quét. Đối với kỹ năng nghe, rèn luyện cho sinh viên khả năng nghe để xác định thông tin đúng/sai, nghe để ghi lại thông tin chính. Đối với kỹ năng viết, sinh viên có khả năng

9. PPE2010. Giáo dục thể chất 1. 2 tín chỉ

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Giáo dục thể chất 1 (GDTC 1) là phần học bắt buộc trong chương trình Giáo dục thể chất dành cho Sinh viên trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW. Phần học GDTC 1 được chia làm ba nội dung chính:

Thứ nhất: Thể dục cơ bản là các nội dung đội hình đội ngũ và các bài tập thể dục tay không được sắp xếp thành bài tập để người tập thường xuyên tập luyện ở mọi lúc mọi nơi, nhằm tăng cường sức khỏe và sự dẻo dai trong lao động.

Thứ hai: Kỹ thuật chạy cự ly ngắn là nội dung nằm trong bộ môn Điền kinh. Kỹ thuật chạy cự ly ngắn là môn thể thao có lịch sử lâu đời, được ưa chuộng và phổ cập rộng rãi trên thế giới. Với nội dung phong phú đa dạng, các bài tập điền kinh có vị trí chủ yếu trong một số những bài tập nhằm phát triển thể lực toàn diện là tiền đề để phát triển các môn thể thao khác.

Thứ ba: Thể dục Aerobic: là một dạng của Aerobic với mục đích nâng cao thể lực nói chung và sức bền nói riêng cho người tập. Nó được thực hiện nhờ vận động tại chỗ và

di chuyển trong sự phối hợp với nhạc đệm - dẫn dắt nhịp. Cường độ vận động của thể dục Aerobic phụ thuộc vào tính chất, mục đích xây dựng của bài tập.

10. PPE2011, Giáo dục thể chất 2. 3 tín chỉ

+ **Học phần tiên quyết:** PPE2010. Giáo dục thể chất 1

+ **Tóm tắt nội dung học phần:**

Giáo dục thể chất 2 (GDTC 2) là phần học tự chọn trong chương trình Giáo dục thể chất dành cho sinh viên trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW. Phần học GDTC 2 được chọn làm ba nội dung:

Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông)

Môn học Cầu lông là một trong 3 nội dung học tự chọn của học phần Giáo dục thể chất 2 trong chương trình đào tạo về Giáo dục thể chất tại Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW. Môn học chia làm 3 nội dung chính: một là Nguồn gốc ra đời của môn Cầu lông và Luật thi đấu môn Cầu lông, hai là Các kỹ thuật thực hành trong môn học Cầu lông, ba là Phương pháp tổ chức và thi đấu môn học Cầu lông.

Môn học Cầu lông là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: lịch sử ra đời môn Cầu lông, các kỹ thuật cơ bản trong đánh cầu lông, thi đấu cầu lông, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn cầu lông.

Ngoài ra môn học giúp cho người học hiểu được vai trò, chức năng của cầu lông trong rèn luyện giáo dục thể chất nói chung và trong hoạt động thể dục thể thao nói riêng, đồng thời rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng vận động, xác định mục tiêu môn học, bài học. Trên cơ sở đó, giảng viên xây dựng quy trình đánh giá kết quả học tập một cách khách quan, khoa học và công bằng. Quy trình này cũng giúp giảng viên, sinh viên biết tự đánh giá kết quả của quá trình dạy và học, giúp giảng viên, sinh viên thu thập các thông tin phản hồi hữu ích để điều chỉnh quá trình dạy học, nhằm đạt mục tiêu dạy học giáo dục thể chất một cách tốt nhất.

Giáo dục thể chất 2 (Khiêu vũ)

Môn học Khiêu vũ thể thao là một trong 3 nội dung học trong học phần tự chọn (GDTC2) của môn Giáo dục thể chất. Khiêu vũ thể thao gồm hai trường phái (Latin American và Standard), trong đó mỗi trường phái có 5 vũ điệu và được Liên đoàn khiêu vũ thể thao quốc tế lựa chọn làm các nội dung thi đấu trong hệ thống thi đấu quốc tế. Chương trình môn học tự chọn - Khiêu vũ thể thao trong nội dung môn học Giáo dục thể chất của Trường Đại học sư phạm Nghệ thuật Trung ương là trường phái Latin American (bao gồm các vũ điệu: Cha cha cha, Rumba, Samba, Jive và Paso Doble). Khi học nội dung này, sinh viên sẽ được cung cấp hệ thống những kiến thức cơ bản nhất, chung nhất

về Khiêu vũ thể thao (Luật Khiêu vũ thể thao và các tư thế liên kết cơ bản). Bên cạnh đó, mỗi một vũ điệu giảng viên cung cấp thêm cho sinh viên kiến thức về nguồn gốc, xuất xứ các vũ điệu, cách đếm nhạc và vào nhạc, các vũ hình cơ bản để sinh viên có thể tự dựng một bài riêng cho đôi nhảy của mình. Ngoài ra, kết thúc môn học sinh viên còn được tổ chức thi học phần dưới hình thức như 1 giải đấu nhỏ về Khiêu vũ thể thao để các em có thể áp dụng triệt để những kiến thức đã được học cả về lý thuyết và thực hành để tạo hứng thú trong các em sinh viên. Cùng với sự kiểm tra, đánh giá, nhận xét của các giảng viên có chuyên môn trong bộ môn Giáo dục thể chất giúp các em nâng cao được trình độ và có thể tự tin đi giao lưu hoặc tham gia một số giải đấu như Vũ điệu xanh, Giải thể thao học sinh sinh viên, giải thể thao các trường đại học, cao đẳng khu vực Hà Nội...

Giáo dục thể chất 2 (Võ)

Môn học Võ thuật là một trong 3 nội dung học trong học phần tự chọn của môn Giáo dục thể chất. Võ thuật gồm nhiều môn phái như (Võ cổ truyền, Karate, Vovinam, Taekwondo...), trong đó trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung Ương chọn môn võ Karate làm một trong ba môn học tự chọn của trường. Chương trình môn học tự chọn – Võ thuật trong nội dung môn học Giáo dục thể chất của Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương là môn phái Karate. Khi học nội dung này, sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản nhất, chung nhất về Võ thuật (Luật Võ Karate và các tư thế tấn, các đòn đâm, đá). Bên cạnh đó, mỗi bài bài quyền giảng viên cung cấp thêm cho sinh viên kiến thức về yếu lĩnh kỹ thuật của từng tư thế động tác, cách sử dụng lực ở từng đòn đâm, đá và cách di chuyển trong bài quyền để sinh viên có thể thực hiện đúng và liên hoàn các thế võ. Ngoài ra, kết thúc môn học sinh viên còn được tổ chức thi học phần dưới hình thức biểu diễn theo nhóm

11. POL2007. Pháp luật đại cương

2 tín chỉ

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Pháp luật đại cương là môn học cung cấp cho sinh viên không chuyên luật những kiến thức cơ bản về nhà nước, pháp luật nói chung, những vấn đề cơ bản nhất về một số ngành luật quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam và vấn đề hội nhập, hợp tác quốc tế.

Tuyên truyền, giáo dục pháp luật góp phần hình thành những thế hệ công dân có hiểu biết về pháp luật và có ý thức thượng tôn pháp luật.

Việc nghiên cứu học tập những nội dung cơ bản đó có ý nghĩa quan trọng trong giai đoạn này, khi mà Đảng và Nhà nước ta đang xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, quản lý xã hội bằng pháp luật và không ngừng tăng cường pháp chế XHCN.

12. Giáo dục quốc phòng

II. Khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành 18 tín chỉ

2.1. Các học phần bắt buộc 14 TC

13. PPE2008. Phương pháp nghiên cứu khoa học 2 tín chỉ

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Phương pháp nghiên cứu khoa học là môn học cung cấp cho người học kiến thức về phương pháp luận nghiên cứu khoa học, kiến thức về hệ thống các phương pháp nghiên cứu khoa học và các bước thực hiện một công trình nghiên cứu khoa học, những yêu cầu trong trình bày kết quả nghiên cứu.

Trên cơ sở đó người học có khả năng triển khai nghiên cứu một đề tài cụ thể

14. MUS2002. Mỹ học 2 tín chỉ

+ Học phần tiên quyết: MUS2002. Triết học Mác - Lênin

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản, hệ thống, khoa học về Mỹ học Mác - Lê nin và một số tư tưởng Mỹ học khác. Nội dung môn học nghiên cứu những vấn đề sau:

(1) Chương 1: Bản chất của mỹ học, nghiên cứu, Bản chất của Mỹ học; Khái quát về đối tượng thẩm mỹ lịch sử tư tưởng thẩm mỹ qua các thời kỳ

(2) Chương 2: Các phạm trù cơ bản của Mỹ học – Khách thể thẩm mỹ, nghiên cứu, Phạm trù Cái đẹp; Cái bi; Cái hài....

(3) Chương 3: Chủ thể thẩm mỹ, nghiên cứu, Chủ thể thẩm mỹ và mối quan hệ của chủ thể với tác phẩm nghệ thuật; Các thành tố cấu thành của chủ thể thẩm mỹ.

(4) Chương 4: Giáo dục thẩm mỹ, nghiên cứu, Bản chất của giáo dục thẩm mỹ; Các hình thức giáo dục thẩm mỹ; Vai trò của GD và định hướng thẩm mỹ trong môi trường học đường... Trong tự nhiên, các mối quan hệ xã hội, trong nghệ thuật. Từ đó hình thành năng lực cảm thụ, đánh giá, sáng tạo nghệ thuật.

15. CLM2001. Cơ sở văn hoá Việt Nam 3 tín chỉ

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Cơ sở văn hóa Việt Nam là môn học căn bản, thiết thực đối với sinh viên thuộc khối ngành khoa học xã hội và nhân văn, văn hóa - nghệ thuật. Môn học chiếm thời lượng 3 tín chỉ, là môn học mang tính bắt buộc của sinh viên trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương. Nội dung môn học bao gồm các kiến thức cơ bản về văn hóa như: Nắm vững khái niệm về văn hóa, về điều kiện hình thành và phát triển văn hóa Việt Nam; nắm bắt được những kiến thức cơ bản về cấu trúc của văn hóa Việt Nam (các thành tố tạo nên văn hóa Việt Nam), tiến trình văn hóa Việt Nam (tiếp cận văn hóa theo chiều “thời gian”) và các vùng văn hóa Việt Nam (tiếp cận văn hóa theo chiều “không gian”); tiếp cận văn hóa Việt Nam qua một số loại hình nghệ thuật: âm nhạc, hội họa, sân khấu, trang phục. Đây cũng là những lĩnh vực gắn liền với các chuyên ngành đào tạo tại trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương.

16. CLM2010. Đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng cộng sản Việt Nam (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đường lối, chủ trương văn hóa, văn nghệ của Đảng từ Đề cương văn hóa năm 1943 đến thực hiện Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Mục tiêu học phần khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng trong các lĩnh vực văn hóa, văn nghệ. Học phần giúp sinh viên hiểu rõ đường lối, chính sách của Đảng về văn hóa, văn nghệ trong thời kỳ đổi mới ở nước ta, bao gồm hệ thống kiến thức xác định rõ sự lãnh đạo của Đảng CSVN thông qua chủ trương, quan điểm, nhiệm vụ và các giải pháp cụ thể định hướng các hoạt động văn hóa, văn nghệ; khẳng định vai trò của văn hóa, văn nghệ gắn liền với sự phát triển kinh tế, xã hội, là cơ sở xây dựng các giá trị chuẩn mực về đạo đức, lối sống trong xã hội. Phần cuối học phần cung cấp cho sinh viên một số văn kiện của Đảng về văn hóa, văn nghệ để sinh viên đối chiếu, so sánh với thực tiễn các hoạt động văn hóa, nghệ thuật trong đời sống xã hội.

17. CFL2005. Tiếng Anh chuyên ngành (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: CFL2002. Tiếng Anh 2

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Tiếng Anh chuyên ngành Thanh nhạc là học phần giới thiệu cho sinh viên nắm được cách phát âm, nghĩa của các từ vựng theo 6 chủ điểm về Âm nhạc trong giáo trình học bao gồm Music history (lịch sử Âm nhạc); Role of music (Vai trò của Âm nhạc); Genres of music (Các thể loại Âm nhạc); Musical instrument reclassified (Tái phân loại nhạc cụ); Wolfgang Amadeus Mozart-life, works and music style (Tác phẩm và phong cách Âm nhạc của Mozart); The development of jazz (Sự phát triển của nhạc jazz). Qua 6 chủ đề trên sinh viên có thể học hỏi, vận dụng kiến thức để thuyết trình, giao tiếp và sử dụng thành thạo tiếng Anh chuyên ngành Âm nhạc vào các công việc trong tương lai.

18. PPE2030. Kỹ năng khởi nghiệp (3 tín chỉ)

+ **Học phần tiên quyết:** Không

+ **Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần được xây dựng từ bộ tài liệu “Kỹ năng toàn diện – Nền tảng cốt lõi để khởi nghiệp thành công” do Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt triển khai tại các cơ sở đào tạo.

Học phần bao gồm 07 nhóm kỹ năng cần thiết và quan trọng đối với người học, bao gồm:

- (1) Kỹ năng nhận thức bản thân;
- (2) Kỹ năng làm chủ cảm xúc;
- (3) Kỹ năng tương tác xã hội;
- (4) Kỹ năng làm việc;
- (5) Kỹ năng quản lý;
- (6) Kỹ năng lãnh đạo;
- (7) Kỹ năng khởi nghiệp thành công.

Mỗi nhóm kỹ năng này bao gồm các kỹ năng hoặc chủ đề nhỏ khác, được xây dựng theo nguyên tắc từ nội dung đơn giản đến nâng cao và chuyên sâu và mang tính thực tiễn (Tổng thể học phần bao gồm 7 nhóm kỹ năng lớn với 10 chủ đề nhỏ, tương đương với 10 buổi học/03 tín chỉ của học phần này)

II.2. Các học phần tự chọn (4/8)

19. MUS2003. Đại cương các loại hình nghệ thuật (2 tín chỉ)

+ **Học phần tiên quyết:** Không

+ **Tóm tắt nội dung học phần**

Môn học có nội dung là những kiến thức cơ bản nhất về các vấn đề nguồn gốc của nghệ thuật, vai trò và chức năng của nghệ thuật, hình tượng nghệ thuật. Đặc trưng hình

thức, ngôn ngữ của một số loại hình nghệ thuật tiêu biểu: Kiến trúc, Điêu khắc, Hội họa, Âm nhạc, Múa, Sân khấu, Điện Ảnh, Văn học.

20. PPE2003. Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo (2 tín chỉ)

+ *Học phần tiên quyết: Không*

+ *Tóm tắt nội dung học phần*

Môn học cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về: nhà nước, về hệ thống cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục; Quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về định hướng phát triển giáo dục và đào tạo. Ngoài ra, môn học còn cung cấp cho người học kiến thức pháp luật về công chức, viên chức, về công vụ và hoạt động nghề nghiệp, về giáo dục và Điều lệ Nhà trường... Từ đó giúp người học ý thức về trách nhiệm, vai trò của mình trong quá trình thực hành nghề nghiệp ở trường phổ thông.

Môn học chú trọng đến việc hình thành các kỹ năng nhận thức và vận dụng những kiến thức vào việc bồi dưỡng nhân cách người giáo viên; đồng thời góp phần hình thành các kỹ năng về quản lý học sinh, quản lý các hoạt động ngoại khóa góp phần quản lý trường học...

21. PPE2004. Tâm lý học nghệ thuật (2 tín chỉ)

+ *Học phần tiên quyết: Không*

+ *Tóm tắt nội dung học phần*

Học phần Tâm lý học Nghệ thuật cung cấp cho sinh viên góc nhìn của Tâm lý học về nghệ thuật, đồng thời giúp sinh viên tiếp cận được với các xu hướng Tâm lý học trong nghiên cứu nghệ thuật.

Học phần Tâm lý học Nghệ thuật giúp sinh viên hiểu được các quá trình tâm lý đặc trưng trong sáng tạo nghệ thuật; Phân biệt được xúc cảm và tình cảm trong hoạt động sáng tạo nghệ thuật

Học phần làm rõ các biểu hiện vô thức và đánh giá vai trò của vô thức trong hoạt động sáng tạo, Năng lực sáng tạo của người nghệ sỹ cũng như các biện pháp phát triển năng khiếu, năng lực sáng tạo nghệ thuật.

22. CFL2008. Tiếng Việt thực hành

2 tín chỉ

+ *Học phần tiên quyết: Không*

+ *Tóm tắt nội dung học phần*

Tiếng Việt thực hành dành cho sinh viên hệ cao đẳng, đại học sư phạm các ban không chuyên và hệ đại học ngoài sư phạm là học phần cung cấp cho người học kiến thức lý thuyết sơ giản về tiếng Việt (chính âm, chính tả; Các đơn vị ngôn ngữ: Từ, câu, đoạn văn, văn bản); Làm cho sinh viên nhận thức rõ những yêu cầu chung của việc sử dụng tiếng Việt. Qua học phần này, người học được rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng Việt. Các kỹ năng mà người học được rèn luyện thông qua bộ môn này là: Kỹ năng nói (Chuẩn chính âm), kỹ năng viết (Chuẩn chính tả); Kỹ năng dùng từ, đặt câu; Kỹ năng viết đoạn văn và kỹ năng tạo lập các loại văn bản hành chính thông thường. Từ chỗ biết sử dụng tiếng Việt như thế nào là đạt yêu cầu đến chỗ biết phát hiện lỗi sai, phân tích lỗi và sửa lỗi sẽ dần hình thành trong người học ý thức sử dụng tiếng Việt chuẩn. Việc rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng Việt cũng góp phần làm cho người học thêm yêu ngôn ngữ của dân tộc, có ý thức rèn luyện việc sử dụng ngôn ngữ, lời nói phục vụ cho việc học tập, giao tiếp, công tác trong hiện tại và tương lai.

III. Khối kiến thức cơ sở ngành (M3) (30 tín chỉ)

III.1 Các môn học bắt buộc (26 tín chỉ)

23. MUS2060. *Lịch sử âm nhạc thế giới 1 (2 tín chỉ)*

+ *Học phần tiên quyết: Không*

+ *Tóm tắt nội dung học phần*

Học phần LSAN thế giới 1 cung cấp các kiến thức cơ bản về sự phát triển lịch sử âm nhạc châu Âu các thời kỳ nguyên thủy; cổ đại; trung cổ; Phục hưng với các trung tâm Ý, Pháp; âm nhạc thế kỷ XVII và nửa đầu thế kỷ XVIII với các trung tâm: Ý, Pháp, Anh, Đức và âm nhạc thời kỳ cổ điển Viên nửa sau thế kỷ XVIII; âm nhạc thế kỷ XIX với những đặc trưng tiêu biểu của trường phái lãng mạn và các trường phái âm nhạc dân tộc. Trong đó là những thông tin về đặc điểm âm nhạc của từng giai đoạn thời kỳ, lịch sử phát triển các thể loại thanh nhạc, khí nhạc; giới thiệu các tác giả, tác phẩm tiêu biểu.

24. MUS2061. *Lịch sử âm nhạc thế giới 2 (2 tín chỉ)*

+ *Học phần tiên quyết: MUS2060. Lịch sử âm nhạc thế giới 1*

+ *Tóm tắt nội dung học phần*

Lịch sử âm nhạc thế giới 2 là học phần trang bị cho sinh viên kiến thức khái quát về lịch sử âm nhạc thế giới (phần phương Tây) thế kỷ XX với các trào lưu, phong cách chính, đặc điểm âm nhạc, một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu.

Giới thiệu sơ lược về lịch sử âm nhạc phương Đông với một số đại diện tiêu biểu như Trung Quốc, Ấn Độ... Từ đó, có những kiến thức tổng hợp về âm nhạc, đáp ứng nhu cầu đào tạo giáo viên âm nhạc.

25. MUS2056. *Âm nhạc Việt Nam (2 tín chỉ)*

+ *Học phần tiên quyết:* MUS2061. *Lịch sử âm nhạc thế giới 2*

+ *Tóm tắt nội dung học phần*

Môn học giới thiệu về nền âm nhạc Việt Nam với các đặc trưng cơ bản mang truyền thống Đông Nam Á kết hợp với các yếu tố du nhập từ phương Bắc và phương Tây; Các giai đoạn phát triển chính; Các đặc điểm và thành tựu trong mỗi thời kỳ, giai đoạn; sự ảnh hưởng của các đợt tiếp biến văn hóa đến các bộ phận cấu thành nền âm nhạc Việt Nam hiện nay.

Vai trò, ý nghĩa của âm nhạc gắn với con người Việt Nam trong cuộc sống lao động sản xuất, sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng đất nước và xây dựng cuộc sống mới.

26. MUS2008. *Lý thuyết âm nhạc 1 (3 tín chỉ)*

+ *Học phần tiên quyết:* Không

+ *Tóm tắt nội dung học phần*

Lý thuyết âm nhạc 1 trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về âm nhạc như: cao độ, trường độ, nhịp, quãng và hợp âm.

Học phần lý thuyết 1 được kết hợp chặt chẽ với với phần thực hành. Vì thế ngoài phần lý thuyết, sinh viên còn được rèn luyện kỹ năng làm các dạng bài tập như: bài tập về nhịp, quãng, hợp âm... điều đó giúp sinh viên nắm vững những kiến thức đã học đồng thời là cơ sở để áp dụng vào các học phần âm nhạc tiếp theo.

27. MUS2009. *Lý thuyết âm nhạc 2 (2 tín chỉ)*

+ *Học phần tiên quyết:* MUS2008. *Lý thuyết âm nhạc 1*

+ *Tóm tắt nội dung học phần*

Lý thuyết âm nhạc 2 tiếp tục cung cấp những kiến thức về điệu thức, giọng, quãng, hợp âm trong các giọng trưởng, giọng thứ và cách xác định giọng, dịch giọng bản nhạc.

Trong học phần này, sinh viên còn được tiếp cận với một số thang âm điệu thức âm nhạc dân gian như: thang âm điệu thức 5 âm Trung Quốc và thang âm điệu thức 5 âm

Việt Nam. Từ đó sinh viên có thể vận dụng vào việc xác định điệu thức trong các bài dân ca.

Ngoài ra, học phần còn giúp giảng viên và sinh viên tiếp tục tìm hiểu những kiến thức lý thuyết âm nhạc mới trong âm nhạc hiện đại.

28. MUS2024. *Phân tích tác phẩm 1 (2 tín chỉ)*

+ ***Môn học tiên quyết:*** MUS2062 *Hòa thanh 1*

+ ***Tóm tắt nội dung học phần***

Học phần Phân tích tác phẩm 1 cung cấp những kiến thức cơ bản ban đầu về hình thức và thể loại âm nhạc như: Khái niệm về hình thức, thể loại; phương tiện diễn tả của âm nhạc; các hình thức âm nhạc cơ bản. Thực hành phân tích các trích đoạn/tác phẩm ở hình thức từ 1 đến 3 đoạn đơn.

29. MUS2062. *Hòa thanh 1 (2 tín chỉ)*

+ ***Học phần tiên quyết:*** *Lý thuyết âm nhạc 2*

+ ***Tóm tắt nội dung học phần***

Học phần cung cấp các nguyên tắc về sắp xếp bè, nối tiếp của các hợp âm ba chính và hợp âm 7 át theo phong cách hòa thanh cổ điển châu Âu:

- Các hợp âm ba chính gốc
- Thể đảo của các hợp âm ba
- Hợp âm bảy át
- Một số dạng kết

30. MUS2017. *Ký xướng âm 1 (2 tín chỉ)*

+ ***Học phần tiên quyết:*** *Không*

+ ***Tóm tắt nội dung học phần***

Học phần này chủ yếu giải quyết kỹ năng đọc xướng âm giọng C-dur và a-moll ở các loại nhịp 2/4, 3/4, 4/4 và 3/8, 6/8, 9/8 với các dạng trường độ, tiết tấu cơ bản; ghi âm các bài tập có cao độ, trường độ, tiết tấu đơn giản ở C-dur và a-moll. Bên cạnh đó, học phần này còn chú trọng luyện kỹ năng đọc các quãng diatonic (từ quãng 2 đến quãng 5) theo giọng, kỹ năng đọc tiết tấu bằng phương pháp đếm số.

31. MUS2018. *Ký xướng âm 2 (2 tín chỉ)*

+ Học phần tiên quyết: MUS2017. *Ký xướng âm 1*

+ Tóm tắt nội dung học phần

Học phần này chủ yếu giải quyết kỹ năng đọc xướng âm và ghi âm các giọng G dur, e moll, F dur, d moll với các dạng tiết tấu cơ bản kết hợp với đảo phách, nghịch phách. Bên cạnh đó, học phần này vẫn tiếp tục luyện kỹ năng đọc các quãng diatonic, kỹ năng đọc kết hợp gõ tiết tấu.

32. MUS2019. *Ký xướng âm 3 (2 tín chỉ)*

+ Học phần tiên quyết: MUS2018. *Ký xướng âm 2*

+ Tóm tắt nội dung học phần

Học phần này chủ yếu giải quyết kỹ năng đọc xướng âm và ghi âm các giọng D-dur, Des-dur; h-moll, b-moll; B-dur, H-dur; g-moll, gis-moll ở các loại nhịp 2/4, 3/4, 4/4 và 3/8, 6/8, 9/8 với các dạng trường độ cơ bản. Phần xướng âm có kỹ năng đọc tách biệt, ghi âm có kỹ năng ghi nhanh trên 2 khoá.

33. MUS2020. *Ký xướng âm 4 (2 tín chỉ)*

+ Học phần tiên quyết: MUS2019. *Ký xướng âm 3*

+ Tóm tắt nội dung học phần

Học phần này chủ yếu giải quyết kỹ năng đọc xướng âm và ghi âm các giọng A-dur, As-dur, E-dur, Es-dur, f-moll, fis-moll, c-moll, cis-moll ở các loại nhịp 2/4, 3/4, 4/4 và 3/8, 6/8, 9/8 với các dạng trường độ cơ bản và giới thiệu bán âm. Xướng âm đọc các quãng 2T, 2t, 3T, 3t, 4Đ, 5Đ theo sơ đồ. Ghi âm 2 bè đơn giản.

34. MUS2002. *Giáo dục học: 3 tín chỉ*

+ Học phần tiên quyết: PPE2004. Tâm lý học nghệ thuật

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học cung cấp cho sinh viên những vấn đề chung, khái quát và cơ bản nhất về Giáo dục học: giáo dục là một hiện tượng xã hội đặc biệt, các khái niệm cơ bản của Giáo dục học, các phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục; chức năng xã hội và định hướng phát triển giáo dục thế kỷ XXI; giáo dục và sự phát triển cá nhân; mục đích, nguyên lý giáo dục và hệ thống giáo dục quốc dân của Việt Nam.

Cung cấp những kiến thức cơ bản về lý luận dạy học và giáo dục.

Cung cấp những kiến thức cơ bản về tổ chức hoạt động giáo dục và công tác giáo viên chủ nhiệm lớp trong nhà trường phổ thông.

Hình thành cho sinh viên những quan điểm, niềm tin, động cơ, thái độ, hành vi, thói quen phù hợp với chuẩn mực xã hội; thiết kế được kế hoạch dạy học/ giáo dục để đạt được những kết quả tối ưu trong những điều kiện xã hội nhất định.

III.2. Các môn học tự chọn (4/10)

35. MUS2012. *Sáng tác (2 tín chỉ)*

+ ***Môn học tiên quyết:*** MUS2024. ***Phân tích tác phẩm 1***

+ ***Tóm tắt nội dung học phần***

Giới thiệu về ngôn ngữ Sáng tác, Giới thiệu Mô-tip, hình tượng âm nhạc và ngôn ngữ kết hợp âm nhạc. Đặc điểm và tầm cỡ các loại giọng hát, xây dựng âm hình. hướng dẫn phổ nhạc cho thơ. Cấu trúc hình thức một, hai, ba đoạn đơn và ngôn ngữ âm nhạc thiếu nhi. Yếu tố hình thành ca khúc nghệ thuật và thực hành.

36. MUS2030. *Giới thiệu nhạc cụ (2 tín chỉ)*

+ ***Môn học tiên quyết:*** ***Không***

+ ***Tóm tắt nội dung học phần***

Môn học giới thiệu các nội dung về:

- Các bộ trong dàn nhạc giao hưởng.
- Các loại dàn nhạc giao hưởng.
- Các nhạc cụ dân tộc tiêu biểu.
- Một số hình thức dàn nhạc dân gian.
- Một số nhạc cụ điện tử thông dụng.

37. VMU2001. *Dân ca (2 tín chỉ)*

+ ***Môn học tiên quyết:*** ***Không***

+ ***Tóm tắt nội dung học phần***

Cung cấp cho sinh viên hiểu biết cơ bản về dân ca Việt Nam, biết thể hiện một số làn điệu dân ca tiêu biểu của các vùng-miền:

- Giới thiệu khái quát về kho tàng dân ca Việt Nam và các thể loại.

- Giới thiệu đặc trưng nghệ thuật và phong cách diễn xướng dân ca của các vùng – miền, dân ca của một số dân tộc.

- Dạy diễn xướng một số bài dân ca tiêu biểu của các vùng miền: Đồng bằng Bắc bộ, miền núi phía Bắc, Trung bộ, Nam bộ, Tây Nguyên.

38. MUS2084. Trải nghiệm các hoạt động âm nhạc (2 tín chỉ)

+ *Môn học tiên quyết:* MUS2031. *Phương pháp dạy học âm nhạc 2 (3 tín chỉ)*

+ *Tóm tắt nội dung học phần*

Học phần này giới thiệu và tạo điều kiện cho sinh viên thực hành các mô hình trải nghiệm âm nhạc ở trong và ngoài trường phổ thông... Hướng dẫn cách thức xây dựng kế hoạch, mô hình tổ chức và thực hành các hoạt động trải nghiệm âm nhạc.

39. MUS2074. Chuyển soạn cho Hợp xướng (2 tín chỉ)

+ *Học phần tiên quyết:* MUS2023. *Hoà thanh 2*

+ *Tóm tắt nội dung học phần*

- Những vấn đề chung về chuyển soạn cho hợp xướng
- Một số thủ pháp cơ bản của chuyển soạn cho hợp xướng.
- Chuyển soạn thích ứng: từ hợp xướng đồng giọng cho hợp xướng hỗn hợp và ngược lại.
- Chuyển soạn tái tạo/sáng tạo ca khúc có phần đệm piano cho hợp xướng.

IV. Khối kiến thức chuyên ngành. 36 tín chỉ

IV.1. Các môn học bắt buộc (31)

40. VMU2031. Thanh nhạc 1.1. (2 tín chỉ)

+ *Học phần tiên quyết:* *Không*

+ *Tóm tắt nội dung học phần:*

- Những đặc điểm cơ bản của Thanh nhạc
 - + Giới thiệu và tìm hiểu cơ quan phát âm.
 - + Tư thế trong ca hát
 - + Khẩu hình và cách mở khẩu hình
 - + Hơi thở trong ca hát
 - + Giới thiệu và tìm hiểu các xoang cộng minh
 - + Vị trí âm thanh
 - + Giới thiệu về ca khúc và các thể loại thanh nhạc

+ Hướng dẫn cho sinh viên học những bài luyện thanh (Vocalise) và các bài hát ở các mức độ dễ, khó được xác định theo âm vực tiết tấu, cấu trúc giọng điệu và sắc thái tình cảm nghệ thuật, đạt được sự chính xác giai điệu, tiết tấu với âm thanh vang, sáng, tròn.

+ Hướng dẫn cho sinh viên tập hát chuyển giọng, thống nhất vị trí âm thanh, âm sắc với các kỹ thuật hát nảy tiếng, liền tiếng.

41. VMU2032. *Thanh nhạc 1.2. (2 tín chỉ)*

+ ***Học phần tiên quyết:*** VMU2031. ***Thanh nhạc 1.1.***

+ ***Tóm tắt nội dung học phần:***

- Phân loại giọng hát. Giới thiệu và xây dựng các kỹ thuật Thanh nhạc cơ bản.

+ Ý nghĩa quan trọng của việc xác định và phân loại giọng hát.

+ Kỹ thuật hát Non Legato

+ Kỹ thuật hát liền giọng (Cantilena)

+ Kỹ thuật hát âm nảy (Staccato)

+ Kỹ thuật hát lướt nhanh (Passage)

- Vận dụng những kiến thức trên vào bài luyện thanh và bài hát.

+ Hướng dẫn cho sinh viên học những bài luyện thanh (Vocalise) và các bài hát ở các mức độ dễ, khó được xác định theo âm vực tiết tấu, cấu trúc giọng điệu và sắc thái tình cảm nghệ thuật, đạt được sự chính xác giai điệu, tiết tấu với âm thanh vang, sáng, tròn.

+ Hướng dẫn cho sinh viên tập hát chuyển giọng, thống nhất vị trí âm thanh, âm sắc với các kỹ thuật hát nảy tiếng, liền tiếng.

42. VMU2033. *Thanh nhạc 2.1. (2 tín chỉ)*

+ ***Học phần tiên quyết:*** VMU2032. ***Thanh nhạc 1.2.***

+ ***Tóm tắt nội dung học phần:***

- Giới thiệu âm khu của giọng hát

+ Giới thiệu âm khu của giọng hát. Giới thiệu các âm khu các hiệu âm khu các giọng nam: âm thanh mở và âm thanh đóng.

+ Giới thiệu âm khu giọng giả: âm khu các giọng nữ.

+ Phát triển kỹ thuật hơi thở trong ca hát.

+ Sự kết hợp giữa hơi thở và khẩu hình.

- Vận dụng những kiến thức trên vào bài luyện thanh và bài hát.
 - + Luyện tập phương pháp hát chuyển giọng nằm ở âm khu.
 - + Luyện tập phương pháp hát chuyển giọng của nữ giữa âm khu ngực và âm khu hỗn hợp.
 - + Luyện tập phương pháp hát với âm thanh mở. Luyện tập phương pháp hát với âm thanh đóng.
 - + Luyện tập phương pháp hát giọng giả ở nam từ giọng ngực và giọng hỗn hợp.
 - + Luyện tập hơi thở trong ca hát.
 - + Vận dụng những kiến thức trên vào bài luyện thanh và bài hát.

43. VMU2034. Thanh nhạc 2.2: (2 tín chỉ)

+ **Học phần tiên quyết:** Thanh nhạc 2.1.

+ **Tóm tắt nội dung học phần:**

- Những nguyên tắc của sư phạm Thanh nhạc. Áp dụng và luyện tập những kỹ thuật đã học vào các tác phẩm
 - Nguyên tắc thống nhất sự phát triển kỹ thuật và phát triển nghệ thuật
 - Nguyên tắc dần dần và liên tục nắm vững kỹ thuật hát
 - Giới thiệu các tác phẩm Romanse, Aria, ca khúc
 - Hướng dẫn lựa chọn tác phẩm
- Vận dụng những kiến thức trên vào bài luyện thanh và bài hát.
 - + Luyện tập phương pháp hát chuyển giọng nằm ở âm khu.
 - + Luyện tập phương pháp hát chuyển giọng của nữ giữa âm khu ngực và âm khu hỗn hợp.
 - + Luyện tập phương pháp hát với âm thanh mở. Luyện tập phương pháp hát với âm thanh đóng.
 - + Luyện tập phương pháp hát giọng giả ở nam từ giọng ngực và giọng hỗn hợp.
 - + Luyện tập hơi thở trong ca hát.
 - + Vận dụng những kiến thức trên vào bài luyện thanh và bài hát.

44. VMU2035. Thanh nhạc 3.1. (2 tín chỉ)

+ **Học phần tiên quyết:** VMU2033. Thanh nhạc 2.2

+ **Tóm tắt nội dung học phần:**

Giải quyết những vấn đề tồn tại của kỹ thuật cơ bản. Những bài luyện tập phát triển kỹ thuật âm thanh và hơi thở. Vận dụng phương pháp Thanh nhạc vào các tác phẩm Việt Nam

- + Những vấn đề về hơi thở
- + Vấn đề về khẩu hình
- + Vấn đề về vị trí âm thanh
- + Vận dụng phương pháp Thanh nhạc vào ngôn ngữ Tiếng Việt
- + Những bài luyện tập phát triển kỹ thuật cộng minh
- + Bài tập phát triển kỹ thuật, kỹ xảo hát linh hoạt (agillita)nốt láy: láy đơn giản, láy nhanh, láy chum, rung láy, phát triển kỹ thuật ngân dài, hát nảy giọng (Staccato)
- Vận dụng những kiến thức trên vào bài luyện thanh và bài hát.
 - + Hướng dẫn luyện tập phát âm trong Tiếng Việt
 - + Vận dụng kỹ thuật Thanh nhạc vào tác phẩm Việt Nam

45. VMU2036. Thanh nhạc 3.2 (2 tín chỉ)

+ *Học phần tiên quyết:* VMU2035. **Thanh nhạc 3.1**

+ *Tóm tắt nội dung học phần:*

Vận dụng linh hoạt kỹ thuật Thanh nhạc vào trường phái Thanh nhạc

- + Trường phái Thanh nhạc Ý
- + Trường phái Thanh nhạc Pháp
- + Trường phái Thanh nhạc Đức
- + Trường phái Thanh nhạc Nga
- Vận dụng những kiến thức trên vào bài luyện thanh và bài hát.
 - + Vận dụng linh hoạt kỹ thuật Thanh nhạc vào tác phẩm nước ngoài
 - + Rèn luyện kỹ năng biểu diễn phù hợp với từng tác phẩm

46. VMU2037. Thanh nhạc 4.1 (2 tín chỉ)

+ *Học phần tiên quyết:* **Thanh nhạc 3.2**

+ *Tóm tắt nội dung học phần:*

- Hoàn thiện các tác phẩm Thanh nhạc, thực hành luyện tập phong cách biểu diễn trên sân khấu. Hướng dẫn phương pháp giảng dạy Thanh nhạc

- + Hoàn thành kỹ thuật về hơi thở và vị trí âm thanh ổn định, kỹ thuật hát nói (Recitative).

- + Xử lý các sắc thái khi hát: p, pp, mf, f, ff, cress, < ,...
- + Những vấn đề về phương pháp luyện tập phong cách biểu diễn trên sân khấu.
- + Những vấn đề về phương pháp giảng dạy Thanh nhạc.
- + Phương pháp làm việc nhóm, xây dựng và triển khai kế hoạch làm việc của nhóm, chấp nhận sự khác biệt vì mục tiêu chung. Thay đổi nhóm để thích ứng với hoàn cảnh.
- + Vận dụng và tổng hợp kiến thức chuyên ngành đã học vào việc nghiên cứu, phát triển chuyên môn, biểu diễn và giảng dạy thanh nhạc.
- + Rèn luyện nâng cao, hoàn thiện kỹ thuật Thanh nhạc vào tác phẩm Aria. Romance.
- + Các bài tập thực hành luyện tập biểu diễn trên sân khấu kết hợp với âm thanh ánh sáng.

47. VMU2038. Thanh nhạc 4.2. (2 tín chỉ)

+ **Học phần tiên quyết:** VMU2037. **Thanh nhạc 4.1**

+ **Tóm tắt nội dung học phần:**

Khẳng định phong cách sở trường của sinh viên - chọn bài thi tốt nghiệp

- Những vấn đề về phong cách sở trường sinh viên. Định hướng phát triển sở trường phù hợp với phong cách của sinh viên.
- Lựa chọn bài thi tốt nghiệp phù hợp với yêu cầu môn học và phát huy được tối đa sở trường của sinh viên

48. PIA2030. Piano 1. (2 tín chỉ)

+ **Học phần tiên quyết:** **Không**

+ **Tóm tắt nội dung học phần:**

Trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan về cây đàn Piano. Hướng dẫn các kỹ năng và kỹ thuật diễn tấu cơ bản (nonlegarto, legarto, staccato, chập hợp âm, rải ngắn, rải dài). Sử dụng Pedal để tạo hiệu quả cho tiếng đàn. Vận dụng các kiến thức đã học vào trình bày các bài tiểu phẩm/tác phẩm tự do và các mẫu luyện thanh.

- + Luyện tập các bài tập kỹ thuật (Etude)
- + Luyện tập đệm hát trên đàn piano.

Thực hành piano cơ bản

- + Các kỹ thuật cơ bản: Nonlegarto, legarto, staccato
- + Giới thiệu và thực hành về hệ thống Gam
- + Thực hành các bài luyện thanh

49. PIA2031. *Piano 2. (2 tín chỉ)*

+ **Học phần tiên quyết:** PIA2030. *Piano 1*

+ **Tóm tắt nội dung học phần:**

Luyện tập bài tiểu phẩm/tác phẩm tự do

- + Phân tích cấu trúc bài tiểu phẩm/tác phẩm tự do
- + Thực hành các mẫu tiết tấu và cách sắp xếp ngón trong bài
- + Thực hành tổng thể bài tiểu phẩm/tác phẩm

Trang bị cho sinh viên những kiến thức nâng cao về các kỹ thuật diễn tấu Piano. Hướng dẫn các kỹ năng và kỹ thuật diễn tấu cơ bản nonlegato, legato, staccato, xử lý về sắc thái và sử dụng Pedal vào trình bày các bài tiểu phẩm/tác phẩm tự do và biết cách đệm bài Concone, vaccaj và đệm hát ca khúc cơ bản.

Luyện tập bài tiểu phẩm/tác phẩm tự do

- + Phân tích cấu trúc bài tiểu phẩm/tác phẩm tự do
- + Thực hành các mẫu tiết tấu và cách sắp xếp ngón trong bài
- + Thực hành tổng thể bài tiểu phẩm/tác phẩm

50. PIA2032. *Piano 3. (2 tín chỉ)*

+ **Học phần tiên quyết:** PIA2031. *Piano 2*

+ **Tóm tắt nội dung học phần:**

Đệm hát bài Concone hoặc Vaccaj

- + Phân tích cấu trúc bài đệm đã được soạn sẵn phần đệm
- + Thực hành đúng phần đệm, đúng kỹ thuật, tiết tấu
- + Thực hành bài đệm kết hợp với người hát

Đệm bài hát ca khúc Việt Nam

- + Phân tích bài hát, viết hợp âm cho bài hát
- + Xây dựng âm hình đệm cho bài hát và viết câu nhạc dạo
- + Thực hành đúng phần đệm đã soạn kết hợp với người hát
- + Nắm được các kỹ thuật cơ bản, hoàn thành một số tác phẩm trong chương trình.
- + Tiếp tục luyện tập đệm hát cho ca khúc nước ngoài có phần đệm piano.
- + Luyện tập và đặt được hòa thanh cho các ca khúc không có phần đệm piano.

51. MUS2080. *Hợp xướng 1 (2 tín chỉ)*

+ **Môn học tiên quyết:** MUS2017. *Ký xướng âm 1*

+ Tóm tắt nội dung học phần

Học phần này chủ yếu giới thiệu sơ lược lịch sử phát triển nghệ thuật hát hợp xướng trên thế giới từ thời kỳ Baroque tới cận đại. Các hình thức hợp xướng, cách sắp xếp bè cho các loại hợp xướng. Kỹ thuật cơ bản của hát hợp xướng hai bè, ba bè cho thiếu nhi, người lớn có tính chất âm nhạc khác nhau. Phân tích tác phẩm hợp xướng và bố cục dàn dựng, cách cân đối tỷ lệ các loại giọng. Một số kỹ thuật hát hợp xướng theo phong cách đương đại thông qua học hát các tác phẩm hợp xướng 2 bè và 3 bè.

52. MUS2081. Hợp xướng 2 (2 tín chỉ)

+ Môn học tiên quyết: MUS2080. *Hợp xướng 1*

+ Tóm tắt nội dung học phần

Học phần này giới thiệu sơ lược lịch sử phát triển nghệ thuật hát hợp xướng trên thế giới và VN đến nay. Các hình thức hợp xướng, cách sắp xếp bè cho các loại hợp xướng. Kỹ thuật cơ bản của hát hợp xướng hai bè, ba bè và bốn bè cho thiếu nhi, người lớn có tính chất âm nhạc khác nhau. Phân tích tác phẩm hợp xướng và bố cục dàn dựng, cách cân đối tỷ lệ các loại giọng. Một số kỹ thuật hát hợp xướng theo phong cách đương đại thông qua học hát các tác phẩm hợp xướng 4 bè nước ngoài và Việt Nam.

53. VMU2030. Phát âm tiếng Ý (2 tín chỉ)

+ Môn học tiên quyết: *Không*

+ Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung lý thuyết.

1.1. Phương pháp phát âm bảng chữ cái và nhớ được quy định khi phát âm của nguyên âm và phụ âm.

1.2. Phát âm đặc biệt của tiếng Ý (ch-, gh-, sc-, gl-, gn-) (Nếu có chữ “h” ở đầu chữ thì không đọc)

Nội dung hướng dẫn thực hành

1.1. Luyện tập thực hành phát âm bảng chữ cái tiếng Ý.

1.2. Luyện tập thực hành phát âm phần nguyên âm, phụ âm.

1.3. Luyện tập thực hành phát âm đặc biệt của tiếng Ý.

1.2. Áp dụng vào đọc một số bài hát tiếng Ý đã được học

54. VMU2022. Lịch sử và phương pháp sư phạm thanh nhạc (3 tín chỉ)

+ Môn học tiên quyết: *Không*

+ Tóm tắt nội dung học phần

- Trang bị cho sinh viên những lý luận cơ bản về lịch sử nghệ thuật thanh nhạc từ thời trung cổ đến thế kỷ XX.

- Trang bị cho sinh viên những lý luận cơ bản về phương pháp luận, phương pháp tiếp cận, nghiên cứu về lịch sử nghệ thuật thanh nhạc một cách tổng quát, hiểu biết về lịch sử hình thành, nội dung, hình thức và vai trò xã hội của lịch sử nghệ thuật thanh nhạc.

- Nắm vững được những kiến thức cơ bản và tổng quát về lịch sử nghệ thuật thanh nhạc qua các thời kỳ.

- Trang bị cho sinh viên nắm được cơ sở lý luận về phương pháp sư phạm thanh nhạc.

- Cấu tạo của cơ quan phát âm, xác định vị trí âm thanh, phân loại giọng hát, lựa chọn bài hát và giảng dạy theo giáo trình cho sinh viên.

- Hướng dẫn cho sinh viên luyện giọng, luyện thanh bằng những bài tập các mẫu âm theo hệ thống: Từ dễ tới khó, từ ngắn tới dài.

- Hướng dẫn cho sinh viên học các bài luyện thanh (vocalize) với những yêu cầu phát triển giọng và phát triển kỹ thuật hát một cách có hệ thống.

- Hướng dẫn cho sinh viên một cách có hệ thống chương trình các tác phẩm thanh nhạc gồm: Các ca khúc, romance, tổ khúc, aria, dân ca, các tác phẩm của các tác giả tiền cổ điển, cổ điển, đương đại của nhiều trường phái, phong cách khác nhau, phù hợp với đặc điểm, khả năng của từng sinh viên.

- Nhằm mục tiêu cuối cùng là hình thành phong cách của ca sĩ, đáp ứng với yêu cầu của các loại hình âm nhạc.

IV.2. Các môn tự chọn (5/13)

55. VMU2010. Kỹ thuật diễn viên. (2 tín chỉ)

+ Môn học tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần

- Phương pháp biểu hiện
- Quy tắc thực hành của sân khấu
- Kỹ thuật diễn xuất nội tâm và hình thể
- Giải phóng cơ thể khi hát

56. VMU2025. Thực hành biểu diễn (3 tín chỉ)

+ Môn học tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần

- Thực hành kỹ thuật biểu diễn với hình thức hát đơn ca (hát cá nhân)
- Thực hành kỹ thuật biểu diễn rèn luyện kỹ năng hát nhóm
- Thực hành kỹ thuật biểu diễn với hình thức tổng hợp

57. IMU 2006. Đệm đàn 1 (2 tín chỉ)

+ Môn học tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần

Môn học trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng đệm hát cơ bản

- Biết được cách chọn tiết tấu phù hợp cho ca khúc.
- Biết được cách chọn hợp âm phù hợp cho ca khúc.
- Có khả năng tự soạn phần đệm hát cho ca khúc.

Môn học giúp sinh viên nâng cao khả năng sử dụng đàn để đệm ca khúc:

- Biết được cách soạn dạo đầu, dạo giữa và kết
- Có khả năng tự ngẫu hứng và phong phú phần đệm hát

58. IMU 2007. Đệm đàn 2. (2 tín chỉ)

+ Môn học tiên quyết: IMU 2006. Đệm đàn 1

+ Tóm tắt nội dung học phần

Môn học cung cấp và trau dồi cho SV kỹ năng đệm hát, soạn đệm từ đơn giản đến phức tạp. phù hợp với khả năng của từng sinh viên

- Giúp sinh viên biết cách soạn đệm đúng cơ bản, chọn tiết tấu, chọn hợp âm cho phù hợp với từng phong cách và tính chất của ca khúc. Biết cách soạn dạo đầu, dạo giữa và kết. Có khả năng ngẫu hứng theo vòng hoà âm cho trước để phù hợp với ca khúc. Biết ứng dụng và sử dụng các tính năng của guitar pro và band in a box) để hoàn thiện phần soạn đệm

- Hướng dẫn luyện tập và kiểm tra đánh giá phần thực hành đệm hát của sinh viên, đảm bảo sinh viên biết cách đệm hát các ca khúc phổ thông ở các thể loại và phong cách khác nhau.

59. MUS2075. Chỉ huy hợp xướng (2 tín chỉ)

+ Môn học tiên quyết: MUS2081, Hợp xướng 2 (2 tín chỉ)

+ Tóm tắt nội dung học phần

Sơ lược về Chỉ huy hợp xướng, kỹ thuật chỉ huy (vị trí và tư thế của người chỉ huy, chức năng hoạt động của hai tay, động tác cổ tay, ngón tay, cánh tay; sơ đồ các loại nhịp, lấy đà, cắt hết, xử lý sắc thái, xử lý tốc độ, tiết tấu phức tạp...). Thị tấu tổng phổ hợp xướng trên đàn piano hoặc đàn phím điện tử từ đơn giản đến phức tạp. Yêu cầu xướng âm chuẩn xác bè (chiều ngang) và hợp âm (chiều dọc) trong bài hợp xướng. Thực hành vận dụng chỉ huy các bài piano và hợp xướng các loại nhịp cơ bản.

60. VMU2013. Chuyên đề

V. Khối kiến thức thực tập (M5)

61. VMU2039. Thực tập nghề nghiệp 1: (3 tín chỉ)

+ Môn học tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần

Chương trình báo cáo thực tập nghề nghiệp gồm:

- + Hình thức hát đơn ca
- + Hình thức hát song ca, tam ca, tốp ca
- + Hình thức hát Hợp xướng
- + Viết bài thu hoạch tổng kết thực tập nghề nghiệp.

62.. VMU2040. Thực tập nghề nghiệp 2: (4 tín chỉ)

+ Môn học tiên quyết: VMU2040. Thực tập nghề nghiệp 1

+ Tóm tắt nội dung học phần

Thực hành biểu diễn, kỹ năng làm việc theo nhóm

- + Lên kế hoạch làm việc cá nhân, kỹ năng phối hợp làm việc với nhóm nhạc, band nhạc
- + Nắm được phương thức xây dựng một chương trình biểu diễn, các khâu tổ chức biểu diễn một chương trình nghệ thuật.
- + Thực hiện và hoàn thành đầy đủ thu hoạch của thực tập chuyên môn, các bài tập trong quá trình thực tế của biểu diễn.
- + Tập trung nghiên cứu nâng cao chuyên môn trong biểu diễn.

VI. Khối kiến thức cuối khóa: (14 tín chỉ)

63. VMU2016. Chương trình biểu diễn nghệ thuật

+ ***Môn học tiên quyết:*** Các học phần theo quy định

+ ***Tóm tắt nội dung học phần***

Chương trình biểu diễn tốt nghiệp 8 tác phẩm theo quy định

4. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Tiến trình đào tạo theo học kỳ							
				1	2	3	4	5	6	7	8
I	M1	Khối kiến thức chung	27								
1	POL2009	Triết học Mác- Lênin	3	*							
2	POL2010	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2		*						
3	POL2011	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2			*					
4	POL2003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2				*				
5	POL2012	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2					*			
6	INF2001	Tin học cơ bản	2						*		
7	CFL2001	Tiếng Anh 1	4	*							
8	CFL2002	Tiếng Anh 2	3		*						
9	PPE2010	Giáo dục thể chất 1	2	*							
10	PPE2011	Giáo dục thể chất 2	3		*						
11	POL2007	Pháp luật đại cương	2						*		
12	GDQP	Giáo dục quốc phòng									
II	M2	Khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành	18								
II.1		<i>Các môn học bắt buộc</i>	14								
13	PPE2008	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2					*			

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Tiến trình đào tạo theo học kỳ							
				1	2	3	4	5	6	7	8
14	MUS2002	Mỹ học	2	*							
15	CLM2001	Cơ sở văn hoá Việt Nam Fundamentals of Vietnamese Culture	3				*				
16	CLM2010	Đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng cộng sản VN	2				*				
17	CFL2005	Tiếng Anh chuyên ngành	2						*		
18	PPE2030	Kỹ năng khởi nghiệp	3		*						
II.2		Các học phần tự chọn	4/8								
19	MUS2003	Đại cương các loại hình nghệ thuật	2							*	
20	PPE2003	QLHC Nhà nước và Quản lý ngành GD&ĐT	2								
21	PPE2004	Tâm lý học nghệ thuật	2								
22	CFL2008	Tiếng Việt thực hành Vietnamese Praticce	2					*			
III	M3	Khối kiến thức cơ sở ngành Fundemental subjects	30								
III.1		<i>Các môn học bắt buộc</i> <i>Compulsory subjects</i>	26								

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Tiến trình đào tạo theo học kỳ							
				1	2	3	4	5	6	7	8
23	MUS2060	Lịch sử âm nhạc thế giới 1 History of the world music 1	2			*					
24	MUS2061	Lịch sử âm nhạc thế giới 2 History of the world music 2	2				*				
25	MUS2056	Âm nhạc Việt Nam	2					*			
26	MUS2008	Lý thuyết âm nhạc 1 Music theory 1	3	*							
27	MUS2009	Lý thuyết âm nhạc 2 Music theory 2	2		*						
28	MUS2024	Phân tích tác phẩm 1 Music work analysis 1	2				*				
29	MUS2062	Hòa thanh 1 Harmony	2			*					
30	MUS2017	Ký xướng âm 1 Tonic Sol-fa notation 1	2	*							
31	MUS2018	Ký xướng âm 2 Tonic Sol-fa notation 2	2		*						
32	MUS2019	Ký xướng âm 3 Tonic Sol-fa notation 3	2			*					

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Tiến trình đào tạo theo học kỳ							
				1	2	3	4	5	6	7	8
33	MUS2020	Ký xướng âm 4 Tonic Sol-fa notation 4	2				*				
34	PPE2002	Giáo dục học Pedagogy	3				*				
III.2		<i>Các môn học tự chọn</i> <i>Optional subjects</i>	4/10								
35	MUS2012	Sáng tác Composition	2							*	
36	MUS2030	Giới thiệu nhạc cụ Introduction to Musical Instruments	2	*							
37	VMU2001	Dân ca Singing folk songs	2			*					
38	MUS2084	Trải nghiệm các hoạt động âm nhạc Activities outside the classroom	2								
39	MUS2074	Chuyển soạn cho Hợp xướng Choir Arrangements	2								
	M4	Khối kiến thức chuyên ngành Speciality subjects	34								

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Tiến trình đào tạo theo học kỳ							
				1	2	3	4	5	6	7	8
		<i>Các môn học bắt buộc</i> <i>Compulsory subjects</i>	32								
40	VMU2031	Thanh nhạc 1.1 Vocal music 1.1	2	*							
41	VMU2032	Thanh nhạc 1.2 Vocal music 1.2	2		*						
42	VMU2033	Thanh nhạc 2.1 Vocal music 2.1	2			*					
43	VMU2034	Thanh nhạc 2.2 Vocal music 2.2	2				*				
44	VMU2035	Thanh nhạc 3.1 Vocal music 3.1	2					*			
45	VMU2036	Thanh nhạc 3.2 Vocal music 3.2	2						*		
46	VMU2037	Thanh nhạc 4.1 Vocal music 4.1	2							*	

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Tiến trình đào tạo theo học kỳ							
				1	2	3	4	5	6	7	8
47	VMU2038	Thanh nhạc 4.2 Vocal music 4.2	2								*
48	PIA2030	Piano 1	2	*							
49	PIA2031	Piano 2	2		*						
50	PIA2032	Piano 3	2			*					
51	MUS2080	Hợp xướng 1	2		*						
52	MUS2081	Hợp xướng 2	2			*					
53	VMU2030	Phát âm tiếng Ý	2		*						
54	VMU2022	Lịch sử và phương pháp sư phạm thanh nhạc	3						*		
IV.2		Các môn tự chọn	5/13								
55	VMU2010	Kỹ thuật diễn viên Techniques of performer	2								
56	VMU2025	Thực hành biểu diễn Performance practice	3					*			
57	IMU 2006	Đệm đàn 1 Accompanying instrument 1	2								

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Tiến trình đào tạo theo học kỳ							
				1	2	3	4	5	6	7	8
58	IMU 2007	Đệm đàn 2 Accompanying instrument 2	2								
59	MUS2075	Chỉ huy hợp xướng Choral conducting	2					*	*		
60	VMU2013	Chuyên đề Other themes	2								
	M5	Khối kiến thức thực tập	7								
61	VMU2039	Thực tập nghề nghiệp 1 Carreer Practice 1	3						*		
62	VMU2040	Thực tập nghề nghiệp 2 Carreer Practice 2	4							*	
	M6	Khối kiến thức cuối khóa	14								
63	VMU2016	Chương trình biểu diễn nghệ thuật	14								*

5. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế tham khảo

Khung chương trình hiện hành chuyên ngành Thanh nhạc – Khoa Âm nhạc. Trường Đại học Thể thao và Du lịch Tỉnh Thanh Hoá

Khối kiến thức	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Kỳ thứ	Tổng số tiết	Điều kiện tiên quyết	Bắt buộc	Tự chọn
Kiến thức giáo dục đại cương Kiến thức cơ sở ngành	ĐC001	Triết học Mác – Lênin Philosophy of Marxism and Leninsm	3	1		Không		
	ĐC002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin Political economics of Marxism and Leninsm	2	2		ĐC001		
	ĐC003	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific socialism	2	3		ĐC001 ĐC002		
	ĐC004	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh's thought	2	4		ĐC001 ĐC002 ĐC003		

	ĐC005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam History of Vietnam Communist party	2	5		ĐC001 ĐC002 ĐC003 ĐC004		
	ĐC006	Cơ sở văn hóa Việt Nam Introduction to Vietnamese culture	3	4		Không		
	ĐC009	Tâm lý học đại cương General psychology	3	2		Không		
	ĐC010	Nghệ thuật học đại cương General art	2	5		Không		
	ĐC012	Tin học đại cương Informatics	3	1		Không		
	NN001	Ngoại ngữ 1 Foreign language 1 (English 1)	4	1		Không		
	NN002	Ngoại ngữ 2 Foreign language 2 (English 2)	3	2		NN001		
	PPE2010	Giáo dục thể chất 1	2	1	50	Không		

	PPE2011	Giáo dục thể chất 1	3	2	75	PPE2010		
	GDQP	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	165t	2		Không		
Khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành Kiến thức ngành	LA003	Âm nhạc truyền thống Việt Nam Vietnam traditional music	2	5		LA002		
	LA004	Phân tích tác phẩm âm nhạc Analysis of musical works	3	6		LA005 LA006		
	LA005	Lý thuyết âm nhạc 1 Music theory 1	2	1		Không		
	LA006	Lý thuyết âm nhạc 2 Music theory 2	3	2		LA005		
	LA007	Hoà âm 1 Harmony 1	2	5		LA005		
	LA008	Hoà âm 2 Harmony 2	2	6		LA007		

	LA009	Nhạc khí phổ thông Popular musical instrument	2	3		Không		
	LA010	Ký xướng âm 1 Musical notation and vocal 1	2	1		LA005		
	LA011	Ký xướng âm 2 Musical notation and vocal 2	2	2		LA010		
	LA012	Ký xướng âm 3 Musical notation and vocal 3	2	3		LA011		
	LA013	Ký xướng âm 4 Musical notation and vocal 4	2	4		LA012		
	LA014	Ký xướng âm 5 Musical notation and vocal 5	2	5		LA013		
	LA015	Ký xướng âm 6 Musical notation and vocal 6	2	6		LA014		

	LA016	Tin học chuyên ngành Specialized informatics	2	7		ĐC 014 LA005 LA006		
	TN009	Hợp xướng 1 Choir 1	2	6		Không		
Kiến thức cơ sở ngành Kiến thức chuyên ngành	TN010	Hợp xướng 2 Choir 2	2	7		TN010		
	TN011	Múa - Khiêu vũ Dance	4	6		Không		
	TN012	Kỹ thuật diễn viên Acting technique	3	7		Không		
	NC001	Piano 1	2	2		Không		
	NC002	Piano 2	2	4		NC002		
	TN001	Thanh nhạc 1 Vocal music 1	2	1		Không		
	TN002	Thanh nhạc 2 Vocal music 2	2	2		TN002		
	TN003	Thanh nhạc 3 Vocal music 3	2	3		TN003		
	TN004	Thanh nhạc 4	2	4		TN004		

		Vocal music 4						
	TN005	Thanh nhạc 5 Vocal music 5	2	5		TN005		
	TN006	Thanh nhạc 6 Vocal music 6	2	6		TN006		
	TN007	Thanh nhạc 7 Vocal music 7	2	7		TN007		
	TN008	Thanh nhạc 8 Vocal music 8	2	8		TN008		
	TN013	Phương pháp sư phạm Thanh nhạc Educational methods of vocal music	2	7		Không		
Thực tập và báo cáo tốt nghệ	TN014	Thực hành nghề nghiệp thường xuyên trong trường Regular internship	6	2		TN004		
	TN015	Thực tập nghề nghiệp ngoài trường Final internship	4	8		TN005		

	TN016	Chương trình biểu diễn cuối khoá Final performance program	8	8		TN008		
Khối kiến thức	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Kỳ thứ	Tổng số tiết	Điều kiện tiên quyết	Bắt buộc	Tự chọn
Kiến thức giáo dục đại cương	ĐC001	Triết học Mác – Lênin Philosophy of Marxism and Leninsm	3	1		Không		
	ĐC002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin Political economics of Marxism and Leninsm	2	2		ĐC001		
	ĐC003	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific socialism	2	3		ĐC001 ĐC002		
	ĐC004	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh's thought	2	4		ĐC001 ĐC002 ĐC003		

Kiến thức chuyên ngành	ĐC005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam History of Vietnam Communist party	2	5		ĐC001 ĐC002 ĐC003 ĐC004		
	ĐC006	Cơ sở văn hóa Việt Nam Introduction to Vietnamese culture	3	4		Không		
	ĐC009	Tâm lý học đại cương General psychology	3	2		Không		
	ĐC010	Nghệ thuật học đại cương General art	2	5		Không		
	ĐC012	Tin học đại cương Informatics	3	1		Không		
	NN001	Ngoại ngữ 1 Foreign language 1 (English 1)	4	1		Không		
	NN002	Ngoại ngữ 2 Foreign language 2 (English 2)	3	2		NN001		
	PPE2010	Giáo dục thể chất 1	2	1	50	Không		

	PPE2011	Giáo dục thể chất 1	3	2	75	PPE2010		
	GDQP	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	165t	2		Không		
Kiến thức cơ sở ngành	LA001	Lịch sử âm nhạc phương Tây Occidental music history	3	3		Không		
	LA002	Lịch sử âm nhạc phương Đông Oriental music history	2	4		LA001		
	LA003	Âm nhạc truyền thống Việt Nam Vietnam traditional music	2	5		LA002		
	LA004	Phân tích tác phẩm âm nhạc Analysis of musical works	3	6		LA005 LA006		
	LA005	Lý thuyết âm nhạc 1 Music theory 1	2	1		Không		
	LA006	Lý thuyết âm nhạc 2 Music theory 2	3	2		LA005		

Khối kiến thức Thực tập	LA007	Hoà âm 1 Harmony 1	2	5		LA005		
	LA008	Hoà âm 2 Harmony 2	2	6		LA007		
Khối kiến thức	LA009	Nhạc khí phổ thông Popular musical instrument	2	3		Không		
Kiến thức ngành	LA010	Ký xướng âm 1 Musical notation and vocal 1	2	1		LA005		

Khung chương trình hiện hành chuyên ngành Thanh nhạc – Trường BYU

BM in Music Performance: Vocal (484630) MAP Sheet: Cử nhân biểu diễn âm nhạc: Thanh nhạc (mã 484630) lộ trình học

Các ngành Nghệ thuật và Truyền thông, Trường Âm nhạc

Chương trình cho sinh viên nhập học năm học 2022-2023.

Đây là một chương trình tuyển sinh hạn chế cần có sự chấp thuận của bộ phận tuyển sinh. Hãy truy cập trang web music.byu.edu để biết thông tin về tuyển sinh hoặc liên hệ Văn phòng Trường Âm nhạc (C-550 HFAC, 801-422-8903) để biết thêm chi tiết. Bằng Cử nhân biểu diễn chuẩn bị cho sinh viên một hành trang để trở thành người biểu diễn chuyên nghiệp, hoặc giáo viên thanh nhạc, hoặc cả 2. Một số sẽ học nâng cao ở cấp độ sau đại học để chuẩn bị cho sự nghiệp biểu diễn hoặc giảng dạy đại học.

Khối kiến thức nền tảng và bắt buộc để tốt nghiệp				Gợi ý trình tự học			
Khối kiến thức đại cương bắt buộc:				Năm nhất		Năm ba	
Bắt buộc	Số môn học	Số TC	Tên lớp	Kì 1		Kì 5	
Khối kiến thức nền tảng về tôn giáo				Nhập môn viết hoặc Di sản Mỹ	3.0	MUSIC 301	2.0
Những Lời giảng dạy và Giáo lý của sách Mặc-Môn	1	2.0	REL A 275	Nền văn minh 1(nên học MUSIC 201)	3.0	MUSIC 360R, 362R (FWSpSu)	2.0
Chúa Giê-su và Phúc âm đời đời	1	2.0	REL A 250	MUSIC 193, 195, 197 (FSp)	4.5	MUSIC 402A (F)	3.0
Đại cương về Phục sinh	1	2.0	REL C 225	MUSIC 206R, 262R (FWSpSu)	2.0	Hòa tấu đã được phê duyệt (FWSp)	1.0
Gia đình Thượng đế bất diệt	1	2.0	REL C 200	Hòa tấu đã được phê duyệt (FWSp) (Nên học MUSIC 316R)	1.0	Ngoại ngữ	4.0
Cá nhân và xã hội				Khối kiến thức nền tảng về tôn giáo	2.0	Khối kiến thức nền tảng về tôn giáo	2.0
Di sản Mỹ	1-2	3.0-6.0	A HTG 100 Nên học	Tổng số TC	15.5	Tổng số TC	14.0

Nhận thức về văn hóa và toàn cầu	1	2.0	MUSIC 307* hoặc từ danh sách được chấp thuận	Kì 2		Kì 6	
Các kĩ năng				Nhập môn viết hoặc Di sản Mỹ	3.0	MUSIC 302	2.0
Nhập môn viết	1	3.0	từ danh sách được chấp thuận	Nền văn minh 2(nên học MUSIC 201)	3.0	MUSIC 349 (FWSp)	0.0
Viết nâng cao và Giao tiếp bằng lời	1	3.0	WRTG 311 Nên học	MUSIC 194, 196, 198 (Wsu)	4.5	MUSIC 360R, 362R (FWSpSu)	2.0
Suy luận định lượng	0-1	0-3.0	từ danh sách được chấp thuận	MUSIC 206R, 262R (FWSpSu)	2.0	Hòa tấu đã được phê duyệt (FWSp)	1.0
Ngôn ngữ học thuật (Toán hoặc Ngôn ngữ)	1	3.0	MUSIC 395*	Hòa tấu đã được phê duyệt (FWSp) (Nên học MUSIC 316R)	1.0	Ngoại ngữ	4.0
Các môn nghệ thuật, văn học và khoa học				Khối kiến thức nền tảng về tôn giáo	2.0	Môn tôn giáo tự chọn	2.0
Nền văn minh 1	1	3.0	MUSIC 201 Nên học	Tổng số TC	15.5	MUSIC 363	4.0
Nền văn minh 2	1	3.0	MUSIC 202 Nên học	Năm hai		Tổng số TC	15.5
Các môn nghệ thuật	1	3.0	MUSIC 196*	Kì 3		Năm cuối	

Văn học	1	3.0	từ danh sách được chấp thuận	MUSIC 221 (FSp)	2.0	Kì 7	
Khoa học sinh học	1	3.0-4.0	BIO 100 Nên học	MUSIC 235B (FWSp)	2.0	MUSIC 303	2.0
Khoa học vật lý	1-2	3.0-7.0	PHY S 100 Nên học	MUSIC 260R, 262R (FWSpSu)	2.0	MUSIC 360R, 362R (FWSpSu)	2.0
Khoa học xã hội	1	3.0	từ danh sách được chấp thuận	MUSIC 293, 295, 297 (FWSp)	4.5	MUSIC 472	2.0
Các môn tự chọn cốt lõi				Hòa tấu đã được phê duyệt (FWSp)	1.0	Hòa tấu đã được phê duyệt (FWSp)	1.0
Các môn tôn giáo tự chọn	3-4	6.0		Khởi kiến thức nền tảng về tôn giáo	2.0	Môn tôn giáo tự chọn	2.0
Các môn tự chọn mở				Khởi kiến thức giáo dục chung	3.0	Khởi kiến thức giáo dục chung	6.0

NHỮNG KHÓA HỌC NÀY ĐÁP ỨNG CÁC YÊU CẦU CỐT LÕI CỦA CHƯƠNG TRÌNH VÀ CỐT LÕI CỦA ĐẠI HỌC. Đối với các câu hỏi về Chương trình/Lỗi Đại học, hãy liên hệ với trung tâm tư vấn. Đối với câu hỏi nghề nghiệp, hãy hỏi cố vấn học tập của Khoa chuyên môn.				Tổng số TC	16.5	Tổng số TC	16.0
YÊU CẦU TỐT NGHIỆP				Kì 4		Kì 8	
Số tín chỉ có mặt tối thiểu	30			MUSIC 222(W)	2.0	MUSIC 360R, 362R (FWSpSu)	2.0

Số tín chỉ cần thiết tối thiểu để tốt nghiệp	120	MUSIC 260R, 262(FWSpSu)	2.0	MUSIC 449 (FWSp)	1.0
		MUSIC 293, 295,297 (FWSp)	4.5	Hòa tấu đã được phê duyệt (FWSp)	1.0
		Hòa tấu đã được phê duyệt (FWSp)	3.0	Khối kiến thức giáo dục chung	9.0
		Khối kiến thức nền tảng về tôn giáo	3.0	MUSIC 307 hoặc 308	2.0
		Khối kiến thức giáo dục chung	1.0	Tổng số TC	15.0
		Môn tôn giáo tự chọn	2.0		
		Tổng số TC	17.5		
		Lưu ý: Sinh viên nên hoàn thành khoảng 16 tín chỉ mỗi học kì, tương đương 32 tín chỉ một năm, bao gồm cả kì xuân/hè. Học ít tín chỉ hơn có thể gây ra tăng số kì học, dẫn đến chậm tốt nghiệp và tăng học phí phải đóng.			

YÊU CẦU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1.	Yêu cầu 1:	Kiến thức âm nhạc cơ bản	24
2.	Music 193	Ký âm 1	1
3.	Music 194	Ký âm 2	1
4.	Music 195	Lý thuyết âm nhạc 1	3
5.	Music 196	Lý thuyết âm nhạc 2	3
6.	Music 197	Xướng âm 1	0,5
7.	Music 198	Xướng âm 2	0,5
8.	Music 221	Kỹ năng dùng Piano 1	2
9.	Music 222	Kỹ năng dùng Piano 2	2
10.	Music 235B	Chỉ huy hợp xướng	2
11.	Music 293	Ký xướng âm 3	1
12.	Music 294	Ký xướng âm 4	1
13.	Music 295	Lý thuyết âm nhạc 3	3
14.	Music 296	Lý thuyết âm nhạc 4	3
	Yêu cầu 2	Hoàn thành 8 TC trong các môn học sau	2
	Lưu ý:	Bắt buộc phải đăng ký đồng thời cả 2 môn Music 260R: Thanh nhạc cổ điển và Music 262R: Thực hành trong phòng biểu diễn 1	

15	Music 260R	Thanh nhạc cổ điển 1 (Tối đa 6 TC)	1,5
16	Music 262R	Thực hành trong phòng biểu diễn (Tối đa 2TC)	0,5
	Yêu cầu 3	Hoàn thành trong các môn học sau Bắt buộc phải đăng ký đồng thời cả 2 môn Music 360R: Thanh nhạc cổ điển và Music 362R: Thực hành trong phòng biểu diễn 1	8
17	Music 360R	Thanh nhạc cổ điển 1 (Tối đa 6 TC)	1,5
18	Music 362R	Thực hành trong phòng biểu diễn (Tối đa 2TC)	0,5
	Yêu cầu 4	Hoàn thành 1TC hoà tấu trong toàn bộ 8 học kỳ	1
	Yêu cầu 5	Hoàn thành 4 môn Những môn kiến thức âm nhạc sâu	
19	Music 302	Lịch sử âm nhạc thế giới 2	2
20	Music 303	Lịch sử âm nhạc thế giới 3	2
21	Music 395	Phân tích tác phẩm âm nhạc	3
	Yêu cầu 6	Hoàn thành 1 môn	
22	Music 307	Âm nhạc thế giới	2
23	Music 308	Lịch sử nhạc Jazz	2
	Yêu cầu 7	Hoàn thành 3 môn	
24	Music 363	Phương pháp sư phạm Thanh nhạc	3
25	Music 402	Lịch sử nghệ thuật Thanh nhạc	3
26	Music 472	Giảng dạy thanh nhạc có giám sát	2
	Yêu cầu 8	Hoàn thành 8TC trong các môn sau	

27	Fren 101	Tiếng Pháp cơ bản phần 1	4
28	Fren 102	Tiếng Pháp cơ bản phần 2	4
29	Germ 101	Tiếng Đức cơ bản phần 1	4
30	Germ 102	Tiếng Đức cơ bản phần 2	4
31	ITAL 101	Tiếng Ý cơ bản phần 1	4
31	ITAL 102	Tiếng Ý cơ bản phần 2	4
	Yêu cầu 9	Hoàn thành 1 lựa chọn	
32	Music 349 Lựa chọn 9.1	Một đêm nhạc cá nhân 1 (đêm tổng duyệt)	0
33	Music 449 Lựa chọn 9.2	Một đêm nhạc cá nhân 2 (có hội đồng đánh giá) Môn học bắt buộc trước khi tốt nghiệp	1
	Khuyến học	Hoàn thành 4 khoá học sau	
34	Dance 164	Chuyển động trong âm nhạc	1
35	Music 259	Tâm lý biểu diễn	2
36	Music 261	MDT Kỹ thuật Thanh nhạc	2
37	PHSCS 167	Âm học mô tả của âm nhạc và lời nói	3
	Khuyến học	Hoàn thành 3 khoá sau SV muốn học tiếp cao học thanh nhạc nên hoàn thành các môn	
38	Fren 101	Tiếng Pháp cơ bản phần 1	4
39	Germ 101	Tiếng Đức cơ bản phần 1	4
40	ITAL 101	Tiếng Ý cơ bản phần 1	4

PHẦN IX: GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Cán bộ giảng dạy				Ghi chú
				Họ và tên	Chức danh khoa học, năm phon g	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo (Ghi theo văn bằng tốt nghiệp)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
I	M1	Khối kiến thức chung	29					
1	POL2009	Triết học Mác - Lênin	3	1. Đinh Văn Hoàng 2. Phạm Ngọc Anh		ThS ThS	Triết học CNXHKKH	
2	POL2010	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	1. Nguyễn Thị Huyền 2. Trịnh Anh Tuấn		ThS TS	KTCT Kinh tế	
3	POL2011	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	1. Đinh Văn Hoàng 2. Phạm Ngọc Anh		ThS ThS	Triết học CNXHKKH	
4	POL2003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1. Phạm Ngọc Anh 2. Mai Thanh Hồng		ThS ThS	CNXHKKH Lịch sử	

5	POL2013	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	1. Mai Thanh Hồng 2. Phạm Ngọc Anh	ThS ThS	Lịch sử CNXHKKH	
6	INF2001	Tin học cơ bản	2	1. Lê Mạnh Hùng 2. Bùi Ngọc Hưng 3. Vũ Việt Hoàng 4. Dương Thanh Long	1. Thạc sỹ-2014 2. Thạc sỹ-2015 3. Thạc sỹ-2021 4. Thạc sỹ-2017	1. Quản trị kinh doanh 2. Quản lý Giáo dục 3. Công nghệ thông tin 4. Khoa học máy tính	
7	CFL2001	Tiếng Anh 1	4	1. Nguyễn Thị Ân 2. Phạm Thị Ngọc Bích 3. Nguyễn Thanh Dung 4. Trịnh Thị Hà 5. Hoàng Thị Thu Hằng 6. Lê Thị Hiền 7. Ngô Thị Hòa 8. Trương Tố Loan 9. Phạm Thị Lý	1. Thạc sỹ-2015 2. Thạc sỹ-2011 3. Tiến sỹ-2017 4. Tiến sỹ -2017 5. Thạc sỹ-2016 6. Thạc sỹ-2007 7. Thạc sỹ-2014 8. Tiến sỹ-2021 9. Thạc sỹ-2016	1. LL&PP dạy tiếng Anh 2. LL&PP dạy tiếng Anh. 3. NN học so sánh, đối chiếu. 4. TS Quản lý giáo dục. 5. LL&PP dạy tiếng Anh. 6. Ngôn ngữ Anh 7. Ngôn ngữ Anh 8. Quản lý giáo dục. 9. Ngôn ngữ Anh	
8	CFL2002	Tiếng Anh 2	3	1. Nguyễn Thị Ân 2. Phạm Thị Ngọc Bích 3. Nguyễn Thanh Dung 4. Trịnh Thị Hà 5. Hoàng Thị Thu Hằng 6. Lê Thị Hiền 7. Ngô Thị Hòa 8. Trương Tố Loan 9. Phạm Thị Lý	1. Thạc sỹ-2015 2. Thạc sỹ-2011 3. Tiến sỹ-2017 4. Tiến sỹ -2017 5. Thạc sỹ-2016 6. Thạc sỹ-2007 7. Thạc sỹ-2014 8. Tiến sỹ-2021 9. Thạc sỹ-2016	1. LL&PP dạy tiếng Anh 2. LL&PP dạy tiếng Anh. 3. NN học so sánh, đối chiếu. 4. TS Quản lý giáo dục. 5. LL&PP dạy tiếng Anh. 6. Ngôn ngữ Anh 7. Ngôn ngữ Anh 8. Quản lý giáo dục. 9. Ngôn ngữ Anh	

9	PPE2010	Giáo dục thể chất 1	2	1. Phạm Minh Tuấn 2. Bùi Thị Ánh Tuyết 3. Bùi Thị Huyền 4. Nguyễn Minh Trâm 5. Lê Việt Hùng 6. Phạm Thị Huyền Trang	ThS ThS ThS ThS ThS	Quản lý giáo dục Giáo dục thể chất GDTC GDTC GDTC GDTC
10	PPE2011	Giáo dục thể chất 2	3	1. Phạm Minh Tuấn 2. Bùi Thị Ánh Tuyết 3. Bùi Thị Huyền 4. Nguyễn Minh Trâm 5. Lê Việt Hùng 6. Phạm Thị Huyền Trang	ThS ThS ThS ThS ThS	Quản lý giáo dục Giáo dục thể chất GDTC GDTC GDTC GDTC
11	POL2007	Pháp luật Đại cương	2	1. Nguyễn Thị Thanh Thủy 2. Lê Thị Nguyên	ThS ThS	Luật học Luật học
12	GDQP	Giáo dục quốc phòng		Trung tâm GDQP		
II	M2	Khôỉ kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành	18			
II. 1		Các môn học bắt buộc	14			

	13	PPE2008	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1. Nguyễn Mai Hương 2. Đỗ Ánh Tuyết 3. Lương Thị Thanh Hải 4. Nguyễn Quỳnh Trang		TS, 2016 ThS, 2008 TS, 2018 ThS, 2009	Tâm lý học Tâm lý học Tâm lý học Tâm lý học	
	14	MUS2002	Mỹ học	2	1. Đào Thị Thúy Anh 2. Trần Thị Vân		TS ThS	Nghệ thuật Mỹ thuật	
	15	CLM2001	Cơ sở văn hoá Việt Nam Fundamentals of Vietnamese Culture	3	1. Hoàng Công Dụng 2. Nguyễn T. Thanh Loan 3. Tráng Thị Thúy 4. Vũ Thị Thái Hoa 5. Nông Thị Thanh Thúy 6. Nguyễn Đức Hoàng		TS, 2019 TS, 2020 ThS- 2010 ThS- 2013 ThS TS, 2019	Quản lý văn hóa Văn hóa học Văn hóa học Văn hóa học Văn hóa học Văn hóa học	
	16	CLM2010	Đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng cộng sản VN	2	1. Nguyễn Hữu Thúc 2. Nguyễn T. Thanh Loan 3. Vũ Thị Thái Hoa		PGS.TS TS, 2020 ThS-2013	Văn hóa học Văn hóa học Văn hóa học	

	17	CFL2005	Tiếng Anh chuyên ngành	2	1. Nguyễn Thị Ân 2. Phạm Thị Ngọc Bích 3. Nguyễn Thanh Dung 4. Trịnh Thị Hà 5. Hoàng Thị Thu Hằng 6. Lê Thị Hiền 7. Ngô Thị Hòa 8. Trương Tổ Loan 9. Phạm Thị Lý		1. Thạc sỹ, 2015 2. Thạc sỹ, 2011 3. Tiến sỹ, 2017 4. Tiến sỹ, 2017 5. Thạc sỹ, 2016 6. Thạc sỹ, 2007 7. Thạc sỹ, 2014 8. Tiến sỹ, 2021 9. Thạc sỹ, 2016	1. LL&PP dạy tiếng Anh 2. LL&PP dạy tiếng Anh. 3. NN học so sánh, đối chiếu. 4. TS Quản lý giáo dục. 5. LL&PP dạy tiếng Anh. 6. Ngôn ngữ Anh 7. Ngôn ngữ Anh 8. Quản lý giáo dục. 9. Ngôn ngữ Anh	
--	----	----------------	------------------------	---	--	--	--	---	--

18	PPE2030	Kỹ năng khởi nghiệp	3	Novaedu				
II.2		<i>Các học phần tự chọn</i>	4/8					
19	MUS2003	Đại cương các loại hình nghệ thuật	2	1. Đào Thị Thúy Anh 2. Trần Thị Vân		TS ThS	Nghệ thuật Mỹ thuật	

20	PPE2003	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo	2	1. Nguyễn T. Thanh Thủy 2. Lê Thị Nguyên		ThS, 2008 ThS, 2016	Luật học Luật học	
21	PPE2004	Tâm lý học nghệ thuật	2	1. Nguyễn Mai Hương 2. Nguyễn Thị Duyên 3. Nguyễn Quỳnh Trang		Tiến sĩ, 2016 Thạc sĩ, 2010 Thạc sĩ, 2009	Tâm lý học Tâm lý học Tâm lý học	
22	CFL2008	Tiếng Việt thực hành Vietnamese Pratices	2	1. Lê Thị Mỹ Hạnh 2. Hà Thị Thu Hà		TS ThS	LL Ngôn ngữ Văn học	
III	M3	Khối kiến thức cơ sở ngành Fundement al subjects	30					
III. 1		<i>Các môn học bắt buộc</i> <i>Compulsory subjects</i>	26					

23	MUS2060	Lịch sử âm nhạc thế giới 1 History of the world music 1	2	1. Nguyễn Thị Tố Mai 2. Đoàn Thị Thu Hà 3. Trần T Thanh Hương 4. Nghiêm T Hồng Hà	1.P GS, 201 4	1.TS, 2011 2.ThS, 2013 3. ThS, 2010 4. ThS, 2011	1. Nghệ thuật Âm nhạc 2. Văn hóa học 3. Nghệ thuật Âm nhạc 4. Nghệ thuật Âm nhạc	
24	MUS2061	Lịch sử âm nhạc thế giới 2 History of the world music 2	2	1. Nguyễn Thị Tố Mai 2. Đoàn Thị Thu Hà 3. Trần T Thanh Hương 4. Nghiêm T Hồng Hà	PG S,2 014	1.TS, 2011 2. ThS, 2013 3. ThS, 2010 4.ThS, 2011	1. Nghệ thuật Âm nhạc 2. Văn hóa học 3. Nghệ thuật Âm nhạc 4. Nghệ thuật Âm nhạc	
25	MUS2056	Âm nhạc Việt Nam	2	1. Phạm Thu Hường 2. NguyễnThị Thu Trang A 3. Nguyễn T Phương Mai		1. ThS, 2011 2. ThS, 2011 3. ThS, 2011	1. Nghệ thuật Âm nhạc 2. Nghệ thuật Âm nhạc 3. Nghệ thuật Âm nhạc	

26	MUS2008	Lý thuyết âm nhạc 1 Music theory 1	3	1. Mai Linh Chi 2. Vũ Kim Thu 3. Nguyễn Phương Mai 4. Trần Thị Thanh Hương 5. Phạm Thu Hường 6. Nguyễn T. Thu Trang A 7. Nguyễn T. Thu Trang B	1. ThS, 2011 2. ThS, 2011 3. ThS, 2011 4. ThS, 2010 5. ThS, 2011 6. ThS, 2011 7. ThS, 2014	1. Nghệ thuật Âm nhạc 2. Nghệ thuật Âm nhạc 3. Nghệ thuật Âm nhạc 4. Nghệ thuật Âm nhạc 5. Nghệ thuật Âm nhạc 6. Nghệ thuật Âm nhạc 7. Âm nhạc học	
27	MUS2009	Lý thuyết âm nhạc 2 Music theory 2	2	1. Mai Linh Chi 2. Vũ Kim Thu 3. Nguyễn Phương Mai 4. Trần T Thanh Hương 5. Phạm Thu Hường 6. Nguyễn T. Thu Trang A 7. Nguyễn T Thu Trang B	1. ThS, 2011 2. ThS, 2011 3. ThS, 2011 4. ThS, 2010 5. ThS, 2011 6. ThS, 2011 7. ThS, 2014	1. Nghệ thuật Âm nhạc 2. Nghệ thuật Âm nhạc 3. Nghệ thuật Âm nhạc 4. Nghệ thuật Âm nhạc 5. Nghệ thuật Âm nhạc 6. Nghệ thuật Âm nhạc 7. Âm nhạc học	

28	MUS2024	Phân tích tác phẩm 1 Music work analysis 1	2	1. Nguyễn Khải 2. Nguyễn Thành Vinh 3. Phạm Thu Hương 4. Nguyễn Hồng Trang 5. Nguyễn T Thu Trang B		1. ThS, 2015 2.ThS, 2011 3.ThS, 2011 4.ThS, 2013 5.ThS, 2014	1. LL &PPDHAN 2 Sáng tác 3. Nghệ thuật Âm nhạc 4. Âm nhạc học 5. Âm nhạc học	
29	MUS2062	Hòa thanh 1 Harmony	2	1. Nguyễn Khải 2. Nguyễn Thành Vinh 3. Nguyễn Hồng Trang 4. Phạm Thu Hương 5. Nguyễn T Thu Trang B		1. ThS, 2015 2.ThS, 2011 3.ThS, 2013 4.ThS, 2011 5.ThS, 2014	1. LL &PPDHAN 2 Sáng tác 3. Âm nhạc học 4. Nghệ thuật Âm nhạc 5. Âm nhạc học	

30	MUS2017	Ký xướng âm 1 Tonic Sol-fa notation 1	2	1. Mai Linh Chi 2. Vũ Kim Thu 3. Nguyễn Phuong Mai 4. Khuất Duy Nhã 5. Trần Thanh Hương 6. Trần Thị Thu Trang 7. Nguyễn Hồng Trang 8. Nguyễn Đức Linh 9. Nghiêm Thị Hồng Hà 10. Nguyễn T.Thu Trang B	1. ThS, 2011 2.ThS, 2011 3.ThS, 2011 4.ThS, 2010 5.ThS, 2010 6. ThS, 2011 7.ThS, 2011 8.ThS, 2015 9.ThS, 2011 10.ThS, 2014	1.Nghệ thuật Âm nhạc 2 Nghệ thuật Âm nhạc 3. Nghệ thuật Âm nhạc 4. Nghệ thuật Âm nhạc 5. Nghệ thuật Âm nhạc 6. Nghệ thuật Âm nhạc 7. Nghệ thuật Âm nhạc 8. Lý luận & PPDH Âm nhạc 9. Nghệ thuật Âm nhạc 10. Âm nhạc học	
----	---------	--	---	--	---	---	--

31	MUS2018	Ký xướng âm 2 Tonic Sol-fa notation 2	2	1. Mai Linh Chi 2. Vũ Kim Thu 3. Nguyễn Phương Mai 4. Khuất Duy Nhã 5. Trần Thanh Hương 6. Trần Thị Thu Trang 7. Nguyễn Hồng Trang 8. Nguyễn Đức Linh 9. Nghiêm Thị Hồng Hà 10. Nguyễn Thị Thu Trang B	1. ThS, 2011 2. ThS, 2011 3. ThS, 2011 4. ThS, 2010 5. ThS, 2010 6. ThS, 2011 7. ThS, 2013 8. ThS, 2015 9. ThS, 2011 10. ThS, 2014	1. Nghệ thuật Âm nhạc 2. Nghệ thuật Âm nhạc 3. Nghệ thuật Âm nhạc 4. Nghệ thuật Âm nhạc 5. Nghệ thuật Âm nhạc 6. Nghệ thuật Âm nhạc 7. Nghệ thuật Âm nhạc 8. LLL & PPDH Âm nhạc 9. Nghệ thuật Âm nhạc 10. Âm nhạc học	
32	MUS2019	Ký xướng âm 3 Tonic Sol-fa notation 3	2	1. Mai Linh Chi 2. Vũ Kim Thu 3. Nguyễn Phương Mai 4. Khuất Duy Nhã 5. Trần Thanh Hương 6. Nguyễn T Thu Trang A 7. Nghiêm Thị Hồng Hà	1. ThS, 2011 2. ThS, 2011 3. ThS, 2011 4. ThS, 2010 5. ThS, 2010 6. ThS, 2011 7. ThS, 2011	1. Nghệ thuật Âm nhạc 2. Nghệ thuật Âm nhạc 3. Nghệ thuật Âm nhạc 4. Chuyên ngành Sáng tác 5. Nghệ thuật Âm nhạc 6. Nghệ thuật Âm nhạc 7. Nghệ thuật Âm nhạc	

33	MUS2020	Ký xướng âm 4 Tonic Sol-fa notation 4	2	1. Mai Linh Chi 2. Vũ Kim Thu 3. Nguyễn Phương Mai 4. Khuất Duy Nhã 5. Trần Thanh Hương 6. NguyễnT Thu Trang A 7. Nghiêm Thị Hồng Hà	1. ThS, 2011 2.ThS, 2011 3.ThS, 2011 4.ThS, 2010 5.ThS, 2010 6. ThS, 2011 7.ThS, 2011	1.Nghệ thuật Âm nhạc 2 Nghệ thuật Âm nhạc 3. Nghệ thuật Âm nhạc 4. Chuyên ngành Sáng tác 5. Nghệ thuật Âm nhạc 6. Nghệ thuật Âm nhạc 7. Nghệ thuật Âm nhạc	
34	PPE2002	Giáo dục học Pedagogy	3	1. Nguyễn Thị Tuyết Nhung 2. Nguyễn Thị Duyên 3. Đỗ Ánh Tuyết 4. Nguyễn Mai Hương	1. ThS, 2009 2. ThS, 2010 3. ThS, 2008 4. TS, 2016	Giáo dục học Tâm lý học Tâm lý học Tâm lý học	
		<i>Các môn học tự chọn</i> <i>Optional subjects</i>	9/15				

35	MUS2012	Sáng tác Composition	2	1. Lương Minh Tân 2. Khuất Duy Nhã 3. Nguyễn Thành Vinh		1.ThS, 2010 2.ThS, 2010 3.ThS, 2013	1. Sáng tác 2. Sáng tác 3. Sáng tác	
36	MUS2030	Giới thiệu nhạc cụ Introduction to Musical Instruments	2	1. Nguyễn Khải 2. Nguyễn Hồng Trang 3. Nguyễn Đức Linh 4. Nguyễn Thành Vinh 5. Phạm Xuân Danh		1. ThS, 2015 2.ThS, 2013 3.ThS, 2015 4.ThS, 2011 5.ThS, 2018	1. LL&PPDHAN 2. Âm nhạc học 3. LL&PPDHAN 4. Sáng tác 5. LL&PPDHAN	
37	VMU2001	Dân ca Singing folk songs	2	1. Đặng Thị Lan 2. Trần Thị Thảo 3. Đào Thị Khánh Chi 4. Ngân Thị Thương		1.TS, 2020 2.ThS, GVC, 2009 3. ThS, 2014 4. ThS, 2010	1. LL & PPDHAN 2. Văn hóa học 3. Lý luận & PPDHAN 4. Văn hóa học	

38	MUS2084	Trải nghiệm các hoạt động âm nhạc Activities outside the classroom	2	1. Lê Vinh Hưng 2. Nguyễn Thị Lệ Huyền 3. Nguyễn Đức Linh 4. Mai Linh Chi 5. Nguyễn Thị Phương Mai 6. Đoàn Thị Thu Hà 4. Trần Vĩnh Khương	PG S, 202 0	1. TS, 2009 2. ThS, 2015 3. ThS, 2015 4.ThS, 2011 5.ThS, 2011 6.ThS, 2013 7. ThS, 2008	1. Âm nhạc học 2. LL&PPDHAN 3. LL&PPDHAN 4. Nghệ Thuật Âm nhạc 5. Nghệ thuật Âm nhạc 6. Văn hóa học 7. LL&PPDHAN	
39	MUS2074	Chuyển soạn cho Hợp xướng Choir Arrangements	2	1. Lê Vinh Hưng 2. Phạm Hoàng Trung 3. Phạm Xuân Danh 4. Vũ Thị Thuỳ Linh	PG S,2 020	1. TS, 2009 2. ThS, 2019 3. ThS, 2018 4. ThS, 2020	13	

IV	M4	Khối kiến thức chuyên ngành Speciality subjects	36					
<i>IV.1</i>		<i>Các môn học bắt buộc Compulsory subjects</i>	31					

40	VMU2031	Thanh nhạc 1.1 Vocal music 1.1	1	1. Đỗ Hương Giang 2. Đặng Thị Loan 3. Trần T Thanh Quý 4. Trịnh Thị Oanh 5. Giáp Văn Thịnh 6. Chu Hoài Phương 7. Nguyễn T.Ngọc Ánh 8. Nguyễn Thị Nga 9. Lê Minh Tuyển 10. Đoàn Thuý Trang 11. Lê Thị Tình 12. Đàm Minh Hưng 13. Hoàng Quốc Tuấn 14. Nguyễn Chí Công 15. Ngô Quốc Khánh	ThS, 2011 ThS, 2010 ThS, 2012 ThS, 2012 ThS, 2013 ThS, 2013 ThS, 2013 ThS, 2014 ThS, 2014 ThS, 2018 ThS, 2015 ThS, 2014 ThS, 2014 ThS, 2014 ThS, 2014	Thanh nhạc biểu diễn Thanh nhạc biểu diễn Thanh nhạc biểu diễn Sư phạm biểu diễn Sư phạm biểu diễn Sư phạm biểu diễn Sư phạm biểu diễn Thanh nhạc biểu diễn Sư phạm biểu diễn Thanh nhạc biểu diễn Thanh nhạc biểu diễn PP và LLDH âm nhạc Thanh nhạc biểu diễn PP và LLDH âm nhạc PP và LLDH âm nhạc	
----	---------	---	---	--	---	---	--

41	VMU2032	Thanh nhạc 1.2 Vocal music 1.2	1	1. Đỗ Hương Giang 2 Đặng Thị Loan 3 Trần Thị Thanh Quý 4 Trịnh Thị Oanh 5 Giáp Văn Thịnh 6 Chu Hoài Phương 7 Nguyễn Thị Ngọc Ánh 8 Nguyễn Thị Nga 9 Lê Minh Tuyền 10 Đoàn Thuý Trang 11 Lê Thị Tình 12 Đàm Minh Hưng 13 Hoàng Quốc Tuấn 14. Nguyễn Chí Công 15. Ngô Quốc Khánh	ThS, 2011 ThS, 2010 ThS, 2012 ThS, 2012 ThS, 2013 ThS, 2013 ThS, 2013 ThS, 2014 ThS, 2014 ThS, 2018 ThS, 2015 ThS, 2014 ThS, 2014 ThS, 2014 ThS, 2014 ThS, 2014 ThS, 2018	Thanh nhạc biểu diễn Thanh nhạc biểu diễn Thanh nhạc biểu diễn Sư phạm biểu diễn Sư phạm biểu diễn Sư phạm biểu diễn Sư phạm biểu diễn Thanh nhạc biểu diễn Sư phạm biểu diễn Thanh nhạc biểu diễn Thanh nhạc biểu diễn PP và LLDH âm nhạc Thanh nhạc biểu diễn PP và LLDH âm nhạc PP và LLDH âm nhạc PP và LLDH âm nhạc PP và LLDH âm nhạc PP và LLDH âm nhạc	
----	---------	---	---	--	---	---	--

42	VMU2033	Thanh nhạc 2.1 Vocal music 2.1	1	1. Đỗ Hương Giang 2. Đặng Thị Loan 3. Trần Thị Thanh Quý 4. Trịnh Thị Oanh 5. Giáp Văn Thịnh 6. Chu Hoài Phương 7. Nguyễn Thị Ngọc Ánh 8. Nguyễn Thị Nga 9. Lê Minh Tuyền 10. Đoàn Thuý Trang 11. Lê Thị Tình 12. Đàm Minh Hưng 13. Hoàng Quốc Tuấn 14. Nguyễn Chí Công 15. Ngô Quốc Khánh	ThS, 2011 ThS, 2010 ThS, 2012 ThS, 2012 ThS, 2013 ThS, 2013 ThS, 2013 ThS, 2014 ThS, 2014 ThS, 2018 ThS, 2015 ThS, 2014 ThS, 2014 ThS, 2014 ThS, 2014 ThS, 2014 ThS, 2018	Thanh nhạc biểu diễn Thanh nhạc biểu diễn Thanh nhạc biểu diễn Sư phạm biểu diễn Sư phạm biểu diễn Sư phạm biểu diễn Sư phạm biểu diễn Thanh nhạc biểu diễn Sư phạm biểu diễn Thanh nhạc biểu diễn Thanh nhạc biểu diễn PP và LLDH âm nhạc Thanh nhạc biểu diễn PP và LLDH âm nhạc PP và LLDH âm nhạc PP và LLDH âm nhạc PP và LLDH âm nhạc PP và LLDH âm nhạc	
----	---------	---	---	--	---	---	--

43	VMU2034	Thanh nhạc 2.2 Vocal music 2.2	1	1. Đỗ Hương Giang 2. Đặng Thị Loan 3. Trần Thị Thanh Quý 4. Trịnh Thị Oanh 1. Giáp Văn Thịnh 2. Chu Hoài Phương 3. Nguyễn Thị Ngọc Ánh 4. Nguyễn Thị Nga 5. Lê Minh Tuyền 6. Đoàn Thuý Trang 7. Lê Thị Tình 8. Đàm Minh Hưng 9. Hoàng Quốc Tuấn 14. Nguyễn Chí Công 15. Ngô Quốc Khánh	ThS, 2011 ThS, 2010 ThS, 2012 ThS, 2012 ThS, 2013 ThS, 2013 ThS, 2013 ThS, 2014 ThS, 2014 ThS, 2018 ThS, 2015 ThS, 2014 ThS, 2014 ThS, 2014 ThS, 2014 ThS, 2014 ThS, 2014 ThS, 2018	Thanh nhạc biểu diễn Thanh nhạc biểu diễn Thanh nhạc biểu diễn Sư phạm biểu diễn Sư phạm biểu diễn Sư phạm biểu diễn Sư phạm biểu diễn Thanh nhạc biểu diễn Sư phạm biểu diễn Sư phạm biểu diễn Thanh nhạc biểu diễn Thanh nhạc biểu diễn PP và LLDH âm nhạc Thanh nhạc biểu diễn PP và LLDH âm nhạc PP và LLDH âm nhạc PP và LLDH âm nhạc PP và LLDH âm nhạc PP và LLDH âm nhạc	
----	---------	---	---	--	--	--	--

44	VMU2035	Thanh nhạc 3.1 Vocal music 3.1	1	1. Đỗ Hương Giang 2. Đặng Thị Loan 3. Trần Thị Thanh Quý 4. Trịnh Thị Oanh 10. Giáp Văn Thịnh 11. Chu Hoài Phương 12. Nguyễn Thị Ngọc Ánh 13. Nguyễn Thị Nga 14. Lê Minh Tuyền 15. Đoàn Thuý Trang 16. Lê Thị Tĩnh 17. Đàm Minh Hưng 18. Hoàng Quốc Tuấn 14. Nguyễn Chí Công 15. Ngô Quốc Khánh	ThS, 2011 ThS, 2010 ThS, 2012 ThS, 2012 ThS, 2013 ThS, 2013 ThS, 2013 ThS, 2014 ThS, 2014 ThS, 2018 ThS, 2015 ThS, 2014 ThS, 2014 ThS, 2014 ThS, 2014 ThS, 2014 ThS, 2014 ThS, 2014 ThS, 2018	Thanh nhạc biểu diễn Thanh nhạc biểu diễn Thanh nhạc biểu diễn Sư phạm biểu diễn Sư phạm biểu diễn Sư phạm biểu diễn Sư phạm biểu diễn Thanh nhạc biểu diễn Sư phạm biểu diễn Sư phạm biểu diễn Thanh nhạc biểu diễn Thanh nhạc biểu diễn PP và LLDH âm nhạc Thanh nhạc biểu diễn PP và LLDH âm nhạc PP và LLDH âm nhạc PP và LLDH âm nhạc PP và LLDH âm nhạc PP và LLDH âm nhạc PP và LLDH âm nhạc	
----	---------	---	---	---	---	--	--

45	VMU2036	Thanh nhạc 3.2 Vocal music 3.2	1	1. Đỗ Hương Giang 14 Đặng Thị Loan 15 Trần Thị Thanh Quý 16 Trịnh Thị Oanh 17 Giáp Văn Thịnh 18 Chu Hoài Phương 19 Nguyễn Thị Ngọc Ánh 20 Nguyễn Thị Nga 21 Lê Minh Tuyền 22 Đoàn Thuý Trang 23 Lê Thị Tình 24 Đàm Minh Hưng 25 Hoàng Quốc Tuấn 14. Nguyễn Chí Công 15. Ngô Quốc Khánh	ThS, 2011 ThS, 2010 ThS, 2012 ThS, 2012 ThS, 2013 ThS, 2013 ThS, 2013 ThS, 2014 ThS, 2014 ThS, 2018 ThS, 2015 ThS, 2014 ThS, 2014 ThS, 2014 ThS, 2014 ThS, 2014 ThS, 2014 ThS, 2018	Thanh nhạc biểu diễn Thanh nhạc biểu diễn Thanh nhạc biểu diễn Sư phạm biểu diễn Sư phạm biểu diễn Sư phạm biểu diễn Sư phạm biểu diễn Thanh nhạc biểu diễn Sư phạm biểu diễn Thanh nhạc biểu diễn Sư phạm biểu diễn Thanh nhạc biểu diễn Thanh nhạc biểu diễn PP và LLDH âm nhạc Thanh nhạc biểu diễn PP và LLDH âm nhạc PP và LLDH âm nhạc PP và LLDH âm nhạc PP và LLDH âm nhạc PP và LLDH âm nhạc PP và LLDH âm nhạc	
----	---------	---	---	--	--	--	--

46	VMU2037	Thanh nhạc 4.1 Vocal music 4.1	1	1. Đỗ Hương Giang	ThS, 2011	Thanh nhạc biểu diễn	
				26 Đặng Thị Loan	ThS, 2010	Thanh nhạc biểu diễn	
				27 Trần Thị Thanh	ThS, 2012	Thanh nhạc biểu diễn	
				Quý	ThS, 2012	Sư phạm biểu diễn	
				28 Trịnh Thị Oanh	ThS, 2013	Sư phạm biểu diễn	
				29 Giáp Văn Thịnh	ThS, 2013	Sư phạm biểu diễn	
				30 Chu Hoài Phương	ThS, 2013	Sư phạm biểu diễn	
				31 Nguyễn Thị Ngọc	ThS, 2014	Thanh nhạc biểu diễn	
				Ánh	ThS, 2014	Sư phạm biểu diễn	
				32 Nguyễn Thị Nga	ThS, 2018	Thanh nhạc biểu diễn	
				33 Lê Minh Tuyền	ThS, 2015	Thanh nhạc biểu diễn	
				34 Đoàn Thuý Trang	ThS, 2014	PP và LLDH âm nhạc	
				35 Lê Thị Tình	ThS, 2014	Thanh nhạc biểu diễn	
				36 Đàm Minh Hưng	ThS, 2014	PP và LLDH âm nhạc	
				37 Hoàng Quốc Tuấn	ThS, 2014	PP và LLDH âm nhạc	
				14. Nguyễn Chí Công	ThS, 2014	PP và LLDH âm nhạc	
				15. Ngô Quốc Khánh	ThS, 2014	PP và LLDH âm nhạc	
					ThS, 2018	PP và LLDH âm nhạc	

47	VMU2038	Thanh nhạc 4.2 Vocal music 4.2	1	1. Đỗ Hương Giang 38 Đặng Thị Loan 39 Trần Thị Thanh Quý 40 Trịnh Thị Oanh 41 Giáp Văn Thịnh 42 Chu Hoài Phương 43 Nguyễn Thị Ngọc Ánh 44 Nguyễn Thị Nga 45 Lê Minh Tuyền 46 Đoàn Thuý Trang 47 Lê Thị Tình 48 Đàm Minh Hưng 49 Hoàng Quốc Tuấn 14. Nguyễn Chí Công 15. Ngô Quốc Khánh	ThS, 2011 ThS, 2010 ThS, 2012 ThS, 2012 ThS, 2013 ThS, 2013 ThS, 2013 ThS, 2014 ThS, 2014 ThS, 2018 ThS, 2015 ThS, 2014 ThS, 2014 ThS, 2014 ThS, 2014 ThS, 2014 ThS, 2014 ThS, 2018	Thanh nhạc biểu diễn Thanh nhạc biểu diễn Thanh nhạc biểu diễn Sư phạm biểu diễn Sư phạm biểu diễn Sư phạm biểu diễn Sư phạm biểu diễn Thanh nhạc biểu diễn Sư phạm biểu diễn Thanh nhạc biểu diễn Thanh nhạc biểu diễn PP và LLDH âm nhạc Thanh nhạc biểu diễn PP và LLDH âm nhạc PP và LLDH âm nhạc PP và LLDH âm nhạc PP và LLDH âm nhạc PP và LLDH âm nhạc	
----	---------	---	---	--	--	---	--

48	PIA2030	Piano 1	1	1. Ngô Thị Việt Anh 2. Trần Quốc Thùy 3. Lương Diệu Ánh 4. Bùi Diệu Minh 5. Vũ Thanh Xuân 6. Đặng Thái Sơn 7. Dương Vũ Bình Minh		1. ThS, 2009 1. ThS, 2013V 2. ThS, 2011 3. ThS, 2015 4. ThS, 2016 5. ThS, 2018 ThS, 2015	1.VHH/Arcordeal 2.Arcordeal 3.LLÂN/Arcordeal 4. Âm nhạc học 5. LL&PPDHAN 6.LLÂN/Arcordeal 7. LL&PPDHAN	
49	PIA2031	Piano 2	1	1. Ngô Thị Việt Anh 2. Trần Quốc Thùy 3. Lương Diệu Ánh 4. Bùi Diệu Minh 5. Vũ Thanh Xuân 6. Đặng Thái Sơn 7. Dương Vũ Bình Minh		6. ThS, 2009 7. ThS, 2013V 8. ThS, 2011 9. ThS, 2015 10. ThS, 2016 11. ThS, 2018 ThS, 2015	1.VHH/Arcordeal 2.Arcordeal 3.LLÂN/Arcordeal 4. Âm nhạc học 5. LL&PPDHAN 6.LLÂN/Arcordeal 7. LL&PPDHAN	

50	PIA2032	Piano 3	1	1. Ngô Thị Việt Anh 2. Trần Quốc Thùy 3. Lương Diệu Ánh 4. Bùi Diệu Minh 5. Vũ Thanh Xuân 6. Đặng Thái Sơn 7. Dương Vũ Bình Minh		1. ThS, 2009 2. ThS, 2013V 3. ThS, 2011 4. ThS, 2015 5. ThS, 2016 6. ThS, 2018 7. ThS, 2015	1.VHH/Arcordeal 2.Arcordeal 3.LLÂN/Arcordeal 4. Âm nhạc học 5. LL&PPDHAN 6.LLÂN/Arcordeal 7. LL&PPDHAN	
51	MUS2080	Hợp xướng 1	2	1. Lê Vinh Hưng 2. Phạm Hoàng Trung 3. Phạm Xuân Danh 4. Vũ Thị Thuỳ Linh	PG S,2 020	1.TS, 2009 2.ThS, 2019 3.ThS, 2018 4.ThS, 2020	1. Âm nhạc học/Chỉ huy 2. LL&PPDHAN 3. LL&PPDHAN 4. Chỉ huy HX	
52	MUS2081	Hợp xướng 2	2	1. Lê Vinh Hưng 2.Phạm Hoàng Trung 3.Phạm Xuân Danh 4. Vũ Thị Thuỳ Linh	PG S,2 020	1. TS, 2009 2.ThS, 2019 3.ThS, 2018 4.ThS, 2020	1. Âm nhạc học/Chỉ huy 2. LL&PPDHAN 3. LL&PPDHAN 4. Chỉ huy HX	
53	VMU2021	Phát âm tiếng Ý	3					

54	VMU2022	Lịch sử và PP Sư phạm Thanh nhạc History and pedagogical methods of singing	3	1. Đào Thị Khánh Chi 2. Đặng Thị Lan 3. Đặng Thị Loan		1. ThS, 2014 2. TS, 2020 3. ThS, 2010	1. LL&PPDHAN 2. LL&PPDHAN 3. Thanh nhạc biểu diễn	
		<i>Các môn tự chọn Optional subjects</i>	5/13					
55	VMU2020	Kỹ thuật diễn viên Techniques of performer	2	1. Nguyễn Thuý Hường 2. Phạm Ngọc Thuý 3. Nguyễn Quỳnh Phương		1. TS 2020 2. ThS 2012 3. ThS 2016	1. Nghệ thuật học 3. Nghệ thuật sân khấu 4. Nghệ thuật sân khấu	
56	VMU2025	Thực hành biểu diễn Performance practice	3	1. Nguyễn Thuý Hường 2. Phạm Ngọc Thuý 3. Nguyễn Quỳnh Phương		1. TS 2020 2. ThS 2012 3. ThS 2016	1. Nghệ thuật học 2. Nghệ thuật sân khấu 3. Nghệ thuật sân khấu	

57	VMI2004	Đệm đàn 1 Accompanying instrument 1	2	1. Phạm Hồng Phương 2. Nguyễn Nguyệt Cầm 3. Nguyễn Quang Tùng		1. ThS, 2012 2.ThS, 2011 3.ThS, 2013	1. VHH/ĐHGhita 2. VHH/ĐHGhita 3. Ghita	
58	VMI2005	Đệm đàn 2 Accompanying instrument 2	3	1. Phạm Hồng Phương 2. Nguyễn Nguyệt Cầm 3. Nguyễn Quang Tùng		1. ThS, 2012 2.ThS, 2011 3.ThS, 2013	1. VHH/ĐHGhita 2. VHH/ĐHGhita 3. Ghita	
59	MUS2075	Chỉ huy hợp xướng Conductor	2	1. Lê Vinh Hưng 2.Phạm Hoàng Trung 3.Phạm Xuân Danh 4. Vũ Thị Thuỳ Linh	PG S,2 020	1. TS, 2009 2.ThS, 2019 3.ThS, 2018 4.ThS, 2020	1. Âm nhạc học/Chỉ huy 2. LL&PPDHAN 3. LL&PPDHAN 4. Chỉ huy HX	
60	VMU2013	Các chuyên đề khác Other themes						

		Khối kiến thức thực tập	7					
61	VMU2039	Thực tập nghề nghiệp 1 Carreer Practice 1	3					
62	VMU2040	Thực tập nghề nghiệp 2 Carreer Practice 2	4					
	M6	Khối kiến thức cuối khóa	14					
63	VMU2016	Chương trình biểu diễn nghệ thuật	14					

PHẦN X. CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU PHỤC VỤ CHO THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị

T T	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m)	Mã học phần	Tên học phần	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Phòng thực hành...	98	5.098,60	MUS2017 MUS2018 MUS2019 MUS2020 MUS2021 MUS2085 MUS2086 MUS2087 MUS2088	Ký xướng âm 1 Ký xướng âm 2 Ký xướng âm 3 Ký xướng âm 4 Ký xướng âm 5 Keyboard/Guitar 1 Keyboard/Guitar 2 Keyboard/Guitar 3 Keyboard/Guitar 4	- Trình độ Đại học các ngành: Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật, Thiết kế thời trang, Thiết kế Đồ họa, Hội họa, Quản lý văn hóa, Thanh nhạc, Piano, Sư phạm Âm nhạc mầm non, Sư phạm Mỹ thuật mầm non, Diễn viên kịch - điện ảnh, Công nghệ may. - Trình độ thạc sỹ các ngành: Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc, Quản lý Văn hóa, Lý luận và Phương pháp dạy học Mỹ thuật. Trình độ tiến sỹ chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc.
2	Xưởng thực tập...	3	274,10			Trình độ Đại học các ngành: Thiết kế thời trang, Công nghệ may.

3	Nhà tập đa năng					
4	Hội trường	1	192,00	MUS2066 MUS2067	Dàn dựng chương trình âm nhạc tổng hợp 1 Dàn dựng chương trình âm nhạc tổng hợp 2	- Trình độ Đại học các ngành: Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật, Thiết kế thời trang, Thiết kế Đồ họa, Hội họa, Quản lý văn hóa, Thanh nhạc, Piano, Sư phạm Âm nhạc mầm non, Sư phạm Mỹ thuật mầm non, Diễn viên kịch - điện ảnh, Công nghệ may. - Trình độ thạc sỹ các ngành: Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc, Quản lý Văn hóa, Lý luận và Phương pháp dạy học Mỹ thuật. Trình độ tiến sỹ chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc.
5	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	01	240,40	MUS2078 MUS2002 CLM2001 PPE2008	Đại cương các loại hình nghệ thuật Mỹ học Cơ sở văn hóa Việt Nam	- Trình độ Đại học các ngành: Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật, Thiết kế thời trang, Thiết kế Đồ họa, Hội họa, Quản lý văn hóa, Thanh nhạc, Piano, Sư phạm Âm nhạc mầm non, Sư phạm Mỹ thuật mầm non, Diễn viên kịch - điện ảnh, Công nghệ may.

					Phương pháp nghiên cứu khoa học	- Trình độ thạc sỹ các ngành: Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc, Quản lý Văn hóa, Lý luận và Phương pháp dạy học Mỹ thuật. Trình độ tiến sỹ chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc.
6	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	26	2.061,74	MUS2008 MUS2009 MUS2060 MUS2061	Lý thuyết âm nhạc 1; Lý thuyết âm nhạc 2 Lịch sử âm nhạc thế giới 1 Lịch sử âm nhạc thế giới 2	- Trình độ Đại học các ngành: Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật, Thiết kế thời trang, Thiết kế Đồ họa, Hội họa, Quản lý văn hóa, Thanh nhạc, Piano, Sư phạm Âm nhạc mầm non, Sư phạm Mỹ thuật mầm non, Diễn viên kịch - điện ảnh, Công nghệ may. - Trình độ thạc sỹ các ngành: Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc, Quản lý Văn hóa, Lý luận và Phương pháp dạy học Mỹ thuật. Trình độ tiến sỹ chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc.
7	Số phòng học dưới 50 chỗ	04	154,20	MUS2062 MUS2023 MUS2031	Hòa thanh 1 Hòa thanh 2 PP dạy học NA 1	- Trình độ Đại học các ngành: Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật, Thiết kế thời trang, Thiết kế Đồ họa, Hội họa, Quản lý văn

				MUS2065	PP dạy học NA 2	hóa, Thanh nhạc, Piano, Sư phạm Âm nhạc mầm non, Sư phạm Mỹ thuật mầm non, Diễn viên kịch - điện ảnh, Công nghệ may. - Trình độ thạc sỹ các ngành: Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc, Quản lý Văn hóa, Lý luận và Phương pháp dạy học Mỹ thuật. Trình độ tiến sỹ chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc.
8	Số phòng học đa phương tiện	03	280.70			- Trình độ Đại học các ngành: Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật, Thiết kế thời trang, Thiết kế Đồ họa, Hội họa, Quản lý văn hóa, Thanh nhạc, Piano, Sư phạm Âm nhạc mầm non, Sư phạm Mỹ thuật mầm non, Diễn viên kịch - điện ảnh, Công nghệ may. - Trình độ thạc sỹ các ngành: Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc, Quản lý Văn hóa, Lý luận và Phương pháp dạy học Mỹ thuật. Trình độ tiến sỹ chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc.

9	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	01	43,90			- Trình độ Đại học các ngành: Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật, Thiết kế thời trang, Thiết kế Đồ họa, Hội họa, Quản lý văn hóa, Thanh nhạc, Piano, Sư phạm Âm nhạc mầm non, Sư phạm Mỹ thuật mầm non, Diễn viên kịch - điện ảnh, Công nghệ may. - Trình độ thạc sỹ các ngành: Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc, Quản lý Văn hóa, Lý luận và Phương pháp dạy học Mỹ thuật. Trình độ tiến sỹ chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc.
10	Giảng dạy GDTC	45sv	Sân vận động (2.500m)	PPE2010	Giáo dục thể chất 1	
11	Giảng dạy GDTC	45sv	Sân vận động (2.500m)	PPE2011	Giáo dục thể chất 2	

2.Học liệu

T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)			
I. Khối kiến thức chung (M1)			27				
I.1. Các môn học bắt buộc			27				
1	POL2009	Triết học Mac- Lênin	3	1. Học liệu bắt buộc (1) Giáo trình Triết học Mác – Lênin (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)	(1) Bộ Giáo dục và Đào tạo	(1) Nxb Chính trị Quốc gia sự thật 2021	
				2. Học liệu tham khảo (1) Giáo trình Triết học Mác - Lênin	(1) Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh	(1) Nxb Chính trị Quốc gia 2013	

3	POL2011	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	1. Học liệu bắt buộc (1) Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị) 2. Học liệu tham khảo (1) Giáo trình phương pháp dạy - học Chủ nghĩa xã hội khoa học (dùng cho các trường Đại học và Cao đẳng)	(1) Bộ Giáo dục và Đào tạo (1) Nguyễn Văn Cư (chủ biên)	(1) Nxb Chính trị Quốc gia sự thật 2021 (1) Nxb đại học sư phạm, 2007.	
				1. Học liệu bắt buộc (1) Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị) 2. Học liệu tham khảo (1) Giáo trình phương pháp dạy - học Chủ nghĩa xã hội khoa học (dùng cho các trường Đại học và Cao đẳng)	(1) Bộ Giáo dục và Đào tạo (1) Nguyễn Văn Cư (chủ biên)	(1) Nxb Chính trị Quốc gia sự thật 2021 (1) Nxb đại học sư phạm, 2007.	
4	POL2003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1. Học liệu bắt buộc (1) Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)	(1) Bộ Giáo dục và Đào tạo	(1) Nxb Chính trị Quốc gia sự thật 2021	

				2. Học liệu tham khảo (1) Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (3) Hệ thống câu hỏi ôn tập Tư tưởng Hồ Chí Minh	(1) Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh (2) Dương Văn Khoa	(1) Nxb Chính trị Quốc gia 2003 (2) Nxb Đại học sư phạm 2022	
5	POL2012	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	1. Học liệu bắt buộc (1) Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)	(1) Bộ Giáo dục và Đào tạo	(1) Nxb Chính trị Quốc gia sự thật 2021	
				2. Học liệu tham khảo			
				Một số chuyên đề Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam tập 2	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia	
				Một số chuyên đề Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam tập 3	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia	

				Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Hội đồng Trung ương Chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh	Chính trị Quốc gia	
6	INF2001	Tin học cơ bản	2	1. Học liệu bắt buộc Giáo trình Tin học cơ bản dùng cho hệ ĐH: Tài liệu lưu hành nội bộ	Vũ Việt Hoàng chủ biên	Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, 2019	
				2. Học liệu tham khảo			
				Tin học ứng dụng căn bản	Hồ Tuấn Hùng	Nxb Đại học Sư phạm, 2013	

				Hướng dẫn sử dụng Microsoft Office 2013	Website của hãng Microsoft	ttp://www.microsoft.com	
7	CFL2001	Tiếng Anh 1	4	1. Học liệu bắt buộc			
				New Headway: Elementary	Liz and John Soars, Sylvia Wheeldon; (Lê Thúy Hiền giới thiệu)	Nxb Văn hóa Thông tin, 2013	
				2. Học liệu tham khảo			
				Lifelines Elementary	Tom Hutchinson, Minh Thu chú giải	Nxb Văn hóa Thông tin, 2013	
				Essential English Grammar in Use	Raymond Murphy (Lê Thúy Hiền giới thiệu)	Nxb Từ điển Bách Khoa, 2013	
				English File: Elementary	Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig, Paul Seligson; (Lê Thúy Hiền giới thiệu)	Nxb Văn hóa Thông tin, 2012	
				Empower: Elementary Student's book	Adrian Doff, Craig Thaine, Herbert Puchta, Jeff Stranks, Peter Lewis-Jones	Nxb Cambridge	
	CFL2002	Tiếng Anh 2	3	1. Học liệu bắt buộc			

8.				New headway: Pre-Intermediate	John and Liz Soars with Sylvia Wheeldon	Nxb Oxford, 2007	
				2. Học liệu tham khảo			
				Essential English Grammar in Use	Raymond Murphy; (Lê Thúy Hiền giới thiệu)	Nxb Từ điển Bách Khoa , 2013	
				English File: Pre-Intermediate	Christina Latham-Koenig, Clive Oxenden, Paul Seligson (Thu Huyền giới thiệu)	Nxb Thời đại , 2014	
				Gateway to the world B1 Student book	David Spencer	Macmillan, 2023	
9	PPE2010	Giáo dục Thể chất 1	2	1. Học liệu bắt buộc			
				(1) Giáo trình Thể dục tập 1	(1) Phạm Nguyên Phụng, Trần Tuyết Lan, Hoàng Minh Thuận.	(1) Nxb Thể dục thể thao Hà Nội, 2012	
				(2) Giáo trình Thể dục tập 2	(2) Phạm Nguyên Phụng, Trần Tuyết Lan, Hoàng Minh Thuận.	(2) Nxb Thể dục thể thao Hà Nội, 2013	

				(3) Giáo trình Giáo trình Thể dục Aerobic	(3) Đinh Khánh Thu Trương Anh Tuấn Nguyễn Kim Lan	(3) NXB TĐTT Hà Nội (2014)	
				(4) Giáo trình Điền kinh	(4) Nguyễn Văn Thời (chủ biên)	(4) Nxb TĐTT, Hà Nội (2014).	
				(4) Giáo trình Thể dục Aerobics 1 (Dùng cho sinh viên Đại học Sư phạm TĐTT)	(5) Nguyễn Văn Thời (chủ biên)	(5) Nxb TĐTT, Hà Nội (2014)	
				2. Học liệu tham khảo (1) Các bài tập thể lực trong Điền kinh.	(1) Nguyễn Văn Phúc, Nguyễn Đại Dương, Đàm Trung Kiên	(1) Nxb Thể dục thể thao Hà Nội (2012).	
10	PPE2011		3	1. Học liệu bắt buộc (1) Karate căn bản.	(1) Nguyễn Ngọc Khương	(1) Nxb Thể dục thể thao. (2006)	

		Giáo dục thể chất 2 - Võ		(2) Giáo trình Karatedo.	(2) Trần Tuấn Hiếu	(2) Nxb Thể dục thể thao (2001)	
				2. Học liệu tham khảo (1) Ngân hàng câu hỏi và đáp án môn học Karate-do.	(1) Bộ môn võ - Trường ĐHTDTT Bắc Ninh.	(1) Nxb Thể dục thể thao (2009)	
	PPE2011	Giáo dục thể chất 2 (môn Cầu lông)	3	1. Học liệu bắt buộc. (1) Giáo trình Cầu lông.	(1) Nguyễn Văn Đức (Chủ biên), Trần Văn Vinh, Trương Văn Minh, Nguyễn Văn Thạch, Nguyễn Thị Huyền	(1) Nxb Thể dục thể thao Hà Nội 2015.	
				(2) Luật thi đấu Cầu lông.	(2) Tổng cục thể dục thể thao.	(2) NXB Thể dục thể thao Hà Nội (2014)	
				2. Học liệu tham khảo 1.Cầu lông (giáo trình dùng cho SV ĐH TDTT)	Trần Văn Vinh, Đào Chí Thành.	(1) Nxb Thể dục thể thao, 1998	

				(2) Biên soạn tài liệu giảng dạy môn Cầu lông theo hình thức đào tạo tín chỉ tại trường ĐHSPNNTTW (2016 - 2017)	Phạm Minh Tuấn	Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW, 2017	
	PPE2011	Giáo dục thể chất 2 (môn Khiêu vũ)	3	1. Học liệu bắt buộc (1) Khiêu vũ thể thao.	(1) Vũ Thanh Mai (Chủ biên)	(1) Nxb thể dục thể thao, 2011.	
				2. Học liệu tham khảo (1) “Tài liệu giảng dạy môn Khiêu vũ thể thao	ThS. Bùi Thị Huyền, ThS. Nguyễn Minh Trâm. ThS. Nguyễn Minh Anh	Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW, 2020	
11	POL2007	Pháp luật đại cương	2	1. Học liệu bắt buộc (1) Giáo trình pháp luật đại cương	(1) Bộ Giáo dục và Đào tạo	(1) Nxb Đại học Sư phạm, 2015.	
				2. Học liệu tham khảo (1) Giáo trình Lý luận Nhà nước và pháp luật	(1) Trường ĐH Luật Hà Nội	(1) NXB Công an nhân dân, 2013	

				(2) Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam năm 2013	(2) https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Hien-phap-nam-2013-215627.aspx		
				(3) Bộ luật Dân sự nước CHXHCN Việt Nam 2015.	(3) https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Quyen-dan-su/Bo-luat-dan-su-2015-296215.aspx		
				(4) Bộ luật Hình sự nước CHXHCN Việt Nam 2015	(4) https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Trach-nhiem-hinh-su/Bo-luat-hinh-su-2015-296661.aspx		

				(5) Bộ luật Tố tụng Hình sự (sửa đổi) nước CHXHCN Việt Nam năm 2021	(5) https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thu-tuc-To-tung/Luat-sua-doi-Bo-Luat-To-tung-hinh-su-2021-489113.aspx		
				(6) Bộ luật Lao động nước CHXHCN Việt Nam năm 2019.	(6) https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Lao-dong-Tien-luong/Bo-Luat-lao-dong-2019-333670.aspx		
				(7) Luật phòng, chống tham nhũng nước CHXHCN Việt Nam năm 2019.	(7) https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Luat-Phong-chong-tham-nhung-322049.aspx		

				(8) Văn bản về công tác Phòng chống tham nhũng	(8) Bộ Giáo dục và Đào tạo	(8) Tài liệu tập huấn Thanh tra, 2018	
				(9). Giáo trình Luật Quốc tế	(9) Trường ĐH Luật Hà Nội	(9) NXB Công an nhân dân, năm 2013	
12	GDQP	Giáo dục quốc phòng					
II	M2	Khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành	18				
II. 1		<i>Các môn học bắt buộc</i>	14				

14	PPE2008	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1. Họ c	((1) Nhà xuất bản Giáo dục, 1 2008)	Vũ C a o E à n
----	---------	--	---	----------------	---------------------------------------	----------------

			(1)			
			Giá			
			o			
			trìn			
			h			
			phư			
			ơng			
			phá			
			p			
			luậ			
			n			
			ng			
			iên			
			cứu			
			kho			
			a			
			học			

			(2)	(	(2) Nhà xuất bản Đại học	
			Giá	2	Quốc gia, Hà Nội, 2013	
			o	)		
			trìn	H		
			h	o		
			phư	à		
			ơng	n		
			phá	g		
			p	N		
			ng	ộ		
			iên	c		
			cứu	L		
			tâm	a		
			lý	n		
			học			

			(3) Phư ong phá p ngh iên cứu xã hội học	((3) Nhà xuất bản Đại học Quốc Gia, 2016	
--	--	--	---	--	--

					y ẽ n C u ý T h a n h		
--	--	--	--	--	---	--	--

				2. Họ c liệu tha m khả o	((1) Nhà xuất bản Đại học 1 sư phạm Hà Nội, 2015) N g u y ề n T h u T u ấ n	
--	--	--	--	---	--	--

			(1)			
			Phư			
			ơng			
			phá			
			p			
			ng			
			h			
			cứu			
			kho			
			a			
			học			
			giá			
			o			
			dục			
			Mỹ			
			thu			
			ật			

15	MUS2002	Mỹ học	2	1. Học liệu chính 1.1. <i>Giá o trìn h Mỹ học (luu hàn h nội bộ)</i>	Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, 2019	
----	----------------	--------	---	--	---------------------------------	--

					T r à n V ĩ n h K h ư ơ n g c h ủ b i ê n ,	
--	--	--	--	--	--	--

					L a i H ò n g P h o n g , N g u y ẽ n E ã n	
--	--	--	--	--	--	--

					g N g h i		
--	--	--	--	--	-----------------------	--	--

			2. Học liệu tham khảo 2.1. <i>Nhập môn Mỹ học - Văn học và các loại hình nghệ thuật</i>	Đ. Nxb. Đại học LĐXH, 2019 à Nxb. Đại học Sư phạm, H. o 2011, Việt Nam. T h i T h u ý A n h (c h ủ b i ê n) , Đ o à n	
--	--	--	--	---	--

				2.2. Bay lên từ truyề n thốn g	Nxb. Văn hóa thông tin, H. 2011	
16	CLM2001	Cơ sở văn hoá Việt Nam	3	1. Học liệu bắt buộ c		

			1.1. Cơ sở văn hóa Việt Nam	1 . 1 . T r ầ n N g ọ c T h ê n	1.1. Nxb Giáo dục, 2011	
--	--	--	---	--	-------------------------	--

			1.2. Cơ sở văn hoá Việt Nam	1 . 2 . T r ầ n Q u ố c V ư ợ n g (C h ủ b i ê n) ,	1.2. Nxb Giáo dục, 2006	
--	--	--	---	---	------------------------------	--

					T ô N g ọ c T h a n h , N g u y ễ n C h í B ề n , L â	
--	--	--	--	--	---	--

					n M ỹ D u n g , T r ầ n T h ú y A n h	
				2. Học liệu tha m khả o		

			1. Việt Nam văn hóa sử cương	Đào Duy Anh	Nxb Văn hóa Thông tin, 2000	
			2. Việt Nam phong tục	Phan Kế Bính	Nxb Văn hóa Thông tin, 2005	
			3. Bản sắc văn hóa Việt Nam	Phan Ngọc	Nxb Văn học, 2002	

			4.V ăn hóa vùn g và phâ n vùn g văn hóa Việt Na m	N g ô Đ ứ c T h ị n h	Nxb Văn hóa dân tộc,2022	
--	--	--	--	---	--------------------------	--

				5.C ơ sở văn hóa Việt Nam	T r à n g N g ộ c T h ê m	Nxb Giáo dục ,2011	
--	--	--	--	--	---	--------------------	--

17	CLM2010	Đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng cộng sản VN	2	1. Học liệu bắt buộ c	L ê T h ì T h u H ì ề n (2 0 1 9)	.Nxb Văn Học, Hà Nội.
----	---------	--	---	--------------------------------------	--	-----------------------

			Giá o trìn h Đư ờng lối văn hóa của Đản g cộn g sản Việt Na m			
--	--	--	--	--	--	--

			2. Học liệu tham khảo		Nxb Chính trị Quốc gia sự thật, 2022.	
--	--	--	-----------------------------------	--	--	--

			Đư	L		
			ờng	ê		
			lối	M		
			văn	ậ		
			hoá	u		
			của	L		
			Đả	â		
			ng	m		
			tron	(		
			g	c		
			chấ	h		
			n	ủ		
			hưn	b		
			g	i		
			phá	ê		
			t	n		
			triể	)		
			n	,		
			văn	T		
			hoá	S		
			VN	.		

					N g ô V u o n g A n h , N g u y ẽ n B ấ n	
--	--	--	--	--	---	--

					g N h i		
--	--	--	--	--	------------------	--	--

			Quản lý ngân sách trong các tổ chức văn hóa nghệ thuật	Nxb Lao Động 2016	
--	--	--	--	-------------------	--

					T ú , N g u y ễn n T h a n h X u ân	
--	--	--	--	--	---	--

18	CFL2005	Tiếng Anh chuyên ngành	2	1. Học liệu bắt buộc Giáo trình tiếng Anh chuyên ngành Thành lập	Trường ĐHSPNTTW, 2003	
----	----------------	------------------------	---	---	-----------------------	--

					C i ã n g v i ê n t i é n g A n h t r	
--	--	--	--	--	---	--

					u ò n g E H S P N g h ệ t h u ậ t T V	
--	--	--	--	--	---	--

			2.H ọc liệu tha m khả o: - <i>C</i> <i>u</i> <i>t</i> <i>t</i> <i>i</i> <i>n</i> <i>g</i> <i>E</i> <i>d</i> <i>g</i> <i>e</i>	Nhà xuất bản Văn hóa thông tin, (2013) Việt Nam.	
--	--	--	--	---	--

					S a r a h C u n n i n g h a n a n d P e t	
--	--	--	--	--	---	--

					e r M o o r (L ê T h ú y H i è n g i ó i	
--	--	--	--	--	---	--

					thiêu)		
--	--	--	--	--	------------	--	--

19	PPE2030	Kỹ năng khởi nghiệp	2	(1) Là m thuê hay khởi i nghĩ ệp	Đ ồ M ạ n h H ù n g & B ù i T h i N g ầ n	Nhà xuất bản Dân trí, 2022	
----	---------	---------------------	---	--	---	----------------------------	--

			(2)	C	Nhà xuất bản Thế giới, 2019	
			Khô	h		
			ng	u		
			bao	n		
			giờ	g		
			là	J		
			thất	u		
			bại!	Y		
			Tất	u		
			cả	n		
			chỉ	g		
			là	;		
			thử	L		
			thác	ê		
			h	H		
				u		
				y		
				K		
				h		
				o		
				a		

					d i c h		
--	--	--	--	--	------------------	--	--

			(3)	D	Nhà xuất bản Thế giới, 2017	
			Quốc	a		
			c	n		
			gia	S		
			Khở	e		
			i	n		
			nghi	o		
			ệp	r		
				,		
				S		
				a		
				u		
				l		
				S		
				i		
				n		
				g		
				e		
				r		
				,		
				T		

					r i V u o n g d i c h	
--	--	--	--	--	--	--

			(4)	Đ	Nhà xuất bản Thế giới, 2023	
			Cá	ồ		
			nhâ	T		
			n	h		
			hóa	ị		
			khở	T		
			i	u		
			nghi	y		
			ệp	ế		
				t		
				L		
				a		
				n		

			(5)	C	Nhà xuất bản Hồng Đức, 2019	
			Khở	h		
			i	u		
			nghi	T		
			ệp 0	h		
			- 1:	ự		
			Nhữ	y		
			ng	P		
			điều	h		
			khô	o		
			ng	n		
			thể	g		
			bỏ	,		
			qua	D		
			khi	ũ		
			khở	n		
			i	g		
			nghi	N		
			ệp	g		
				u		
				y		

					ẽ n d i c h		
--	--	--	--	--	----------------------------	--	--

			(6)	E	Nhà xuất bản Thế giới, 2018	
			Get	v		
			Bac	a		
			ked:	n		
			Ai	B		
			“ch	a		
			ồng	e		
			lun	h		
			g”	r		
			cho	,		
			bạn	E		
				v		
				a		
				n		
				L		
				o		
				o		
				n		
				i		
				s		
				,		

					L ê T h i ệ n T r í d ị c h	
--	--	--	--	--	--	--

			(7)	N	Nhà xuất bản Thế giới, 2019	
			Ngh	A		
			ĩ	P		
			giàu	C		
			lâm	L		
			giàu	E		
				C		
				N		
				H		
				I		
				L		
				L		
				,		
				V		
				i		
				ệ		
				t		
				K		
				h		
				ư		
				ơ		

					n g , V u o n g L o n g , K h á n h D u y	
--	--	--	--	--	---	--

					’ N g ọ c H â n d ì c h	
				2. Học liệu thà m khả o		

			(1)	N	Nhà xuất bản Đại học Quốc	
			Quả	g	Gia Hà Nội, 2015	
			n trị	u		
			tinh	y		
			gọn	ẽ		
			tại	n		
			Việt	Đ		
			Na	ã		
			m	n		
			đườ	g		
			ng	M		
			tới	i		
			thàn	n		
			h	h		
			côn			
			g			

			(2)	J	Nhà xuất bản Lao động, 2017	
			Phụ	a		
			ng	n		
			sự	e		
			đề	s		
			dẫn	S		
			đầu.	t		
			Tư	r		
			duy	o		
			lãnh	c		
			đạo	k		
			thế	,		
			kỷ	T		
			21	h		
				u		
				H		
				u		
				y		
				ề		
				n		
				d		

					i c h		
--	--	--	--	--	-------------	--	--

			(3)	E	Nhà xuất bản Thế giới, 2022	
			6	d		
			chiế	w		
			c	a		
			mũ	r		
			tư	d		
			duy	D		
				e		
				B		
				o		
				N		
				o		
				-		
				N		
				g		
				u		
				y		
				ẽ		
				n		
				H		
				ữ		

					u D ũ n g d i c h	
--	--	--	--	--	---	--

			(4)	A	Nhà xuất bản Công thương,	
			Bus	l	2023	
			ines	e		
			s	x		
			Mo	a		
			del	n		
			Gen	d		
			erati	e		
			on	r		
			(Tạ	C		
			o	s		
			lập	t		
			môi	e		
			trườ	r		
			ng	w		
			kinh	a		
			doa	l		
			nh)	d		
				e		
				r		
				&		

					Y v e s P i g n e u r , 4 7 0 C ó V á n ,	
--	--	--	--	--	---	--

					Đ o a n h N h â n T ừ 4 5 Q u ố c C i a -	
--	--	--	--	--	---	--

					E d . L u u T h i T h a n h H u y è n d i	
--	--	--	--	--	--	--

					ch		
--	--	--	--	--	----	--	--

			(5)	T	Nhà xuất bản Trẻ, 2023	
			Tư	o		
			duy	n		
			phả	C		
			n	h		
			biện	a		
			đề	t		
			khô	f		
			ng	i		
			bị	e		
			thao	l		
			túng	d		
			tâm	—		
			lý	K		
				h		
				á		
				n		
				h		
				T		
				r		
				a		

					n g d i c h	
--	--	--	--	--	----------------------------	--

			(6)	Đ	Nhà xuất bản Thế giới, 2017	
			Tâ	ồ		
			m	V		
			thái	ă		
			- Bí	n		
			quy	D		
			ết	ũ		
			làm	n		
			chủ	g		
			cuộ			
			c			
			són			
			g từ			
			tron			
			g			
			tâm			

			(7)	J	Nhà xuất bản giáo dục Việt	
			50	e	Nam, 2019	
			quy	a		
			tắc	n		
			vàn	-		
			g	Y		
			làm	v		
			chủ	e		
			cảm	s		
			xúc	A		
				r		
				r		
				i		
				v		
				é		
				-		
				H		
				o		
				à		
				n		
				g		

					Thanthan	
					Thudayidich	

			(8)	S		
			Kỹ	h	Nhà xuất bản thế giới, 2022	
			năm	i		
			g	b		
			lập	a		
			kế	m		
			hoạ	o		
			ch	t		
			hiệu	o		
			quả,	H		
				i		
				d		
				e		
				n		
				o		
				r		
				i		
				-		
				Y		
				o		
				k		

					o d i c h		
--	--	--	--	--	-----------------------	--	--

			(9)	B	Nhà xuất bản tổng hợp thành	
			GO	R	phố Hồ Chí Minh, 2022	
			AL	I		
			S!	A		
			(Chi	N		
			nh	T		
			phụ	R		
			c	A		
			mục	C		
			tiêu	Y		
			)	-		
				N		
				g		
				u		
				y		
				ẽ		
				n		
				T		
				r		
				u		
				n		

					g A n , M B A d i c h	
--	--	--	--	--	---	--

			(10)			
			<u>http</u>			
			<u>://n</u>			
			<u>ova</u>			
			<u>spro</u>			
			<u>.vn/</u>			
			và			
			<u>http</u>			
			<u>://de</u>			
			<u>an1</u>			
			<u>665.</u>			
			<u>vn/</u>			

II. 2	PPE2004	Tâm lý học nghệ thuật	2	1.		
				Họ c liệu bắt buộ c (1) Tâm lý học ngh ệ thu ật	V ư g o t x k i L .X	Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, 1995

			(2)	T	Nhà xuất bản quân đội nhân
			Giá	ổ	dân, 2018.
			o	n	
			trìn	g	
			h	c	
			Tâ	ự	
			m	c	
			lý	c	
			học	h	
			Ng	í	
			hệ	n	
			thu	h	
			ật	t	
				r	
				ì	
				q	
				u	
				â	
				n	

					đ ộ i n h â n d â n V i ệ t N a n ,	
--	--	--	--	--	--	--

			2. Họ c liệu tham khảo		NXB Tri thức, Hà Nội, 2018	
--	--	--	---------------------------------------	--	----------------------------	--

			(1)	F		
			Phâ	r		
			n	e		
			tâm	u		
			học	d		
			và	(		
			văn	N		
			học	g		
			ngh	u		
			ệ	ò		
			thu	i		
			ật	d		
				i		
				c		
				h		
				:		
				E		
				õ		
				L		

					a i T h ú y)	
--	--	--	--	--	---------------------------------	--

			(2)	K	NXB Đà Nẵng, 2019	
			Về	a		
			cái	d		
			tinh	i		
			thâ	n		
			n	s		
			tron	k		
			g	y		
			Ng	(		
			hệ	N		
			thu	g		
			ật	ư		
				ò		
				i		
				d		
				i		
				c		
				h		
				:		

					N g ư y H ã u T â n , T r à n V ã n h	
--	--	--	--	--	---	--

				)		
			(3)	P	NXB Đại học Quốc gia Hà	
			Tâ	h	Nội, 2013	
			m	ạ		
			lý	n		
			học	T		
			sán	h		
			g	à		
			tạo	n		
				h		
				N		
				g		
				h		
				i		

19	MUS2003	Đại cương các loại hình nghệ thuật	2	1. Học liệu bắt buộc 1. <i>Giáo trình Đại cương các loại hình nghệ thuật (lưu hành nội bộ)</i>	Nguyễn Đăng Nghi, Lại Hồng Phong, Trần Vĩnh Khương, Nguyễn Thị Thu Hằng	Khoa Sư phạm Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, 2019	
				2. Học liệu tham khảo 2.1. <i>Nghệ thuật học</i> 2.2. Nghiên cứu biên soạn tài liệu giảng dạy môn nghệ thuật học	Đỗ Văn Khang Trần Thị Vân (2017),	2.1. Nxb Thông tin và truyền thông, 2002 2.2. Hệ ĐHSP Mỹ thuật, Đề tài Khoa học Công nghệ cấp Trường, ĐHSP Nghệ thuật TW 2017	

20	PPE2003	Quản lý hành chính Nhà nước và Quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo	2	1. Học liệu bắt buộc (1) Quản lý hành chính Nhà nước và Quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo	Phạm Viết Vượng (Chủ biên), Ngô Thanh Can, Trần Quang Cấn, Đỗ Ngọc Đạt, Đặng Thị Thanh Huyền, Nguyễn Văn Long, Nguyễn Đức Thìn	NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2003.	
				(2) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức	Quốc hội, số 52/2019/QH14, ngày 25/11/2019	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Luat-can-bo-cong-chuc-va-luat-vien-chuc-sua-doi-2019-405729.aspx	
				(3) Luật viên chức	Quốc hội, số 58/2010/QH12, ngày 15/11/2010	https://chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=98566	

			(4) Luật Giáo dục 2019	Quốc hội, số 43/2019/QH11, ngày 14/06/2019.	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Luat-giao-duc-2019-367665.aspx	
			(5) Điều lệ trường tiểu học 2020	Bộ Giáo dục và Đào tạo	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Thong-tu-28-2020-TT-BGDD-T-ve-Dieu-le-Truong-tieu-hoc-282401.aspx	
			(6) Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông nhiều cấp học, 2020	Bộ Giáo dục và Đào tạo	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Thong-tu-32-2020-TT-BGDD-T-Dieu-le-truong-trung-hoc-co-so-truong-trung-hoc-pho-thong-443627.aspx	

				2. Học liệu tham khảo (1) Tài liệu bồi dưỡng về Quản lý hành chính nhà nước (Chương trình chuyên viên), phần 2 (2) Quản lý giáo dục	Học viện Hành chính quốc gia Bùi Minh Hiền (chủ biên)	Nxb Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội, 2010. Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2011.	
22	CFL2008	Tiếng Việt thực hành Vietnamese Prattice	2	1. Học liệu bắt buộc - <i>Tiếng Việt thực hành</i>	Hoàng Kim Ngọc	Nxb Văn hóa Thông tin (2010).	
				2. Học liệu tham khảo - <i>Tiếng Việt thực hành</i>	Bùi Minh Toán - Nguyễn Quang Ninh	ĐH Sư phạm, 2003	
				2. Tiếng Việt thực hành	Nguyễn Minh Thuyết (Chủ biên), Nguyễn Văn Hiệp	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 1999	

				3.Sách chuyên khảo Đặc điểm cấu tạo và ngữ nghĩa của thuật ngữ Mỹ thuật Tiếng Việt	Lê Thị Mỹ Hạnh (chủ biên)	Nxb Khoa học Xã hội,2019	
III	M3	Khôi kiến thức cơ sở ngành Fundementa l subjects	30				
III. 1		<i>Các môn học bắt buộc Compulsory subjects</i>	26				
23	MUS2060	Lịch sử Âm nhạc thế giới 1	2	1. Học liệu bắt buộc - <i>Giáo trình Lịch sử âm nhạc thế giới (phần châu Âu) cho hệ ĐHSP Âm nhạc</i>	Nguyễn Thị Tố Mai chủ biên, Phạm Lê Hòa, Trịnh Hoài Thu	Trường ĐHSP Nghệ thuật TW	
				2. Học liệu tham khảo - <i>Opera Việt Nam</i>	Nguyễn Thị Tố Mai	Nxb. Âm nhạc, H. 2014, Việt Nam.	
				- <i>Các nhạc sĩ nổi tiếng thế giới</i>	Phạm Lê Hòa	Nxb. Âm nhạc, H.2007	

24	MUS2061	Lịch sử Âm nhạc thế giới 2	2	1. Học liệu bắt buộc - <i>Giáo trình Lịch sử âm nhạc thế giới (phần châu Âu) cho hệ ĐHSP Âm nhạc</i>	Nguyễn Thị Tố Mai chủ biên, Phạm Lê Hòa, Trịnh Hoài Thu	Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, 2014	
				2. Học liệu tham khảo - <i>Opera Việt Nam</i>	Nguyễn Thị Tố Mai	Nxb. Âm nhạc, H. 2014, Việt Nam.	
				- <i>Các nhạc sĩ nổi tiếng thế giới</i>	Phạm Lê Hòa	NXB Âm nhạc, Hà Nội. 2007, Việt Nam.	
25	MUS2056	Âm nhạc Việt Nam	2	1. Học liệu bắt buộc - Giáo trình Âm nhạc Việt Nam (lưu hành nội bộ)	Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Thu Trang, Trần Thị Thanh Hương,	Trường ĐHSP Nghệ thuật TW. (2019)	
				2. Học liệu tham khảo - Tuyển tập nghiên cứu, phê bình âm nhạc truyền thống Việt Nam	Vĩnh Phúc, (Bùi Ngọc Phúc)	Nxb. Mỹ thuật, H. 2017.	
				- Đàn nguyệt trong phong cách hát chầu văn và nhạc tài tử Nam Bộ.	Cồ Huy Hùng	Nxb. Mỹ thuật, H. 2017.	

				-Âm nhạc dân gian xứ Thanh	Nguyễn Liên (chủ biên), Hoàng Minh Tường	Nxb. Mỹ thuật, H. 2017.	
				- Tổng tập âm nhạc Việt Nam	Nhiều tác giả (tập 1)	Nxb Văn hoá Dân tộc, H.2010.	
				- Âm nhạc thánh phòng giao hưởng Việt Nam	Nguyễn Thị Nhung	Viện Âm nhạc, H. 2001.	
				- Âm nhạc mới Việt Nam tiến trình và thành tựu.	PGS. TS Tú Ngọc - PGS.TS Nguyễn Thị Nhung - TS Vũ Tự Lân – Nguyễn Ngọc Oánh - Thái Phiên.	Viện Âm nhạc, H. 2000,	
				- Vấn đề nghiên cứu và đào tạo âm nhạc dân tộc học Việt Nam.	Lê Văn Toàn	Nxb Thanh niên	
26	MUS2008	Lý thuyết âm nhạc 1	3	1.Học liệu bắt buộc <i>-Giáo trình Lý thuyết âm nhạc, lưu hành nội bộ</i>	Trịnh Hoài Thu (chủ biên), Phạm Lê Hòa, Nguyễn Tố Mai, Lê Anh Tuấn, Lương Minh Tân	Nxb Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW (2014).	

				2. Học liệu tham khảo <i>-Tự học nhạc lý cơ bản</i>	Phạm Phương Hoa (chủ biên)	Nxb. Âm nhạc, H. 2014.	
				<i>-Lý thuyết âm nhạc cơ bản</i>	Phạm Tú Hương, Đỗ Xuân Tùng, Nguyễn Trọng Ánh	Nxb. Đại học sư phạm, Việt Nam.(2010)	
				<i>- Lý thuyết âm nhạc cơ bản</i>	V.A.Vakhrameep	Nxb. Âm nhạc, Việt Nam. 1993	
27	MUS2009	Lý thuyết âm nhạc 2	2	1. Học liệu bắt buộc <i>- Giáo trình Lý thuyết âm nhạc, lưu hành nội bộ.</i>	Trịnh Hoài Thu (chủ biên), Phạm Lê Hòa, Nguyễn Tổ Mai, Lê Anh Tuấn, Lương Minh Tân	Nxb. Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW, Việt Nam.(2014).	
				2. Học liệu tham khảo <i>- Tự học nhạc lý cơ bản</i>	Phạm Phương Hoa (chủ biên)	Nxb. Âm nhạc, H. 2014.	

				- <i>Lý thuyết âm nhạc cơ bản</i>	Phạm Tú Hương, Đỗ Xuân Tùng, Nguyễn Trọng Ánh	Nxb. Đại học sư phạm (2010).	
				- <i>Lý thuyết âm nhạc cơ bản</i>	V.A.Vakhrameep	Nxb. Âm nhạc, Việt Nam. 1993	
28	MUS2024	Phân tích tác phẩm 1	2	1. Học liệu bắt buộc - <i>Giáo trình Phân tích tác phẩm âm nhạc</i>	Phạm Lê Hòa	Nxb. Âm nhạc, H.2016,	
				2.Học liệu tham khảo Hợp tuyển tài liệu nghiên cứu - Lý luận phê bình âm nhạc Việt Nam thế kỷ XX Tập 1	Hội đồng biên soạn: Tô Ngọc Thanh, Vũ Nhật Thăng, Đặng Hoàn Loan	Nxb Viện Âm nhạc, 2003	
				Hợp tuyển tài liệu nghiên cứu- lý luận- phê bình âm nhạc thế kỷ XX, tập 2		Nxb Viện Âm nhạc, 2004	
				Hợp tuyển tài liệu nghiên cứu- lý luận- phê bình âm nhạc thế kỷ XX, tập 2B		Nxb Viện Âm nhạc,2004	

				Hợp tuyển tài liệu nghiên cứu- lý luận- phê bình âm nhạc thế kỷ XX, Tập 3		Nxb Viện Âm nhạc,2003	
				Hợp tuyển tài liệu nghiên cứu- lý luận- phê bình âm nhạc thế kỷ XX, tập 5A		Nxb Viện Âm nhạc,2003	
				Hợp tuyển tài liệu nghiên cứu- lý luận- phê bình âm nhạc thế kỷ XX, Tập 5B		Nxb Viện Âm nhạc,2004	
				Hợp tuyển tài liệu nghiên cứu - Lý luận phê bình âm nhạc Việt Nam thế kỷ XX Tập 4	Hội đồng biên soạn: Tô Ngọc Thanh, Vũ Nhật Thăng, Đặng Hoành Loan	Nxb Viện Âm nhạc,2004	
				Phân tích tác phẩm âm nhạc - Quyển 2	Nguyễn Thị Nhung	Nxb Từ điển Bách Khoa,2006	
				Cấu trúc dân ca người Việt	Huyền Nga	Nxb Lao động,2012	

29	MUS2062	Hòa thanh 1	2	1.Học liệu bắt buộc <i>-Giáo trình Hòa thanh dành cho hệ ĐHSPÂN: (lưu hành nội bộ)</i> 2.Học liệu tham khảo	Nguyễn Khải, Phạm Thu Hường, Nguyễn Đức Linh, Lương Minh Tân	Trường ĐHSP Nghệ thuật TW,Việt Nam. (2019)	
				2.Học liệu tham khảo Sách giáo khoa hoà thanh	Phạm Tú Hương, Vũ Nhật Thăng	Nxb Âm nhạc, 1993	
				Tuyển chọn bài tập phân tích hoà thanh	Hoàng Hoa, Trương Ngọc Bích	Trung tâm Thông tin Thư viện, 2012	
				Hoà âm cơ bản	Tạ Hoàng Mai Anh	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.2020	
				Giáo trình Hòa thanh(Bậc đại học)	GS.TS.Phạm Minh Khang	Trung tâm Thông tin - Thư viện Âm nhạc, 2005	
30	MUS2017	Ký xướng âm 1	2	1. Học liệu bắt buộc <i>- Giáo trình Xướng âm giọng C-dur và a-moll cho hệ ĐH Sư phạm Âm nhạc</i>	Nguyễn Tổ Mai chủ biên, Nguyễn Đắc Quỳnh, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Khải	Nxb Khoa học Xã hội, 2021	

				2. Học liệu tham khảo Giáo trình ký - xướng âm: Dành cho bậc Trung học Âm nhạc chuyên nghiệp hệ 7 năm chính quy, Quyển 1: Trình độ 1	Hoàng Hoa, Phạm Phương Hoa	Trung tâm Thông tin - Thư viện Âm nhạc, 2000	
				Phương pháp dạy học ký xướng âm trong đào tạo giáo viên âm nhạc phổ thông	Trịnh Hoài Thu (chủ biên), Nguyễn Thị Tố Mai, Nguyễn Thị Hải Phượng, Trần Thị Thu Anh	Nxb. Âm nhạc, 2011	
				Giáo trình ký - xướng âm: Dành cho bậc Trung học Âm nhạc chuyên nghiệp hệ 7 năm chính quy, Quyển 5: Trình độ V	Phạm Tú Hương, Nguyễn Trọng Ánh cb, Hoàng Hoa, Phạm Thanh Vân	Hà nội, 2004	
31	MUS2018	Ký xướng âm 2	2	1. Học liệu bắt buộc <i>- Giáo trình Xướng âm 2 (lưu hành nội bộ)</i>	Nguyễn Thị Phương Mai chủ biên, Vũ Kim Thu, Nghiêm Hồng Hà, Nguyễn Thị Lệ Huyền	Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, 2019	

				2. Học liệu tham khảo Giáo trình ký - xướng âm: Dành cho bậc Trung học Âm nhạc chuyên nghiệp hệ 7 năm chính quy, Quyển 2: Trình độ II	Phạm Tú Hương, Phạm Thanh Vân	2000	
				Phương pháp dạy học ký xướng âm trong đào tạo giáo viên âm nhạc phổ thông	Trịnh Hoài Thu cb, Nguyễn Thị Tố Mai, Nguyễn Thị Hải Phượng, Trần Thị Thu Anh,	Nxb. Âm nhạc, 2011	
				Giáo trình ký - xướng âm: Dành cho bậc Trung học Âm nhạc chuyên nghiệp hệ 7 năm chính quy, Quyển 5: Trình độ V	Phạm Tú Hương, Nguyễn Trọng Ánh cb, Hoàng Hoa, Phạm Thanh Vân	Hà nội, 2004	

32	MUS2019	Ký xướng âm 3	2	1. Học liệu bắt buộc <i>- Giáo trình Kýxướng âm (Học phần: 3, 4, 5 - lưu hành nội bộ)</i>	Nguyễn Đức Linh – Phạm Xuân Cảnh - Khuất Duy Nhã - Nguyễn Thị Lệ Huyền - Vũ Kim Thu - Nguyễn Hồng Trang	Khoa Sư phạm Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, Việt Nam. (2019)	
				2. Học liệu tham khảo Giáo trình ký - xướng âm: Dành cho bậc Trung học Âm nhạc chuyên nghiệp hệ 7 năm chính quy, Quyển 3: Trình độ III,	Cù Lệ Duyên, Nguyễn Bình Định	Trung tâm thông tin thư viện âm nhạc	
				Phương pháp dạy học ký xướng âm trong đào tạo giáo viên âm nhạc phổ thông	Trịnh Hoài Thu cb, Nguyễn Thị Tố Mai, Nguyễn Thị Hải Phượng, Trần Thị Thu Anh,	Nxb. Âm nhạc	

				Giáo trình ký - xướng âm: Dành cho bậc Trung học Âm nhạc chuyên nghiệp hệ 7 năm chính quy, Quyển 5: Trình độ V	Phạm Tú Hương, Nguyễn Trọng Ánh cb, Hoàng Hoa, Phạm Thanh Vân	Hà nội	
33	MUS2020	Ký xướng âm 4	2	1. Học liệu bắt buộc - <i>Giáo trình Ký xướng âm (Học phần: 3, 4, 5 - lưu hành nội bộ)</i>	Nguyễn Đức Linh – Phạm Xuân Cảnh - Khuất Duy Nhã - Nguyễn Thị Lệ Huyền - Vũ Kim Thu - Nguyễn Hồng Trang	Khoa Sư phạm Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, Việt Nam. (2019)	
				2. Học liệu tham khảo - <i>Giáo trình Ký - Xướng âm Dành cho bậc Trung học Âm nhạc chuyên nghiệp hệ 7 năm chính quy Quyển 4: Trình độ IV</i>	Phạm Minh Khang, Nguyễn Trọng Ánh	Trung tâm thông tin thư viện âm nhạc, 2000	

				- <i>Phương pháp dạy học kỹ xướng âm trong đào tạo giáo viên âm nhạc phổ thông</i>	Trịnh Hoài Thu cb, Nguyễn Thị Tổ Mai, Nguyễn Thị Hải Phượng, Trần Thị Thu Anh	Nxb. Âm nhạc, H. 2011,	
				<i>Giáo trình kỹ - xướng âm: Dành cho bậc Trung học Âm nhạc chuyên nghiệp hệ 7 năm chính quy, Quyển 5: Trình độ V</i>	Phạm Tú Hương, Nguyễn Trọng Ánh cb, Hoàng Hoa, Phạm Thanh Vân	Hà nội, 2004	
34	PPE2002	Giáo dục học	4	1. Học liệu bắt buộc (1) Giáo dục học, Tập 1	Phan Thị Hồng Vinh, Trần Thị Tuyết Oanh, Từ Đức Văn, Vũ Lệ Hoa, Nguyễn Thị Tình, Trịnh Thúy Giang, Nguyễn Thị Thanh Hồng	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, 2018.	

				(2) Giáo dục học Tập 2	Phan Thị Hồng Vinh, Trần Thị Tuyết Oanh, Từ Đức Văn, Vũ Lệ Hoa, Nguyễn Thị Tình, Trịnh Thúy Giang, Nguyễn Thị Thanh Hồng	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, 2018.	
				2. Học liệu tham khảo			
				(1) Giáo dục học, Tập 1	Trần Thị Tuyết Oanh (chủ biên)	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, 2016	
				(2) Giáo dục học, Tập 2	Trần Thị Tuyết Oanh (chủ biên)	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, 2016	
				(3) Giáo dục học	Phạm Viết Vượng	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, 2014	
				(4) Dạy và học tích cực – Một số phương pháp và kỹ thuật dạy học	Bộ GD & ĐT – Dự án Việt – Bỉ	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Hà nội, (2022)	
		<i>Các môn học tự chọn</i> <i>Optional subjects</i>	4/ 1				

35	MUS2012	Sáng tác	2	1. Học liệu bắt buộc: <i>-Giáo trình Sáng tác (lưu hành nội bộ)</i>	Lại Hồng Phong, Lương Minh Tân, Nguyễn Thành Vinh.	(Lưu hành nội bộ), Khoa Sư phạm Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, (lưu hành nội bộ), Việt Nam. 2019.	
				2. Học liệu tham khảo <i>- 55 ca khúc về biển đảo và tình yêu quê hương</i>	Nhiều tác giả (Song Minh tuyển soạn)	Nxb. Âm nhạc, H. 2015, Việt Nam.	
				<i>- Phân tích cấu trúc tác phẩm âm nhạc</i>	Đặng Văn Bông	Nxb. Giáo dục, 2007, Việt Nam.	
				<i>- Ảnh hưởng của âm nhạc dân gian trong tác phẩm khí nhạc mới Việt Nam thế kỷ XX</i>	Trịnh Hoài Thu	Nxb. Âm nhạc, H. 2014, Việt Nam.	

36	MUS2030	Giới thiệu nhạc cụ	2	1. Học Liệu Bắt Buộc - <i>Giáo trình Giới thiệu nhạc cụ. Lưu hành nội bộ</i>	Nguyễn Khải, Lương Minh Tân.	Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, (2019)	
				1. Học liệu tham khảo - <i>Nhạc khí Xơ Đăng ở miền Tây Quảng Ngãi</i>	Nguyễn Thế Truyền	Nxb. Hội Nhà Văn, (2019).	
				- <i>Nhạc khí dân tộc Khmer Sóc Trăng</i>	Sơn Ngọc Hoàng (chủ biên)	Nxb. Hội Nhà Văn (2018),	
				- <i>Nhạc khí dân tộc ở Gia Lai</i>	Đào Duy Quyền	Nxb. Hội Nhà Văn (2018),	
				- <i>Tìm hiểu nhạc cụ của người Tà Ôi</i>	Trần Nguyễn Khánh Phong	Nxb. Hội Nhà Văn (2018),	
				- <i>Giới thiệu một số nhạc cụ dân tộc thiểu số Việt Nam</i>	Tô Ngọc Thanh	Nxb Mỹ thuật, (2017),	

37	VMU200 1	Dân ca	2	1. Học liệu bắt buộc <i>-Giáo trình Dân ca (lưu hành nội bộ)</i>	Đặng Thị Lan	Khoa Thanh nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, Việt Nam, H 2019	
				2. Học liệu tham khảo Phương pháp hát tốt Tiếng Việt trong nghệ thuật ca hát	Trần Ngọc Lan	Nxb Giáo dục Việt Nam, H 2011	
				Hát châu văn	Bùi Đình Thảo, Nguyễn Quang Hải	Nxb Âm nhạc Hà Nội, H2012	
				Thi pháp trèo cổ	Trần Trí Trắc	Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội, H2019	
38	MUS2084	Trải nghiệm các hoạt động Âm nhạc	2	1. Học liệu bắt buộc <i>- Giáo trình Trải nghiệm các hoạt động Âm nhạc dành cho hệ ĐHSP Âm nhạc (lưu hành nội bộ)</i>	Nguyễn Thị Lệ Huyền, Đoàn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Thu Hằng	Khoa Sư phạm Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, Việt Nam. (2019)	

39				2. Học liệu tham khảo <i>- Đánh giá lao động của giáo viên phổ thông ngoài giờ lên lớp</i>	Trần Quốc Thành	Đại học Quốc gia, H. (2015), Việt Nam.	
				<i>-Tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp ở trường tiểu học</i>	Nguyễn Hữu Hợp	Nxb Đại học Sư phạm, (2015), Việt Nam.	
				<i>-Nghiên cứu bài học vì cộng đồng học tập(Sách hướng dẫn đổi mới nhà trường bền vững)</i>	Eisuke Saito, Masatsugu Murase, Không Thị Diễm Hằng	Nxb. Đại học Sư phạm, H. (2015), Việt Nam.	
	MUS2074	Chuyển soạn cho hợp xướng	2	1. Học liệu bắt buộc <i>- Giáo trình Chuyển soạn cho hợp xướng (dành cho bậc Đại học sư phạm âm nhạc)</i>	Lê Vinh Hưng	Nxb. Văn hóa Dân tộc, H.2020, Việt Nam	
				2. Học liệu tham khảo <i>- Hợp xướng Việt Nam</i>	Lê Vinh Hưng	Nxb. Văn hóa Dân tộc, H.2020, Việt Nam.	
				<i>- Nghệ thuật chỉ huy dàn nhạc và hợp xướng</i>	Nguyễn Bách	Nxb. Trẻ, 2010, Việt Nam.	

				- <i>Giáo trình Hợp xướng (Lưu hành nội bộ)</i>	Lê Vinh Hưng (chủ biên), Phạm Hoàng Trung,	Khoa Sư phạm Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, Việt Nam. (2019)	
	M4	Khối kiến thức chuyên ngành Speciality subjects	36				
		<i>Các môn học bắt buộc Compulsory subjects</i>	31				
40	VMU203 1	Thanh nhạc 1.1	1	1. Học liệu bắt buộc - Giáo trình Thanh nhạc 1	Đỗ Hương Giang	Khoa Thanh nhạc - Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW, H2019	
				2. Học liệu tham khảo - <i>Nghệ thuật opera</i>	Nguyễn Trung Kiên	Viện âm nhạc, H.2018, Việt Nam.	
				- <i>Những vấn đề sư phạm thanh nhạc</i>	Nguyễn Trung Kiên	Nxb Âm nhạc, H.2014.	

				<i>-Phương pháp sư phạm thanh nhạc</i>	Nguyễn Trung Kiên.	Viện âm nhạc, H.2014, Việt Nam.	
				<i>- Phương pháp hát tốt tiếng Việt trong nghệ thuật ca hát</i>	Trần Ngọc Lan	Nxb giáo dục Việt Nam, (2011) Việt Nam.	
				<i>- Tự học để trở thành ca sĩ.</i>	Susan Sutherland, Người dịch: Phạm Cao Hoàn	Nxb Hồng Đức, (2014) Việt Nam	
41 VMU2032	Thanh nhạc 1.2 Vocal music 1.2	1		1. Học liệu bắt buộc - Giáo trình Thanh nhạc 1	Đỗ Hương Giang	Khoa Thanh nhạc - Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW, H2019	
				2. Học liệu tham khảo - Nghệ thuật opera	Nguyễn Trung Kiên	Viện âm nhạc, H.2018, Việt Nam.	
				<i>- Những vấn đề sư phạm thanh nhạc</i>	Nguyễn Trung Kiên	Nxb Âm nhạc, H.2014.	
				<i>-Phương pháp sư phạm thanh nhạc</i>	Nguyễn Trung Kiên.	Viện âm nhạc, H.2014, Việt Nam.	

				- <i>Phương pháp hát tốt tiếng Việt trong nghệ thuật ca hát</i>	Trần Ngọc Lan	Nxb giáo dục Việt Nam, (2011) Việt Nam.	
				- <i>Tự học để trở thành ca sĩ.</i>	Susan Sutherland, Người dịch: Phạm Cao Hoàn	Nxb Hồng Đức, (2014) Việt Nam	
42	VMU203 3	Thanh nhạc 2.1 Vocal music 2.1	1	1. Học liệu bắt buộc - Giáo trình Thanh nhạc 2	Lê Minh Tuyền	Khoa Thanh nhạc - Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW (2019)	
				2. Học liệu tham khảo - <i>Nghệ thuật opera</i>	Nguyễn Trung Kiên	Viện âm nhạc, H.2018, Việt Nam.	
				- <i>Những vấn đề sư phạm thanh nhạc</i>	Nguyễn Trung Kiên	Nxb Âm nhạc, H.2014. .	
				- <i>Phương pháp sư phạm thanh nhạc</i>	Nguyễn Trung Kiên.	Viện âm nhạc, H.2014, Việt Nam.	
				- <i>Phương pháp hát tốt tiếng Việt trong nghệ thuật ca hát</i>	Trần Ngọc Lan	Nxb giáo dục Việt Nam, (2011) Việt Nam.	

				- <i>Tự học để trở thành ca sĩ.</i>	Susan Sutherland, Người dịch: PhạmCao Hoàn	Nxb Hồng Đức, (2014) Việt Nam	
\43	VMU203 4	Thanh nhạc 2.2 Vocal music 2.2	1	1. Học liệu bắt buộc - Giáo trình Thanh nhạc 2	Lê Minh Tuyền	Khoa Thanh nhạc - Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW 2019	
				2. Học liệu tham khảo - <i>Nghệ thuật opera</i>	Nguyễn Trung Kiên	Viện âm nhạc, H.2018, Việt Nam.	
				- <i>Những vấn đề sư phạm thanh nhạc</i>	Nguyễn Trung Kiên	Nxb Âm nhạc, H.2014. .	
				- <i>Phương pháp sư phạm thanh nhạc</i>	Nguyễn Trung Kiên.	Viện âm nhạc, H.2014, Việt Nam.	
				- <i>Phương pháp hát tốt tiếng Việt trong nghệ thuật ca hát</i>	Trần Ngọc Lan	Nxb giáo dục Việt Nam, (2011) Việt Nam.	
				- <i>Tự học để trở thành ca sĩ.</i>	Susan Sutherland, Người dịch: PhạmCao Hoàn	Nxb Hồng Đức, (2014) Việt Nam	

44	VMU203 5	Thanh nhạc 3.1 Vocal music 3.1	1	1. Học liệu bắt buộc - Giáo trình Thanh nhạc 3	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Khoa Thanh nhạc - Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW, H2019	
				2. Học liệu tham khảo - Nghệ thuật opera	Nguyễn Trung Kiên	Viện âm nhạc, H.2018, Việt Nam.	
				- Những vấn đề sư phạm thanh nhạc	Nguyễn Trung Kiên	Nxb Âm nhạc, H.2014.	
				-Phương pháp sư phạm thanh nhạc	Nguyễn Trung Kiên.	Viện âm nhạc, H.2014, Việt Nam.	
				- Phương pháp hát tốt tiếng Việt trong nghệ thuật ca hát	Trần Ngọc Lan	Nxb giáo dục Việt Nam, (2011) Việt Nam.	
				- Tự học để trở thành ca sĩ.	Susan Sutherland, Người dịch: PhạmCao Hoàn	Nxb Hồng Đức, (2014) Việt Nam	
45	VMU203 6	Thanh nhạc 3.2 Vocal music 3.2	1	1. Học liệu bắt buộc - Giáo trình Thanh nhạc 3	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Khoa Thanh nhạc - Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW, H2019	

				2. Học liệu tham khảo - <i>Nghệ thuật opera</i>	Nguyễn Trung Kiên	Viện âm nhạc, H.2018, Việt Nam.	
				- <i>Những vấn đề sư phạm thanh nhạc</i>	Nguyễn Trung Kiên	Nxb Âm nhạc, H.2014.	
				- <i>Phương pháp sư phạm thanh nhạc</i>	Nguyễn Trung Kiên.	Viện âm nhạc, H.2014, Việt Nam.	
				- <i>Phương pháp hát tốt tiếng Việt trong nghệ thuật ca hát</i>	Trần Ngọc Lan	Nxb giáo dục Việt Nam, (2011) Việt Nam.	
				- <i>Tự học để trở thành ca sĩ.</i>	Susan Sutherland, Người dịch: PhạmCao Hoàn	Nxb Hồng Đức, (2014) Việt Nam	
46	VMU203 7	Thanh nhạc 4.1	1	1. Học liệu bắt buộc - Giáo trình Thanh nhạc 3	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Khoa Thanh nhạc - Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW, H2019	
				2. Học liệu tham khảo - <i>Nghệ thuật opera</i>	Nguyễn Trung Kiên	Viện âm nhạc, H.2018, Việt Nam.	

				- <i>Những vấn đề sư phạm thanh nhạc</i>	Nguyễn Trung Kiên	Nxb Âm nhạc, H.2014.	
				- <i>Phương pháp sư phạm thanh nhạc</i>	Nguyễn Trung Kiên.	Viện âm nhạc, H.2014, Việt Nam.	
				- <i>Phương pháp hát tốt tiếng Việt trong nghệ thuật ca hát</i>	Trần Ngọc Lan	Nxb giáo dục Việt Nam, (2011) Việt Nam.	
				- <i>Tự học để trở thành ca sĩ.</i>	Susan Sutherland, Người dịch: Phạm Cao Hoàn	Nxb Hồng Đức, (2014) Việt Nam	
47	VMU2038	Thanh nhạc 4.2 Vocal music 4.2	1	1. Học liệu bắt buộc - Giáo trình Thanh nhạc 3	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Khoa Thanh nhạc - Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW, H2019	
				2. Học liệu tham khảo - <i>Nghệ thuật opera</i>	Nguyễn Trung Kiên	Viện âm nhạc, H.2018, Việt Nam.	
				- <i>Những vấn đề sư phạm thanh nhạc</i>	Nguyễn Trung Kiên	Nxb Âm nhạc, H.2014.	

				- <i>Phương pháp sư phạm thanh nhạc</i>	Nguyễn Trung Kiên.	Viện âm nhạc, H.2014, Việt Nam.	
				- <i>Phương pháp hát tốt tiếng Việt trong nghệ thuật ca hát</i>	Trần Ngọc Lan	Nxb giáo dục Việt Nam, (2011) Việt Nam.	
				- <i>Tự học để trở thành ca sĩ.</i>	Susan Sutherland, Người dịch: PhạmCao Hoàn	Nxb Hồng Đức, (2014) Việt Nam	
48	PIA2030	Piano 1	1	1. Học liệu bắt buộc - Giáo trình Piano 1	<i>Đinh Công Hải</i>	Khoa Piano- Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, H2019	
				2. Học liệu tham khảo - Giáo trình Thanh nhạc 1	<i>Đỗ Hương Giang</i>	Khoa Thanh nhạc - Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW, H2019	
49	PIA2031	Piano 2	1	1. Học liệu bắt buộc - Giáo trình Piano 2	<i>Đinh Công Hải</i>	Khoa Piano- Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, H2019	
				2. Học liệu tham khảo - Giáo trình Thanh nhạc 1	<i>Đỗ Hương Giang</i>	Khoa Thanh nhạc - Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW, 2019	
50	PIA2032	Piano 3	1	1. Học liệu bắt buộc - Giáo trình Piano 3	<i>Đinh Công Hải</i>	Khoa Piano- Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, H2019	
				2. Học liệu tham khảo - Giáo trình Thanh nhạc 2	<i>Lê Minh Tuyến</i>	Khoa Thanh nhạc - Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW, H2019	

51	MUS2080	Hợp xướng 1	2	1.Học liệu bắt buộc: - <i>Giáo trình Hợp xướng (lưu hành nội bộ)</i>	Lê Vinh Hưng - Phạm Hoàng Trung.	Khoa Sư phạm Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, (lưu hành nội bộ), Việt Nam. (2019)	
				2.Tài liệu tham khảo - <i>Hợp xướng Việt Nam</i>	Lê Vinh Hưng	Nxb. Văn hóa Dân tộc, H. 2020, Việt Nam.	
				- <i>Giáo trình Chuyển soạn cho hợp xướng(dành cho bậc Đại học sư phạm âm nhạc)</i>	Lê Vinh Hưng	Nxb. Văn hóa Dân tộc, H. 2020, Việt Nam.	
52	MUS2081	Hợp xướng 2	2	1. Học liệu bắt buộc: - <i>Giáo trình Hợp xướng (lưu hành nội bộ)</i>	Lê Vinh Hưng - Phạm Hoàng Trung	Khoa Sư phạm Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, (lưu hành nội bộ), Việt Nam. 2019	
				2.Tài liệu tham khảo - <i>Hợp xướng Việt Nam</i>	Lê Vinh Hưng	Nxb. Văn hóa Dân tộc, H. 2020, Việt Nam.	

				- <i>Giáo trình Chuyển soạn cho hợp xướng(dành cho bậc Đại học sư phạm âm nhạc)</i>	Lê Vinh Hưng	Nxb. Văn hóa Dân tộc, H. 2020, Việt Nam.	
53	VMU202 1	Phát âm tiếng Ý	3	1.Học liệu bắt buộc: Tiếng Ý dùng cho âm nhạc	Nguyễn Bách	Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương (lưu hành nội bộ). 2016	
				2. Học liệu tham khảo: - <i>Phương pháp hát tốt tiếng Việt trong nghệ thuật ca hát</i>	Trần Ngọc Lan	Nxb giáo dục Việt Nam, (2011) Việt Nam.	
				- <i>Tự học để trở thành ca sĩ.</i>	Susan Sutherland, Người dịch: Phạm Cao Hoàn	Nxb Hồng Đức, (2014) Việt Nam	
54	VMU202 2	Lịch sử và PP Sư phạm Thanh nhạc	3	1.Học liệu bắt buộc: - Phương pháp Sư phạm Thanh nhạc	Nguyễn Trung Kiên	Viện âm nhạc, H.2014, Việt Nam.	
				2.Học liệu tham khảo: - <i>Lược sử Opera</i>	Nguyễn Trung Kiên	- Nhà xuất bản từ điển Bách khoa (2011)	
				Lịch sử nghệ thuật thanh nhạc phương Tây	Hồ Mộ La	- Nhà xuất bản từ điển Bách khoa.2005	

				- Những vấn đề sư phạm thanh nhạc	Nguyễn Trung Kiên	- Nxb Âm nhạc, H.2014.	
55	VMU2020	Kỹ thuật diễn viên	2	1. Học liệu bắt buộc: - <i>Từ A đến Z & tổng đạo diễn chương trình ca mùa nhạc</i>	Vũ Minh Vỹ	-Nxb Thanh Niên, Hà Nội. (2019)	
				2. Học liệu tham khảo: - Nghệ thuật Opera	Nguyễn Trung Kiên	Viện Âm nhạc, Hà Nội, 2004	
				Chân dung nghệ sĩ, Nxb Sân khấu	Hoàng Chương	Nxb Sân khấu, Hà Nội (1995)	
				<i>Đại cương nghệ thuật sân khấu</i>	Trần Trí Trắc	- Nxb lao động, Hà Nội, 2014	
56	VMU2025	Thực hành biểu diễn	3	1. Học liệu bắt buộc: - <i>Từ A đến Z & tổng đạo diễn chương trình ca mùa nhạc</i>	Vũ Minh Vỹ	-Nxb Thanh Niên, Hà Nội. (2019)	
				2. Học liệu tham khảo: - Nghệ thuật Opera	Nguyễn Trung Kiên	Viện Âm nhạc, Hà Nội, 2004	
				Chân dung nghệ sĩ, Nxb Sân khấu	Hoàng Chương	Nxb Sân khấu, Hà Nội (1995)	

				<i>Đại cương nghệ thuật sân khấu</i>	Trần Trí Trắc	- Nxb lao động, Hà Nội, 2014	
57	VMI2004	Đệm đàn 1	2	1. Học liệu bắt buộc Giáo trình Đệm thanh nhạc 1 (Hệ đại học Piano - Lưu hành nội bộ)	Đinh Công Hải chủ biên	-NXB Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW, 2019	
				2. Học liệu tham khảo 1. Mozart selected works for piano	Compiled and Edited by Keith Snell	NEIL A. KJOS MUSIC COMPANY, PUBLISHER, 1997	
				2. BRAHMS Konzert Nr.2 B-Dur/Bb major Opus 83	Edition Peters	Edition Peters Group, London New York, 2015	
				3. Sonatina of the Old West	Composer in Focus	The FJH music company inc, 2005	
				4. Piano Sonatinas Book Four Early Advanced	Compiled and edited by Nance & Randall Faber	Faber Piano Adventures, USA.	

				5. Debussy - Pour Le Piano	Edition Peters	C.F. Peter - FRANKFURT, New York, LonDon	
58	VMI2005	Đệm đàn 2	3	1. Học liệu bắt buộc Giáo trình Đệm thanh nhạc 2 (Hệ đại học Piano - Lưu hành nội bộ)	Đinh Công Hải chủ biên	-NXB Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW, 2019	
				2. Học liệu tham khảo 1. Mozart selected works for piano	Compiled and Edited by Keith Snell	NEIL A. KJOS MUSIC COMPANY, PUBLISHER, 1997	
				2. BRAHMS Konzert Nr.2 B-Dur/Bb major Opus 83	Edition Peters	Edition Peters Group, London New York, 2015	
				3. Sonatina of the Old West	Composer in Focus	The FJH music company inc, 2005	
				4. Piano Sonatinas Book Four Early Advanced	Compiled and edited by Nance & Randall Faber	Faber Piano Adventures, USA.	

				5. Debussy - Pour Le Piano	Edition Peters	C.F. Peter - FRANKFURT, New York, London	
59	MUS2075	Chỉ huy hợp xướng Conductor	2	1. Học liệu bắt buộc - <i>Giáo trình Chỉ huy hợp xướng</i> (lưu hành nội bộ)	Lê Vinh Hưng	Khoa Sư phạm Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW. (2019)	
				2. Học liệu tham khảo - <i>Hợp xướng Việt Nam</i>	Lê Vinh Hưng	Nxb. Văn hóa Dân tộc, (2020), Việt Nam.	
				<i>Giáo trình Chuyển soạn cho hợp xướng(dành cho bậc Đại học sư phạm âm nhạc)</i>	Lê Vinh Hưng	Nxb. Văn hóa Dân tộc,(2020), Việt Nam.	
				- <i>Chỉ huy dàn dựng hát tập thể</i>	Đoàn Phi	Nxb Thanh niên; H (2010) Việt Nam.	
				- <i>Nghệ thuật chỉ huy Dàn nhạc và hợp xướng</i>	Nguyễn Bách	Nxb Trẻ, Tp. HCM(2010) Việt Nam.	

60	VMU201 3	Các chuyên đề khác Other themes					
	M5	Khởi kiến thức thực tập	7				
61	VMU203 9	Thực tập nghề nghiệp 1 Carreer Practice 1	3				
62	VMU204 0	Thực tập nghề nghiệp 2 Carreer Practice 2	4				
VI	M6	Khởi kiến thức cuối khóa	14				
63	VMU201 6	Chương trình biểu diễn nghệ thuật	14				

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG PHỤ TRÁCH

(Ký và đóng dấu)

PGS.TS Lê Vinh Hưng